

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận



Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 228 - Năm thứ 21, tháng 09-2008

Thượng viện Mỹ sắp biểu quyết một dự luật nhân quyền đối với Việt Nam

Trong tháng 9 này, thượng viện Mỹ sẽ thảo luận và biểu quyết, sau một số sửa đổi, dự luật HR 3096, được gọi là Dự Luật Nhân Quyền 2007 cho Việt Nam, đã được hạ viện Mỹ thông qua với một đa số áp đảo năm trước.

Dự luật, sau khi bày tỏ quan tâm của Hoa Kỳ đến tình trạng nhân quyền tại Việt Nam, đặc biệt là những biện pháp đàn áp và sách nhiễu đối với các tôn giáo và những người dân chủ, khẳng định yểm trợ mọi cố gắng cải thiện các quyền căn bản của con người. Một ngân khoản thường niên, khoảng ba triệu USD, được dự trù cho công tác yểm trợ này.

Theo cách làm việc của quốc hội Mỹ thì rủi ro lớn nhất của một dự luật nhắm bảo vệ một giá trị cao quý như nhân quyền là không được đem ra biểu quyết trong niên khóa của thượng viện, từ tháng 1 đến tháng 11, và như thế đương nhiên bị bác bỏ; nhưng ngược lại một khi đã được tu chính, thảo luận và biểu quyết thì có rất nhiều triển vọng được thông qua. Đây là một sự kiện quan trọng trong quan hệ Mỹ - Việt cần được nhận định đúng đắn.

Trước hết phải tuyên dương những cố gắng kiên trì và nghiêm chỉnh của nhiều tổ chức dân chủ của người Việt hải ngoại, đặc biệt là tại Mỹ. Dự luật có lúc tưởng như đã chết, sự hồi sinh của nó gần như một phép mầu.

Chính quyền cộng sản Việt Nam sẽ sai lầm nếu cho rằng dự luật này phản ánh một thái độ thù địch đối với Hà Nội. Văn bản của hạ viện sẽ được sửa đổi để tránh mọi hiểu lầm là dự luật nhắm mục đích chế tài. Dự luật chỉ nhắm yểm trợ mọi cố gắng và sáng kiến trong chiều hướng thuận lợi cho dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Nếu có những người cộng sản đủ sáng suốt để hiểu rằng tiến trình dân chủ hóa là bắt buộc và không thể đảo ngược, và đảng cộng sản phải chủ động thay vì bị động trong tiến trình này, thì họ phải đón nhận dự luật này như một tin mừng. Họ phải hiểu rằng dự

luật này không ngăn cản mà còn là điều kiện để Mỹ có thể tăng cường hợp tác với Việt Nam mà không bị lên án là phản bội ký ức của 60.000 thanh niên Mỹ đã bỏ mình tại Việt Nam nhân danh dân chủ và nhân quyền.

Chính quyền Việt Nam cũng sẽ rất sai lầm nếu coi dự luật như là một can thiệp của Mỹ vào nội tình Việt Nam. Nhân quyền là một giá trị phổ cập của loài người và mọi quốc gia đều có quyền và bổn phận bảo vệ nó bất cứ lúc nào và nơi nào. Hơn nữa, can thiệp để bảo vệ lẽ phải còn là một điều cần thiết cho hòa bình và ổn định trên thế giới và là một nghĩa vụ đối với các nước có khả năng. Một thí dụ cụ thể là ngay trong lúc này nước cộng hòa nhỏ bé Georgia đang rất cần sự can thiệp của các cường quốc dân chủ để bảo vệ một giá trị phổ cập khác, sự toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, trước hành vi xâm lược của Nga. Ở một mức độ nào đó Việt Nam cũng có một vấn đề tương tự; trong vùng biên giới phía Bắc có một số sắc dân khá đông đảo chưa hội nhập hoàn toàn vào quốc gia Việt Nam và có thể bị xúi giục ly khai, như trường hợp của gần ba triệu người Nùng và Tày. Chính Việt Nam cũng đang cần một quan tâm tích cực của các cường quốc, đặc biệt là Hoa Kỳ, trong cố gắng tìm kiếm một giải pháp thỏa đáng với Trung Quốc về những tranh chấp lãnh thổ và lãnh hải.

Cũng phải vất bỏ một quan niệm đã quá lỗi thời coi biên giới quốc gia như có vai trò qui định một vùng an toàn cho các chính quyền trong đó họ có thể làm bất cứ gì với những người dân của họ. Một đất nước như thế không khác gì một nhà tù và sẽ không thể tồn tại trong một thế giới văn minh. Trong chiều sâu phản ứng của Hà Nội đối với dự luật này tùy thuộc ở một chọn lựa chiến lược căn bản: sáp lại với Hoa Kỳ và các nước dân chủ hay tiếp tục lệ thuộc vào Trung Quốc.

Thông Luận

Chính sách "một con" sẽ dẫn Trung Quốc về đâu ?

Nguyễn Minh

Kết quả ngày bế mạc Thế Vận Hội Bắc Kinh 24-8-2008 vừa qua, Trung Quốc đứng đầu với 51 huy chương vàng trong tổng số 100 huy chương đã đạt được, hơn hẳn Hoa Kỳ (36 huy chương vàng) và Nga (23 huy chương vàng), vốn là hai quốc gia luôn luôn dẫn đầu thế giới về số huy chương trong các cuộc thi đấu quốc tế và thế vận.

Thành tích này đã làm dân chúng và chính quyền Trung Quốc rất hãnh diện. Đây là lần đầu tiên các lực sĩ Trung Quốc đạt được 1/6 tổng số huy chương vàng của các bộ môn trong một cuộc thi đấu tầm vóc thế giới (51/303 huy chương). Cố gắng luyện tập của hàng ngàn lực sĩ trong suốt thời gian từ năm đến bảy năm, trong đó 639 người được chọn để thi đấu, đã được đền bù xứng đáng.

Đối với một số người, sự thành công của các lực sĩ Trung Quốc tại Thế Vận Hội Bắc Kinh là kết quả của chính sách "một con" được áp dụng tại Trung Quốc từ 1978 đến nay mang lại, tất cả đều dưới 30 tuổi, nghĩa là được sinh ra trong gia đình chính sách "một con". Sự thực như thế nào ?

Nguồn gốc của chính sách "một con"

Năm 1971, lo âu trước sự khan hiếm lương thực và nạn nhân mẫn Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã tung ra chiến dịch "bốn hạn chế" : văn hôn, văn sinh, thiếu sinh và ưu sinh. Văn hôn là kết hôn trễ, nhà nước quy định tuổi lập gia đình của phái nam là từ 22 tuổi trở lên và 20 tuổi cho phái nữ, thay vì 19 và 17 tuổi như trước. Văn sinh là sinh đẻ trễ, chính quyền khuyến khích phụ nữ đến tuổi 24 mới nên sinh con. Thiếu sinh là hạn chế sinh đẻ, tốt nhất một gia đình chỉ nên có một con, hay chỉ sinh đứa con thứ hai sau bốn năm cách khoảng. Ưu sinh là chỉ giữ những thai nhi hoàn chỉnh, nghĩa là không mắc bệnh di truyền hay tật bệnh bẩm sinh, để xây dựng một đội ngũ nhân tài có ích cho sự nghiệp hiện đại hóa của đất nước. Chủ trương ưu sinh này rất vô nhân đạo, thai nhi hay trẻ sơ sinh nào bị coi là không bình thường đều bị loại trừ một cách không thương tiếc.

Sau một thời gian thử nghiệm, chính sách bốn hạn chế này đã mang lại một số hiệu quả đáng kể, tỷ lệ sinh sản của phụ nữ Trung Quốc giảm từ 5,75 xuống còn 2,75 con/người, nhưng dân số Trung Quốc tiếp tục gia tăng một cách báo động (gần một tỷ người). Năm 1978 Đặng Tiểu Bình được đưa lên cầm quyền, ông chủ trương canh tân đất nước bằng "bốn hiện đại hóa" (nông nghiệp, công nghiệp, khoa học kỹ thuật và quốc phòng), trong đó hạn chế sinh đẻ tại nông thôn là một trong những điều kiện bắt buộc để canh tân. Chính sách này gây nhiều bất mãn trong giới nông dân vốn chiếm 80% dân số, vì lao động là nguồn lợi duy nhất mà người nông dân có được, mất hay giảm nguồn lợi này đời sống của người nông dân trở nên đen tối.

Cũng nên biết, tại nông thôn gia đình nào có nhiều lao

động là một may mắn vì đó là một bảo đảm cho tuổi già và nguồn lao động chính là phái nam. Người phụ nữ khi lấy chồng chỉ phục vụ gia đình bên chồng nên ít được trọng vọng. Chính vì thế, một số nữ công nhân thuộc chi bộ đảng công ty dệt Thiên Tân tung ra khẩu hiệu : "Để sản xuất và xây dựng, chúng tôi không cần con trai". Một thời gian sau, họ tung thêm khẩu hiệu : "Một gia đình một đứa con". Khẩu hiệu này không ngờ được sự hưởng ứng của 44 nữ giáo sư tại Học viện y học Thiên Tân. Họ đã cùng nhau làm một kiến nghị thư gửi đến đảng ủy thành phố Thiên Tân yêu cầu ban hành chính sách "một con". Năm 1979, chính sách "một con" lần đầu tiên được áp dụng tại thành phố Thiên Tân và lan truyền nhanh chóng sang các thành phố lớn khác như Thượng Hải. Từ sau ngày đó, Trung Quốc đã biến chính sách này thành một quốc sách, và áp dụng một cách triệt để đến nay đã được 30 năm.

Thực hiện chính sách "một con"

Theo số liệu của Viện thống kê Bắc Kinh, năm 2007 tổng dân số Trung Quốc là 1 321 290 000 người, tăng 6,81 triệu người so với năm trước. Sau 30 năm thực hiện chính sách "một con", tốc độ gia tăng dân số hàng năm đã giảm từ 23 triệu người năm 1978 xuống còn gần 7 triệu người năm 2007. Điều này giải thích tại sao dân số Trung Quốc tăng chậm hơn dân số Ấn Độ.

Để khuyến khích dân chúng thi hành chính sách này, chính quyền trợ cấp cho tất cả những đứa con duy nhất trong gia đình giữ đúng cam kết cho hết năm 14 tuổi. Về kinh tế, đây là một nguồn trợ cấp lớn vì được miễn phí trong các dịch vụ di chuyển, học hành, v.v. Ngược lại, những gia đình không chấp hành nghiêm chỉnh lệnh này phải đóng một món tiền phạt gọi "phí sản xuất thặng dư" (khoảng 25 000 nhân dân tệ) và không được ghi tên vào sổ hộ khẩu. Nếu tiếp tục vi phạm, người đàn ông có thể bị làm tiệt tinh trùng và người phụ nữ có thể bị ép buộc phá thai hoặc bị cắt noãn sào. Một ngoại lệ của chính sách này là nếu hai vợ chồng chứng minh mình là hai đứa con duy nhất trong gia đình thì có quyền sinh đẻ hợp lệ đứa con thứ hai. Trong thực tế, chỉ những gia đình giàu có mới dám sinh nhiều con, vì đủ tiền đóng tiền phạt, trong khi đó số trẻ em "sinh chui" tại Trung Quốc rất đông và thường mang một tên giả để sinh sống.

Đầu năm 2007, Bắc Kinh công bố hai văn kiện cơ bản về dân số : báo cáo chiến lược về nhân khẩu quốc gia và quyết định của trung ương đảng và quốc vụ viện về việc giải quyết thống nhất chế độ nhân khẩu và sinh đẻ có kế hoạch. Theo đó, đến giữa thế kỷ 21, dân số Trung Quốc vẫn ở vào khoảng 1,5 tỷ người sau đó sẽ từ từ hạ xuống để giữ tỷ lệ sinh đẻ dưới 2,1%/năm, tức chỉ được một con trong gia đình. Thành tích thấy rõ của việc thực hiện chính sách "một con" này tại Trung Quốc trong 30 năm qua là Trung

Quốc đã hạn chế được sự ra đời của ít nhất 400 triệu người. Những nhà lãnh đạo Trung Quốc hãnh diện cho rằng họ đã làm thặng lại sự bộc phát dân số trên toàn thế giới.

Đối với một số nhà quan sát, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của Trung Quốc đã một phần nhờ vào sự kiểm soát đa gia tăng dân số. Lợi tức tạo ra không phải chia thêm trên những đầu người thừa thãi, như lời nhận định của một viên chức cao cấp trong chính quyền Trung Quốc. Đồng tiền kiếm được không chỉ để mua lương thực mà còn có thể mua sắm nhiều thứ khác, nhờ đó kích thích thêm sản xuất và tạo thêm của cải trong xã hội.

Mặt trái của chính sách "một con"

Vấn đề của Trung Quốc hiện nay không phải dân số đông mà là ý thức bảo vệ môi trường. Tưởng cũng nên nhắc lại là trong suốt dòng lịch sử cận đại người Trung Quốc là một dân tộc du cư, trước kia họ tập cư quanh khu vực sông Hoàng Hà sau đó di tản đi khắp nơi để tìm đất mới canh tác và buôn bán. Họ chặn sông làm đập, tàn phá rừng để lấy đất canh tác, tiêu hủy thảo nguyên để xây dựng thành thị. Người Trung Quốc chỉ rời quê cha đất tổ khi nơi đó không còn canh tác được. Nói tóm lại, nơi nào họ bỏ đi nơi đó trở thành sa mạc, vì người Trung Quốc không có ưu tư về bảo vệ môi trường. Ngày nay khi Bắc Kinh đang bị nạn sa mạc hóa đe dọa, chính quyền trung ương mới bắt đầu có phản ứng, nhưng còn rất dè dặt. Tất cả những tai họa thiên nhiên đều đổ vạ cho nhân mãn, vì đông người nhưng thiếu đất nên phải tàn phá môi trường để sinh sống. Về lương thực, từ năm 1992 Viện khoa học Trung Quốc đã tính : năng lực sản xuất quốc nội và năng suất lao động của Trung Quốc chỉ đủ nuôi tối đa một dân số khoảng 1,6 tỷ người, do đó phải giữ vững con số này.

Trong thực tế, chính sách "một con" của Trung Quốc đang để lại nhiều hậu quả khó giải quyết :

Trước hết là số người già. Nếu thế kỷ 20 là thế kỷ của sự bùng phát dân số thì thế kỷ 21 là thế kỷ của sự lão hóa toàn cầu. Nếu chính quyền Trung Quốc cứ tiếp tục áp dụng chính sách "một con", đến năm 2030 họ sẽ phải đối phó với việc lão hóa trên toàn quốc và tại một số khu vực đông dân cư trong các thành phố lớn. Số người già cả đông đảo sẽ là một gánh nặng mà các chính quyền mai sau phải nhận lãnh nếu không tìm ra được biện pháp giải quyết ngay từ bây giờ. Số người trên 65 tuổi tại Trung Quốc năm 2000 là 88,37 triệu người, năm 2050 sẽ tăng lên 320 triệu người. Số người trên 80 tuổi, năm 2000 là 12 triệu, năm 2005 tăng lên 12,5 triệu. Do chính sách "một con", sự chăm sóc người già sẽ không do con cái trong gia đình đảm nhiệm mà do xã hội, người già với số lượng lớn sẽ là một gánh nặng lớn cho các thế hệ tiếp theo. Thêm vào đó, chế độ bảo hiểm xã hội trên toàn quốc chưa được hoàn chỉnh, sự lão hóa của dân số sẽ còn làm gia tăng mức độ trầm trọng của các vấn đề xã hội, kinh tế và đời sống của người Trung Quốc vốn đã khó khăn.

Kế đến là tỷ lệ nam nữ trong xã hội. Do chỉ được quyền có một con, gia đình nào cũng muốn có con trai để nối dõi. Khuynh hướng "trọng nam khinh nữ" này đã tạo ra một vấn

đề trầm trọng trong xã hội : tỷ lệ nam nữ không cân bằng được nữa. Năm 2006, tỷ lệ nam/nữ tại Nhật là 105,3, ở Trung Quốc tỷ lệ này là 120,22, đây là con số cao dị thường cho thấy trong tương lai Trung Quốc rất thiếu đàn bà. Tâm lý trọng nam khinh nữ đã tạo ra nhiều án mạng mà nạn nhân là những trẻ sơ sinh hay bào thai nữ giới còn ở trong bụng mẹ. Tình trạng này chưa có triệu chứng suy giảm, nếu không muốn nói là trầm trọng hơn. Mỗi ngày có hàng chục ngàn vụ phá thai chính thức trên toàn quốc, nếu kể thêm những vụ phá thai chui thì con số sẽ cao vượt ngoài mọi dự đoán. Đó là chưa kể đến năm 2020, khoảng 30 triệu đàn ông Trung Quốc sẽ sống độc thân suốt đời vì thiếu phụ nữ.

Vấn đề trầm trọng nhất cho sinh hoạt kinh tế tại Trung Quốc là nguy cơ thiếu lao động. Hiện nay có khoảng 200 triệu lưu dân sống kiếp lang thang trong các thành phố và sẵn sàng làm bất cứ điều gì để sống và để dành tiền gửi cho vợ nuôi con ở nông thôn. Người ta không biết phản ứng của số lưu dân đông đảo này khi đòi quyền sống.

Xét về công hay tội của chính sách "một con" hiện nay là còn quá sớm. Về mặt tích cực, chính sách này đã góp phần làm giảm dân số tại Trung Quốc và trên thế giới. Trung Quốc chiếm 1/3 dân số thế giới. Hiện nay một số quan sát viên quốc tế và Trung Quốc chủ trương du di chính sách nhân khẩu : cho phép đẻ hai con (trên 2,1%) để duy trì dân số lao động trong tương lai. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng dân số Trung Quốc vẫn tăng đều gần 7 triệu người/năm do đó cứ tiếp duy trì chính sách "một con", bất chấp sự chế giễu của dư luận quốc tế.

Do bị lóa mắt trước sự vĩ đại của các công trình xây dựng đang dần dần được đưa ra ánh sáng như Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008, Đập Tam Lũng Hiệp năm 2009, Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải năm 2010, giới lãnh đạo Bắc Kinh chưa chịu lắng nghe ý kiến của các chuyên gia về dân số để điều chỉnh lại các chính sách về nhân khẩu. Nếu cứ duy trì một cách cứng nhắc chính sách "một con" này, xã hội Trung Quốc sẽ lâm vào bế tắc trong 10 năm sắp tới vì sự lão hóa của dân chúng trong khi số người sinh ra không đủ để bù đắp số người mất dần sức lao động. Sự phát triển bền vững mà chính quyền Trung Quốc thường hãnh diện sẽ bị sụp đổ, và hiện nay đang có nhiều triệu chứng sụp đổ.

Trong tháng 3-2008, ông Lý Vũ (Lee Woo), vốn là một nhà dân số học, được chỉ định làm chủ nhiệm ủy ban kế hoạch sinh đẻ và nhân khẩu quốc gia Trung Quốc. Không biết ông Lý Vũ có đủ uy tín để thuyết phục các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang say sưa với sự thành công của Thế Vận Hội Bắc Kinh để sớm tỉnh ngộ hay không ?

Trong Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008 vừa qua, các lực sĩ Trung Quốc có số huy chương vàng cao hơn Mỹ và Nga, đây là một thành tích rất đáng hãnh diện của người Trung Quốc. Thành tích này sẽ không duy trì được lâu nếu chính quyền không biết điều chỉnh lại chế độ nhân khẩu để thích ứng với tương lai. Chính sách "một con" đã có vai trò tích cực trong 30 năm qua, cần phải điều chỉnh ngay từ bây giờ để có thể duy trì sự phát triển bền vững.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Thế Vận Bắc Kinh 2008, để làm gì ?

Nguyễn Gia Kiểng

Thế vận Bắc Kinh 2008 đã kết thúc như Bắc Kinh mong muốn : một thế vận rất hoành tráng trong đó Trung Quốc đoạt nhiều huy chương vàng nhất. Nhưng nếu có những thắng lợi có vị đắng của thất bại thì đây chính là một.

Thế vận này đã là thế vận tốn kém nhất. Theo nhiều ước lượng Bắc Kinh đã chi tiêu 42 tỷ USD, tương đương với ngân sách thực phẩm trong hai tháng của 1.300 triệu người Trung Quốc mà một số đông chưa đủ ăn, vượt rất xa con số 16 tỷ USD của Thế Vận Athens đã từng được coi là một kỷ lục. Nó cũng đã và có lẽ sẽ là thế vận lỗ vốn nhất ; số du khách nước ngoài kém hẳn các thế vận khác vì Bắc Kinh không những không khuyến khích mà còn cản trở. Và con số 42 tỷ USD này chưa kể những chi phí đào tạo và huấn luyện các vận động viên để đoạt huy chương, những chi phí bảo đảm an ninh. Chưa kể những hợp đồng để dãi phải ký để được sự hiện diện của các nguyên thủ quốc gia lớn ; những chi phí bảo trì sau này cho những công trình xây dựng không có công dụng thực tiễn vì chỉ nhằm phục vụ thế vận ; những ca ốc vài chục tầng được xây cất vội vã để gây ấn tượng mà người ta nói là để giải quyết nhu cầu gia cư cho dân chúng Bắc Kinh sau này dù hoàn toàn không phù hợp với quan niệm gia cư mới và chẳng bao lâu sẽ phải đập bỏ ; những thiệt hại của các nhà máy phải ngưng hoạt động để bớt ô nhiễm trong thời gian thế vận. Hình ảnh của Bắc Kinh trước mắt thế giới không đẹp hơn mà còn xấu đi. Cũng chưa kể một hậu quả tai hại cho tinh thần thế vận là từ nay chỉ có những nước thật lớn hoặc thật giàu mới có thể tổ chức thế vận.

Vậy thì Bắc Kinh tổ chức Thế Vận 2008 để làm gì ?

Bách niên quốc sĩ

Lý do mà Bắc Kinh không nói ra nhưng mọi người nhưng mọi người đều đồng ý là để rửa nỗi nhục của Trung Quốc một lần cho tất cả. Tất cả các lãnh tụ Trung Quốc, Quốc Dân Đảng cũng như Cộng Sản, đều đã khai thác điều mà họ gọi là "*bách niên quốc sĩ*" (nỗi quốc nhục trăm năm) của Trung Quốc và sử dụng nó như sức mạnh đoàn kết dân tộc. Tôn Dật Tiên khi lật đổ nhà Thanh và thành lập nước Trung Hoa Dân Quốc đã mô tả Trung Quốc như một đồng cát lỏng bị ngoại nhân dày xéo. Tưởng Giới Thạch kêu gọi nhân dân Trung Quốc vùng dậy vứt bỏ những hiệp ước bất công do ngoại bang áp đặt, đòi lại những nhượng địa và rửa nỗi nhục quốc gia. Mao Trạch Đông ngay khi thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc đã hô to rằng nhân dân Trung Quốc sẽ không chấp nhận để tiếp tục bị sỉ nhục. Năm 2001, chính năm mà Bắc Kinh được chọn để tổ chức Thế Vận 2008, quốc hội Trung Quốc đã biểu quyết sẽ chọn một "*ngày quốc nhục*" (họ chưa đồng ý nên chọn ngày nào).

Đoàn kết trong một nỗi nhục chung chống lại các thế lực ức hiếp bên ngoài luôn luôn là một tiếng gọi có hiệu lực và có lợi cho người kêu gọi. Nó có tác dụng của một thứ thuốc kích thích làm quên đi những khó khăn nội bộ và củng cố những chính quyền đáng lẽ phải bị lên án. Hitler cũng đã từng kích thích sự thù ghét người Do Thái và sự tủi nhục của người

Đức đối với các cường quốc chiến thắng sau Thế Chiến I. Với Thế Vận 2008, một thế vận của sự vĩ cuồng, chính quyền Bắc Kinh cũng nhắm mục đích rửa nhục đó, đồng thời tạo ra một hãnh diện tập thể cho người Trung Quốc như là một phần thưởng sau nhiều chịu đựng, để có thể kêu gọi họ tiếp tục hy sinh.

Nhưng nỗi nhục nào và hãnh diện nào ?

Các lãnh tụ Trung Quốc đều nói đó là cái nhục bị khinh thường và bị chèn ép. Họ chỉ nói sơ qua rằng đó là hậu quả của sự thua kém, để khỏi phải giải thích tại sao lại có sự thua kém đó. Việc Trung Quốc thua kém các nước phương Tây là điều hiển nhiên và nguyên nhân của nó, trước thế kỷ 20, là do văn hóa Khổng Giáo hủ lậu làm tê liệt người Trung Hoa không cho phép họ phát triển những khả năng và tận dụng những tài nguyên của họ. Kể từ 1949 sự thua kém chủ yếu là do chủ nghĩa Mác - Lênin, một chủ nghĩa cũng không khác gì Khổng Giáo về bản chất. Những người cầm quyền Trung Quốc đã hãnh diện và áp đặt Khổng Giáo, rồi lại huênh hoang áp đặt chủ nghĩa Mác - Lênin sau đó. Như vậy cái tội làm Trung Quốc thua kém thuộc về những người đã kế tiếp nhau cầm quyền tại Trung Quốc chứ đâu phải là tội ác của các nước phương Tây ? Chính nhờ tiếp xúc với các nước phương Tây mà họ đã tiến lên rút ngắn sự chậm trễ. Cũng chính nhờ Đặng Tiểu Bình từ bỏ phần lớn các giáo điều Mác - Lênin mà họ đã tiến thêm được một bước khác. Nếu không tiếp xúc với phương Tây thì có mọi triển vọng Trung Quốc vẫn còn là một xã hội nô lệ phong kiến với các hoạn quan và các cung nữ. Đáng lẽ giới lãnh đạo Trung Quốc phải cảm ơn người phương Tây và buộc tội chính họ. Họ đã đảo lộn vai trò. Cũng nên lưu ý rằng họ chỉ nói tới sự khinh thường và những chèn ép mà Trung Quốc đã là nạn nhân mà không hề nhắc tới về những khinh miệt và chèn ép của chính Trung Quốc đối với các dân tộc khác. Trong hàng ngàn năm các nước láng giềng đã bị Trung Quốc khống chế và gọi là *man di*. Ngay trong thế vận này trường đua xe đạp được đặt tên là Lão Sơn, tên một ngọn núi mà, theo một số tài liệu do người Trung Quốc phổ biến, Trung Quốc đã chiếm được năm 1984 sau một trận đánh dữ dội trong đó gần 4 000 bộ đội Việt Nam đã thiệt mạng.

Sự tủi nhục của một dân tộc có hai yếu tố chính : tủi nhục vì những mất mát lãnh thổ và quyền lợi, như Tưởng Giới Thạch đã nói ; và tủi nhục vì căn cước văn hóa bị xúc phạm, như lời Mao Trạch Đông. Cả hai yếu tố này đều quan trọng nhưng căn cước văn hóa quan trọng hơn nhiều.

Văn hóa của mọi dân tộc đều rất khó thay đổi, ngay cả nếu nó được nhìn nhận là dở, và người ta cảm thấy bị xúc phạm khi nó bị khinh thường. Muốn ý thức được điều này chỉ cần nhìn lại lịch sử gần đây của chính chúng ta. Giai đoạn Pháp thuộc đã là thời kỳ mà nước ta tiến nhanh nhất về mọi phương diện nhưng đa số người Việt Nam, kể cả những trí thức ưu tú, đều thấy tủi hổ và nhiều người sẵn sàng hy sinh tính mạng để chấm dứt chế độ Pháp thuộc. Bảo vệ căn cước văn hóa, ngay cả một nền văn hóa đã phơi bày sự thua kém,

luôn luôn là một phản ứng tự nhiên của con người.

Phải nhìn nhận là sự phơi bày những yếu kém của văn hóa Trung Hoa khi tiếp xúc với phương Tây đã là một tủi nhục lớn. Văn hóa Khổng Giáo đã khiến Trung Quốc thua kém một cách bi đát. Họ bị đánh bại nhanh chóng bởi những đạo quân viễn chinh nhỏ và mỗi lần đều phải ký những hòa ước không khác gì những thỏa thuận đầu hàng. Càng tủi nhục hơn vì người Trung Hoa từ hàng ngàn năm



vẫn tự hào là tinh hoa và coi phần còn lại của thế giới là man rợ. Nhưng nỗi tủi nhục căn cước này chính những người lãnh đạo Trung Quốc, kể cả những người lãnh đạo tư tưởng, phải chịu phần trách nhiệm lớn nhất. Họ đã mất rất nhiều thời giờ để hiểu rằng nguyên nhân chính của sự thua kém này là do ý thức hệ Khổng Giáo đã làm thui chột trí tuệ Trung Hoa. Họ đã loay hoay tìm cách bắt chước những kỹ thuật phương Tây trong khi vẫn từ khước nền văn hóa đã làm nảy sinh ra những kỹ thuật này. Sau đó, khi đã nhận ra nhận ra nguyên nhân cơ bản của sự thua kém, họ đã phản ứng một cách lúng túng và mâu thuẫn, phơi bày sự yếu kém hổ nhục của trí tuệ Trung Quốc nếu so sánh với sự đổi mới và trỗi dậy mạnh mẽ của Nhật. Cuối thế kỷ 19 các nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc - Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng, Lâm Húc, Dương Nhuệ, Lưu Quang Đệ và Tôn Dật Tiên - không tiếc lời đá kích Khổng Giáo, nhưng rồi sau đó Tưởng Giới Thạch cấm quyền và lại suy tôn Khổng Giáo (dù dưới bề ngoài của một chế độ dân chủ hình thức). Mao Trạch Đông sau khi đánh bại Tưởng Giới Thạch còn bài bác Khổng Giáo dữ dội hơn nữa, đến độ phá hủy cả các di tích lịch sử, để độc tôn chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngay sau đó Đặng Tiểu Bình xóa bỏ triết lý Mác - Lênin để thay vào bằng triết lý "mèo trắng mèo đen", nghĩa là triết lý thực dụng bất chấp văn hóa. Sau cùng Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào phục hồi sự thượng tôn Khổng Giáo, hơn thế nữa còn thiết lập hàng trăm "trung tâm Khổng Giáo" với tham vọng truyền bá "tinh thần" Khổng Giáo ra thế giới bên ngoài. Nếu coi mỗi lần phải tự phủ nhận là một lần bị xúc phạm tới căn cước thì phải nói rằng chính những người lãnh đạo Trung Quốc đã xúc phạm Trung Quốc hơn cả.

Tiếp xúc với một nền văn hóa cao hơn về lâu về dài có tác dụng khai hóa và là một may mắn nhưng trong nhất thời nó luôn luôn đi kèm với những tủi nhục. Chính người Hán trong hàng ngàn năm cũng đã từng khinh bỉ các dân tộc lân bang là man di và úc hiếp họ một cách tàn tệ gấp nhiều lần những gì mà người phương Tây đã làm sau đó đối với Trung Quốc. Nhưng cái nhục đau đớn nhất đối với người Trung Quốc chính là chủ nghĩa cộng sản. Sau khi đã hy sinh gần một trăm triệu người để áp đặt và duy trì chủ nghĩa này, nhân danh viễn ảnh một xã hội lý tưởng không giai cấp và không còn bóc lột, Đảng Cộng Sản Trung Quốc sau cùng đã tạo dựng ra điều ngược lại : một xã hội cực kỳ bất công với một giai cấp thống trị mới. Phải nhìn rõ : với 75 triệu "đảng viên", tương đương với dân số của một nước lớn, Đảng Cộng Sản Trung Quốc không

phải là một chính đảng mà là một giai cấp, một giai cấp bóc lột.

Lấy hào quang thay cho sự chính đáng dân chủ ?

Lý do quan trọng hơn nhiều là chính quyền Bắc Kinh muốn tìm kiếm một sự chính đáng (legitimacy, légitimité) mà thực ra họ không có. Họ cướp chính quyền bằng bạo lực và cai

trị bằng bạo lực. Họ không hề do người dân bầu ra. Về điểm này họ cũng không khác các triều đại Trung Hoa trước đây. Điều khác là thế giới ngày nay đã văn minh, dân chủ đã trở thành một giá trị phổ cập, một chính quyền chính đáng phải do dân bầu ra, và càng ngày càng có nhiều người Trung Hoa hiểu như vậy. Điều mà những nhà lãnh đạo cộng sản Trung Quốc tìm kiếm qua thế vận động lấy hùng vĩ này là

một hào quang thay cho sự chính đáng dân chủ. Thông điệp mà họ gửi đến nhân dân Trung Quốc là : "các người thấy không, cả thế giới thán phục chúng tôi, hơn 70 nguyên thủ quốc gia đến bắt tay chúng tôi, chúng tôi xứng đáng lãnh đạo Trung Quốc dù chúng tôi không do các người bầu ra".

Cái vỏ bọc đường để người Trung Quốc nuốt trôi viên thuốc đắng độc tài đảng trị là niềm hãnh diện được là công dân của một nước lớn đang tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, đã tổ chức thành công một thế vận lớn chưa từng có và vượt xa mọi quốc gia khác về số huy chương vàng. Nhưng niềm hãnh diện này có lẽ chính là điều mà người Trung Quốc phải nghĩ lại. Trước hết họ chưa phải là những công dân đúng nghĩa. Và hãnh diện về cái gì ?

Du khách đứng trước Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc và những Kim Tự Tháp của Ai Cập khó tránh khỏi một nhận xét về sự khác nhau giữa hai nền văn minh này. Cả hai dân tộc đều đã bị các vua chúa đầy đọa bắt phải chịu đựng những hy sinh khủng khiếp để xây đền đài, cung điện, lăng tẩm cho chúng. Cả hai dân tộc đều đã bị kiệt quệ sinh lực và gầy đổ ý chí đến nỗi cam chịu số phận nô lệ trong cả ngàn năm. Nhưng trong khi người Ai Cập chỉ nhìn những Kim Tự Tháp như những di tích lịch sử thì người Trung Quốc lại hãnh diện về những vua chúa và công trình thực ra chỉ là thành quả của tội ác. Sự gian trá bệnh hoạn của văn hóa Trung Quốc là nó đã tạo ra những người nô lệ huênh hoang, đã khiến các nạn nhân vay mượn sự kiêu hãnh của kẻ áp bức.

Cái mà người Trung Quốc thiếu và các trí thức Trung Quốc cần tìm ra cho đất nước họ có lẽ chính là những tiêu chuẩn để đánh giá những gì đáng được gọi là thành công và đáng tự hào. Và những gì chỉ đáng tủi hổ. Một mức tăng trưởng 5% mỗi năm nhưng môi trường được bảo vệ và cải thiện, liên đới xã hội và tình tự dân tộc được tăng cường, phải được coi là nhiều lần tốt hơn một mức tăng trưởng 10% mà môi trường bị tàn phá và chênh lệch giàu nghèo trở thành thách đố. Tự do, nhân phẩm và hạnh phúc cá nhân phải được coi là những niềm tự hào chân chính. Sự sống còn của Trung Quốc tùy thuộc ở cố gắng động não xét lại này.

Điều mà người Trung Quốc cần ý thức để cứu vãn đất nước họ, và người Việt Nam cũng cần ý thức để đừng quá lo sợ Trung Quốc, là Trung Quốc tuy tự hào là quốc gia còn giữ được nền văn minh lâu đời nhất nhưng thực ra chỉ là một quốc gia mới thành lập. Cho tới thế kỷ 20 không hề có một nước Trung Hoa nào cả. Các triều đại kế tiếp nhau thống trị vùng đất hiện nay được gọi là Trung Quốc chỉ đặt tên cho triều đại của mình là nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, nhà Thanh v.v. Ngay cả khái niệm "Hoa" cũng rất mơ hồ, nó chỉ là một tính từ nói lên sự tự mãn của một khối người tự coi là tinh hoa hơn người khác. Chữ "hoa" đầu tiên có chúng liệu vẫn từ là ở trong một câu nói được chép lại của Khổng Tử : "*hoa mà vô đạo thì cũng là di, di mà có đạo thì cũng là hoa*", nhưng chính ngay câu nói này cũng chứng tỏ "hoa" không phải là một quốc gia hay một dân tộc. Trên lãnh thổ hiện nay của Trung Quốc đã có rất nhiều nước, người mỗi nước chỉ biết có nước mình. Bên ngoài là thiên hạ, nghĩa là thế giới, hay không là gì cả. Trong những giai đoạn được coi là thống nhất, một triều đại ở Tây An hay Bắc Kinh áp đặt uy quyền trên một lãnh thổ lớn hay nhỏ tùy theo sức mạnh quân sự. Tinh thần dân tộc Trung Hoa, thậm chí tinh thần dân tộc Hán, hầu như không có. Bất cứ ai, dù thuộc chủng tộc nào, cũng có thể cai trị Trung Quốc nếu có quân lực mà không bị coi là kẻ thống trị nước ngoài. Triều đại cuối cùng của Trung Quốc, cai trị gần 300 năm, là người Mãn Châu. Chính danh xưng "Trung Quốc" cũng chỉ xuất hiện từ sau cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 (Tôn Dật Tiên lập ra nước *Trung Hoa Dân Quốc* gọi tắt là Trung Quốc, rồi Mao Trạch Đông thành lập nhà nước *Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc* cũng gọi tắt là Trung Quốc). Như vậy Trung Quốc là một quốc gia khá mới, còn cần được củng cố, và sự tồn tại của nó tùy ở chỗ những con người và những tỉnh của Trung Quốc có cảm thấy gắn bó với nhau trong một tương lai chung hay không. Sự xuất hiện của một giai cấp bóc lột mới - giai cấp cộng sản - và chính sách phát triển không đồng đều giữa các tỉnh đang đe dọa chính sự tồn vong của Trung Quốc.

Câu hỏi đang đặt ra cho Trung Quốc, ngay cả nếu những người cầm quyền không ý thức được, là **đất nước Trung Quốc phải được xây dựng trên nền tảng nào ?**

Có thể xây dựng một đất nước trên một mối nhục chung, trên cái được gọi là bách niên quốc sỉ, được không ? Kinh nghiệm Hitler đã chứng tỏ là không. Hơn nữa mối nhục này lại chỉ là giả tạo.

Có thể xây dựng một đất nước trên nền tảng của một niềm tự hào vì những thắng lợi đối ngoại được không ?

Từ nay nền tảng chính đáng của một chính quyền có thể là một cái gì khác hơn là sự ủy nhiệm tự do của người dân, nghĩa là sự chính đáng dân chủ, hay không ?

Những câu hỏi này chưa hề được đặt ra bởi vì đã có bạo lực giải quyết tất cả. Nhưng chúng ta đang sống trong thế kỷ 21.

Phong trào toàn cầu hóa đang làm thế giới nhỏ lại thành một mái nhà chung, cho phép những con người ở mọi nơi trên trái đất trao đổi và làm việc trực tiếp và tức khắc với nhau, khiến các biên giới quốc gia trở thành mờ nhạt và đòi xét lại ngay chính khái niệm quốc gia. Sẽ chỉ còn lại những quốc gia được quan niệm như một không gian liên đới của những

con người tự do. Sự tồn tại lâu dài của mọi quốc gia đều bị thử thách nhưng Trung Quốc là một trong những quốc gia bị đe dọa nhất. Trong suốt dòng lịch sử, qua mọi triều đại, Trung Quốc đã chỉ có một phương tiện duy nhất để duy trì sự thống nhất là tàn sát. Triều đại cuối cùng của Trung Quốc, nhà Thanh, đã tàn sát gần hết dân chúng ba tỉnh Vân Nam, Quảng Tây và Quý Châu trong thập niên 1850 để đập tan phong trào ly khai. Trong thế kỷ 20, Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông cũng đã sử dụng cùng một biện pháp. Đặng Tiểu Bình cũng không khác khi quyết định cuộc tàn sát Thiên An Môn năm 1989. Những vết thương của Trung Quốc vẫn còn chảy máu, sự cách biệt giàu nghèo giữa các tỉnh ngày càng đe dọa sự thống nhất của Trung Quốc trong khi tàn sát không còn là một biện pháp có thể sử dụng được nữa. Nếu không có một thay đổi lớn trong chính sách và cách nhìn thì sự tan vỡ của Trung Quốc khó tránh khỏi.

Thế Vận Bắc Kinh đã kết thúc, ngày mai của buổi lễ sẽ không tung bùng. Trong suốt bảy năm qua tất cả tiền của đã được đổ vào Bắc Kinh, các tỉnh nghèo đã bị bỏ rơi. Đã đến lúc phải tính lại sổ sách và trả lời những câu hỏi.

One world one dream

Nếu mục đích của Thế Vận Bắc Kinh là để chinh phục cảm tình và sự kính phục của thế giới thì mục đích này đã thất bại. Nó đã chỉ là dịp để Bắc Kinh xuất hiện trước thế giới như là một chế độ giả dối và thô bạo yểm trợ những chế độ bạo ngược. Nếu mục đích của nó là để đem lại cho người Trung Quốc một niềm tự hào gắn bó họ với nhau thì kết quả cũng rất đáng ngờ vực và cái giá quá lớn so với khả năng thực sự của Trung Quốc. Chính quyền Bắc Kinh giống như người cha của một gia đình nghèo vừa dùng phần lớn tiền dành dụm gia đình cho một bữa tiệc linh đình. Hậu vị của bữa tiệc sẽ rất đáng trong một thời gian dài.

Nói như thế không có nghĩa là Thế Vận Bắc Kinh đã vô ích, dù tác dụng của nó không phải là tác dụng mà các ông Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo mong muốn. Tuy không đem được Trung Quốc đến với thế giới như một nước lớn đáng kính và đáng mến, nó cũng đã phần nào đem thế giới dân chủ đến với người Trung Quốc. Hai tuần lễ trung tuần tháng 8 đã là dịp để người Trung Quốc hé nhìn thấy thế giới bên ngoài với những giá trị khác, những nếp sống khác, những niềm vui và những nụ cười hồn nhiên. Đó là những hạt giống tốt mà chắc chắn những phương tiện giao thông và truyền thông ngày càng hiện đại và phong phú sẽ nhanh chóng làm nảy mầm, đơm hoa, kết trái.

One world one dream. Một thế giới, một giấc mơ. Đó đã là khẩu hiệu của Thế Vận Bắc Kinh 2008. Chắc chắn 1 tỷ 300 triệu người Trung Quốc sẽ chia sẻ và đòi hỏi những ước mơ giản dị nhưng mãnh liệt của mọi dân tộc mà nhiều dân tộc đã có : được sống tự do, được tôn trọng, được thông tin, được có tiếng nói trong những quyết định lớn của đất nước, được quyền chọn lựa những người cầm quyền, được uống nước sạch và thở không khí trong lành, được yên tâm ăn trái cây tươi và rau sống. Đó cũng có thể là những thử thách mà Đảng Cộng Sản Trung Quốc không vượt qua được nhưng lại là điều kiện khẩn cấp để Trung Quốc có thể tồn tại như một quốc gia.

Nguyễn Gia Kiểng

Chiến lược hải quân và ý đồ của Trung Quốc trên Biển Đông

Ngô Đình Long

Hải quân Trung Quốc, còn gọi là "Giải phóng quân Hải quân", là một bộ phận của Quân đội Nhân dân Trung Quốc, gồm có 5 nhánh : binh đội tàu ngầm, binh đội tàu mặt nước, binh đội không quân, binh đội hải quân đánh bộ và binh đội "ngạn phòng". Ngoài ra, lực lượng hải quân Trung Quốc còn có 10 học viện và đại học trực thuộc, nhiều viện nghiên cứu, các binh đoàn bộ đội chuyên môn, và các cục chính trị, cục hậu cần, cục kỹ thuật, và các đơn vị bảo đảm phục vụ và sửa chữa. Lực lượng hải quân được phân chia thành ba vùng : Bắc Hải Hạm Đội, Đông Hải Hạm Đội và Nam Hải Hạm Đội.

Chiến lược chung của hải quân Trung Quốc

Chiến lược chung của quân đội Trung Quốc, còn gọi là "Cương lĩnh quân sự quốc gia cho thời đại mới", gồm có hai phần. Phần thứ nhất là về đổi mới và hiện đại hóa quân đội toàn bộ từ trang bị vũ khí đến cơ cấu và tổ chức. Trong đó, hai vấn đề quan trọng nhất là "chuẩn bị đánh thắng các cuộc chiến tranh cục bộ trong hoàn cảnh công nghệ cao hiện đại" và "chuyển đổi từ một quân đội dựa trên số lượng đến một quân đội dựa trên chất lượng", tức xây dựng một quân đội cơ khí hóa và tin học hóa. Phần thứ hai là các chiến lược hành động, còn được gọi là chiến lược "tích cực phòng ngự" và được coi là cương lĩnh chiến lược tối cao của quân đội Trung Quốc trong thời chiến cũng như trong thời bình.

Chiến lược "tích cực phòng ngự" gồm những điểm sau : chỉ tấn công sau khi bị tấn công nhưng chủ yếu là tấn công ; sự phản công không bị hạn chế bởi yếu tố không gian và thời gian ; khi tấn công thì bất chấp biên giới ; chờ thời cơ và điều kiện thuận lợi để tấn công ; khi tấn công thì tập trung hỏa lực vào những điểm trọng yếu của đối phương ; chỉ tin dùng lực lượng của chính mình để tấn công đối phương ; chiến dịch tấn công và phòng thủ phải tiến hành cùng một lúc.

Trên biển chiến lược "tích cực phòng ngự" mang tên "cận hải phòng ngự" với ba nhiệm vụ chính : kềm chế đối phương từ ngoài khơi và ngăn chặn không cho đổ bộ ; bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự vẹn toàn lãnh thổ ; bảo vệ sự thống nhất quốc gia và quyền lợi trên biển cả.

Xin lưu ý, "cận hải" ở đây là "đến tận những nơi xa xôi trên biển cả mà hải quân Trung Quốc có khả năng đưa các lực lượng đặc nhiệm đến với sự chi viện và an ninh cần thiết". Khu vực cận hải hiện nay gồm hai chuỗi quần đảo : một là khu vực từ quần đảo Kurile, qua Nhật, Philippines, Indonesia (từ Borneo đến Natuna Besar) ; hai là khu vực bắc-nam từ quần đảo Kurile, qua Nhật, Bonins, Marianas, Carolines và Indonesia. Hai khu vực này bao trùm toàn bộ khu vực Biển Đông của Trung Quốc và vùng biển Đông Á.

Mục tiêu của chiến lược "tích cực cận hải phòng ngự" là "để khẳng định Trung Quốc là một cường quốc khu vực trên biển để bảo vệ các khu vực kinh tế duyên hải và các quyền lợi trên biển, và để tối ưu hóa các chiến dịch tác chiến của hải quân cho quốc phòng". Nhiệm vụ của hải quân Trung Quốc

hiện nay là trấn thủ các hải đảo, bảo vệ cũng như phong tỏa các đường giao thương trên biển khi cần.

Chiến lược này gồm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu được gọi là "chiến lược phòng ngự tích cực vùng nước màu xanh lục", bao gồm một hình cung từ Vladivostok ở phía bắc đến eo biển Malacca ở phía nam, và ra đến "chuỗi quần đảo thứ nhất" (Aleutians, Kuriles, Ryukyus, Đài Loan, Philippines, và quần đảo Greater Sunda) ở phía đông. Giai đoạn hai là mở rộng vùng hoạt động sang "chuỗi quần đảo thứ hai" (Bonins, Guam, Marianas và quần đảo Palau) và giữa thế kỷ 21. Trong tương lai, hải quân Trung Quốc sẽ mở rộng hoạt động đến các căn cứ ở Myanmar để có thể đi từ eo biển Malacca đến Vịnh Bengal.

Cho đến cuối thập niên 1990, hải quân Trung Quốc có khoảng 268 000 sĩ quan và binh lính, trong đó 25 000 người thuộc quân chủng không quân trực thuộc hải quân và khoảng 7 000 thủy quân lục chiến (thuộc Hạm đội Nam Hải) với 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến số một và số 164. Mỗi lữ đoàn có 3 trung đoàn bộ binh, một trung đoàn pháo, một trung đoàn thiết giáp lội nước, và các đơn vị công binh, trinh sát, phòng chống hóa chất và giao thông.

Thủy quân lục chiến của Trung Quốc được huấn luyện và trang bị đầy đủ các loại vũ khí cần thiết (xe tăng lội nước, các tàu thuyền đổ bộ bay bằng nệm hơi hay bằng quạt gió, xe thiết giáp chở lính, súng đại liên và nhiều loại vũ khí phóng tên lửa khác nhau. Sứ mạng chính của lực lượng này là bảo vệ các hải đảo mà Trung Quốc đã chiếm trên biển Nam Hải. Trong thực tế các loại tàu thuyền đổ bộ của thủy quân lục chiến Trung Quốc còn rất lạc hậu so với các quốc gia khác như Nhật Bản, Úc và Nam Hàn.

Chiến lược phủ định (tiêu diệt đối phương)

Về thực lực, hải quân Trung Quốc còn quá yếu so với các cường quốc hàng hải khác trong khu vực như Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan, Úc và Hoa Kỳ. Hiện nay Trung Quốc đang dồn mọi nỗ lực để sản xuất các loại hàng không mẫu hạm và tàu chiến các cấp.

Hải quân Trung Quốc hiện nay có hơn 400 chiến hạm loại tấn công, trong đó 50 chiếc được trang bị với các hỏa tiễn và đầu đạn tầm gần và tầm xa tương đương với các loại tàu chiến của châu Âu nhưng chưa đủ khả năng đối đầu với các tàu chiến lớn của Mỹ. Ngoài ra còn có hơn 300 chiếc "hộ vệ đĩnh" đủ loại, chuyên gài những mìn tinh vi trên các biển Hoàng Hải, biển Nhật Bản, eo biển Đài Loan và Nam Hải.

Vì chưa thể đương đầu với các hạm đội trên mặt nước của Mỹ, chiến lược của Trung Quốc là dùng tàu ngầm để tấn công và phủ định sức mạnh của các hạm đội trên mặt nước của Mỹ vì các tàu trên mặt nước, đặc biệt là hàng không mẫu hạm, rất khó phòng thủ trước các cuộc tấn công của tàu lặn bắn hàng loạt các tên lửa có đầu đạn các loại gần xa cùng một lúc. Hiện nay Trung Quốc có khoảng 70 tàu ngầm đủ loại, chạy bằng diesel và năng lượng nguyên tử.

Phương pháp thứ hai trong chiến lược phủ định sức mạnh của hải quân Mỹ là làm tê liệt các phương tiện trinh sát và truyền tin của quân đội Mỹ, như diệt các vệ tinh để cho quân đội của Mỹ bị mù trong khi Trung Quốc tấn công các mục tiêu quân sự. Ngoài ra Trung Quốc đang triển khai hệ thống tên lửa xuyên lục địa lưu động để phá vỡ "hệ thống tình báo" của quân đội Mỹ.

Những thí dụ phòng hờ Trung Quốc và thái độ của Mỹ

Malaysia là quốc gia có quan hệ rất tốt với Trung Quốc. Về kinh tế, mật dịch hai chiều đã tăng từ 14,2 tỷ USD năm 2003 lên 22,5 tỷ USD năm 2005. Theo tài liệu của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund, IMF), năm 2005 Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ tư của Malaysia, sau Mỹ, Singapore và Nhật. Nhập siêu của Malaysia đối với Trung Quốc tăng đều, năm 2005 là 3,9 tỷ USD. Tuy nhiên, chính phủ Malaysia rất lạc quan về quan hệ kinh tế với Trung Quốc và cả hai chính phủ đều đặt mục tiêu mật dịch hai chiều sẽ tăng lên đến 50 tỷ USD năm 2010. Xuất khẩu nhiên liệu của Malaysia sang Trung Quốc sẽ giúp Malaysia giảm tỷ lệ nhập siêu vì Malaysia là một trong những nước xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (liquified natural gas, LNG) nhiều nhất trên thế giới. Tháng 11 năm 2006 hãng dầu quốc doanh (Petronas) của Malaysia thắng thầu cung cấp cho Thượng Hải mỗi năm 3 triệu tấn LNG trong 25 năm với giá 25 tỷ USD, đây là hợp đồng lớn nhất giữa hai nước.

Malaysia đối đãi rất tế nhị với Trung Quốc. Từ năm 2000 Malaysia đã nới rộng các hạn chế về thị thực và để cho công nhân Trung Quốc vào ra Malaysia một cách dễ dàng, nhờ đó số du khách từ Trung Quốc đến càng ngày càng tăng. Năm 2003 có 350 ngàn du khách Trung Quốc đến thăm Malaysia và năm 2006 con số này đã tăng đến 439 ngàn. Năm 2003 có 11 ngàn sinh viên Trung Quốc ghi tên học tại các đại học Malaysia, tương đương với 25% tổng số các sinh viên nước ngoài tại Malaysia. Số du khách và sinh viên to lớn đến từ Trung Quốc đã mang cho Malaysia một thu nhập đáng kể.

Về các vấn đề nhạy cảm khác như Đài Loan, eo biển Malacca và an ninh khu vực, Malaysia đã xử sự rất khôn khéo để không làm phật lòng Trung Quốc. Một trong những vấn đề an ninh tồn tại giữa hai nước là tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa. Năm 1980 Malaysia tuyên bố chủ quyền trên 12 đảo trong quần đảo Trường Sa và từ đó đến nay đã chiếm thêm 5 đảo. Trong thập niên 1980, Malaysia đã mua nhiều chiến hạm và máy bay hiện đại để phòng giữ các hải đảo trong quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Malaysia. Trung Quốc đã không có phản ứng mạnh vì sợ làm tổn thương quan hệ chính trị và kinh tế với Malaysia. Hơn nữa những khu vực mà Malaysia tuyên bố chủ quyền cách Trung Quốc quá xa trong khi không quân Trung Quốc chưa có đủ khả năng trợ lực các cuộc đổ bộ dành lấy các đảo này.

Hiện nay, Trung Quốc và Malaysia đang cải thiện dần quan hệ quân sự giữa hai nước. Tháng 9-2005 hai nước đã ký bản "Ghi nhớ về sự hợp tác quân sự" nhưng khi Trung Quốc đề nghị bán các hệ thống vũ khí, kể cả các chiến thuyền thì Malaysia đã lịch sự từ chối. Malaysia tiếp tục mua vũ khí của Mỹ, Anh và Nga vì tốt hơn và tối tân hơn những vũ khí chế

tạo tại Trung Quốc. Hơn thế nữa, Malaysia đang yêu cầu Hoa Kỳ duy trì sự hiện diện quân sự trong khu vực châu Á Thái Bình Dương. Tuy bề ngoài làm ra vẻ chống Mỹ, giới lãnh đạo Malaysia đã bí mật ký hiệp định cho phép Mỹ đem tàu chiến và máy bay quân sự vào Malaysia để sửa chữa hay tiếp tế.

Một cách khách quan, quan hệ quân sự của Malaysia với Mỹ quan trọng hơn quan hệ giữa Malaysia với Trung Quốc. Các chiến thuyền của Mỹ thường xuyên viếng thăm các cảng của Malaysia ; mỗi năm hải quân Malaysia và hải quân Mỹ tập trận đều đặn với nhau ; các đội người nhái của hải quân và bộ binh Mỹ thường tập luyện với các đội Malaysia ; các vùng rừng núi của Malaysia là địa bàn lý tưởng để huấn luyện tác chiến trong rừng rậm.

Malaysia còn thiết lập những quan hệ hợp tác quân sự với Anh, Úc, New Zealand, qua cái hiệp định gọi là "Five Power Defense Arrangement, FPDA", để cho Trung Quốc thấy rằng Malaysia là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và có thể là một lực lượng đối trọng trước một Trung Quốc đang bành trướng ảnh hưởng ra Biển Đông, đặc biệt là tại quần đảo Trường Sa.

Nói chung, các quốc gia Đông Nam Á đều có chính sách quốc phòng riêng của mình và phần lớn đang gia nhập vào chạy đua vũ trang khu vực, đặc biệt là mua hay đóng tàu ngầm. Năm 2007, Indonesia tuyên bố đang xây dựng xưởng đóng tàu ngầm tối tân với chỉ tiêu hạ thủy 12 chiếc năm 2024. Hiện nay Indonesia là quốc gia mua nhiều tầu ngầm nhất thế giới : 4 chiếc loại Kilo chạy bằng diesel của Nga với giá 200 triệu USD/chiếc và hai tầu ngầm của Hàn Quốc với giá 750 triệu USD. Singapore sẽ trang bị 6 chiếc tầu ngầm tối tân vào năm 2016. Malaysia đã đặt mua hai chiếc tầu ngầm Scorpene của Pháp. Việt Nam cũng muốn có 2 hay 3 chiếc tầu ngầm hạng Kilo của Nga. Tàu ngầm tuy có mang lại hiệu quả lớn trong việc chống các tầu thuyền trên mặt nước, nhưng nếu quá lạm dụng sẽ gây ra những hậu quả không có thể lường trước.

Về phía Mỹ, mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ là hợp tác với các lực lượng hải quân trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương bảo vệ các đường thông thương trên biển, đặc biệt là tại eo biển Malacca và Biển Đông. Trung Quốc cũng bày tỏ ý muốn hợp tác quân sự với Hoa Kỳ trên Biển Đông để bảo vệ an ninh đường thông trên biển. Nói tóm lại, yêu cầu chiến lược của Mỹ là duy trì an ninh trên biển Thái Bình Dương, nhất là trên các đường giao thương qua khu vực Đông Nam Á và Biển Đông. Mỹ có thể can thiệp đơn phương hay hợp tác và phối hợp với các lực lượng quân sự khác để bảo vệ an ninh chung trên biển trong khu vực trên. Nhưng điều này không có nghĩa là Mỹ hay các lực lượng hải quân khác sẽ can thiệp khi có đụng độ giữa các nước tranh chấp các đảo trong khu vực Biển Đông. Giải pháp quân sự không phải là giải pháp an ninh và an toàn.

Hệ thống tổ chức lực lượng hải quân Trung Quốc

Lực lượng hải quân Trung Quốc gồm những chi đội, đại đội và trung đội. Mỗi chi đội có quân số tương đương với một sư đoàn của Mỹ nên thường được dịch là "division" hay "flotilla" (hạm đội). Hiện nay lực lượng hải quân Trung Quốc gồm có 7 chi đội : tầu ngầm (tiềm đĩnh), tầu khu trục (destroyers),

tàu hộ tống (hộ vệ đĩnh), tàu cao tốc, tàu phóng ngư lôi, tàu chi viện tác chiến, tàu sân tàu ngầm.

Nhiều chi đội hợp thành chi đội tổng hợp với các loại tàu khác nhau. Chẳng hạn như những chi đội tàu ngầm hạt nhân và tàu ngầm thông thường, chi đội tàu khu trục, chi đội tàu hộ tống và chi đội tàu cao tốc có những tàu phóng hỏa tiễn (đạo đạn đĩnh), tàu rà mìn, tàu phóng ngư lôi và tàu sân tàu ngầm. Các chi đội tàu chiến thường có một số tàu tiếp tế (tác chiến chi viện thuyền) đi theo.

Hải quân Trung Quốc có tất cả 15 cấp hàm và 5 tầng lớp. Các cấp hàm từ trên xuống dưới là : Quân ủy chủ tịch, tức là chủ tịch quân ủy trung ương, và quân ủy phó chủ tịch. Chức phó chủ tịch quân ủy tương đương với chức đô đốc (admiral) của Mỹ. Đô đốc của Mỹ là sĩ quan cấp 10, tức là cấp cao nhất. Quân ủy ủy viên, chức này cũng tương đương với chức đô đốc của Mỹ. Tư lệnh vùng gọi là "đại khu chính chức" tương đương với chức đô đốc của Mỹ. Phó tư lệnh vùng gọi là "đại khu phó chức", tương đương với phó đô đốc (vice admiral) hay chuẩn đô đốc (rear admiral) của Mỹ (vice admiral của Mỹ là sĩ quan cấp 9 và rear admiral là sĩ quan cấp 8). Tư lệnh quân đoàn gọi là "chính quân", tương đương với phó đô đốc hay chuẩn đô đốc của Mỹ. Phó tư lệnh quân đoàn gọi là "phó quân", tương đương với chuẩn đô đốc hay thuyền trưởng cấp 7 của Mỹ. Sư đoàn trưởng gọi là "chính soái", tương đương với thuyền trưởng cấp cao hay chuẩn đô đốc của Mỹ. Sư đoàn phó hay lữ đoàn trưởng gọi là "phó soái", tương đương với thuyền trưởng (captain, cấp 6) hay thuyền trưởng cấp cao của Mỹ. Trung đoàn trưởng gọi là "chính đoàn", tương đương với trung tá (cấp 5) hay thuyền trưởng của Mỹ. Trung đoàn phó gọi là "phó đoàn", tương đương với trung tá hay thuyền trưởng của Mỹ. Tiểu đoàn trưởng gọi là "chính doanh", tương đương với thiếu tá (cấp 4) hay trung tá của Mỹ. Tiểu đoàn phó gọi là "phó doanh", tương đương với đại úy (cấp 3) hay thiếu tá của Mỹ. Đại đội trưởng gọi là "chính liên", tương đương với trung úy (cấp 2) hay đại úy của Mỹ. Đại đội phó gọi là "phó liên", tương đương với cấp trung úy hay thiếu úy (cấp 1) của Mỹ. Trung đội trưởng gọi là "chính bài", tương đương với cấp thiếu úy hay trung úy của Mỹ.

Về tổ chức, hải quân Trung Quốc có 5 cấp chỉ huy như sau:

- Bộ Tư lệnh Hải quân. Theo cơ cấu tổ chức thì Bộ Tư lệnh có cấp hàm hạng 3, tức "đại khu chính chức". Mãi đến năm 2004 tư lệnh trưởng và chính ủy đều là sĩ quan có hàm cấp 3. Nhưng đến giữa năm 2004 tư lệnh trưởng được thăng thành một ủy viên Quân Ủy và vì thế có hàm cấp 2. Nhưng chính ủy, ngang hàng với tham mưu trưởng, giữ hàm cấp 3.

- Bộ tư lệnh của ba vùng chiến lược : Bắc hải, Đông hải, và Nam Hải. Mỗi bộ tư lệnh có quân hàm cấp 4. Vì thế, từ những năm cuối thập kỷ 80, tư lệnh của các hạm đội trên đều có hàm "đại khu phó chức".

- Mỗi hạm đội có các căn cứ trực thuộc và những căn cứ này có hàm cấp 6, tức phó tư lệnh quân đoàn. Có ba loại căn cứ : căn cứ phục vụ, căn cứ trực nghiệm và căn cứ đào tạo. Căn cứ "hải quân hàng không binh" cũng có hàm cấp 6. Trong tất cả các căn cứ, 8 căn cứ phục vụ sau đây là quan trọng nhất : Qingdao và Lushun (khu vực Bắc hải Hạm đội) ; Zhoushan, Fujian, Shanghai (khu vực Đông hải Hạm đội) ;

Guangzhou, Yulin, Zhanjiang (Nam Hải Hạm đội).

- Mỗi căn cứ phục vụ có các đơn vị trực thuộc gọi là "thủy cảnh khu", tức là những căn cứ có phận sự cảnh bị và phòng vệ các khu vực duyên hải. Có tất cả 8 căn cứ gọi là "thủy cảnh khu" : Dalian và Weihai (Bắc hải Hạm đội) ; Xiamen (Đông hải Hạm đội) ; Shantou, Beihai, Xisha/Hoàng Sa (Nam Hải Hạm đội).

- Các chi đội tàu chiến thông thường trực thuộc một căn cứ phục vụ và các đại đội tàu chiến có thể trực thuộc một căn cứ phục vụ hay một chi đội.

Trung Quốc hiện nay đang tân trang chiếc hàng không mẫu hạm loại Kuznetsov, tên Varyag, mua của Nga với giá nửa tỷ USD. Chiếc Varyag được đóng khi sự hiểu biết của Liên Xô về các hoạt động của máy bay trên một chiếc hàng không mẫu hạm chưa được tinh vi lắm. Nhưng Trung Quốc đã nhất định đưa chiếc này vào hoạt động, có thể như là một hàng không mẫu hạm dùng vào việc đào tạo vào năm 2010. Trong khi đó thì vào tháng 3-2007, một đô đốc Trung Quốc đã tiết lộ trong một tờ báo Hồng Kông rằng Trung Quốc đã tiến triển rất nhanh trong việc nghiên cứu và phát triển hàng không mẫu hạm và sẽ có thể hạ thủy một hàng không mẫu hạm vào năm 2010.

Vấn đề là tại sao Trung Quốc lại quyết tâm phát triển hàng không mẫu hạm trong khi phát triển các chiến thuyền đổ bộ, tàu ngầm, các hỏa tiễn siêu âm lướt trên mặt nước và tự điều khiển đến mục tiêu để chống thuyền trên mặt nước có hiệu quả hơn. Có nhiều lý do giải thích :

Một là Trung Quốc cho rằng đã đến lúc cho thế giới biết Trung Quốc không còn là một đại cường khu vực mà là một siêu cường. Nếu Trung Quốc có những hạm đội hàng không mẫu hạm mà Trung Quốc có thể gửi đi vòng quanh thế giới như Mỹ đã và đang làm thì Trung Quốc cũng có thể thị oai và chứng minh "sức mạnh mềm" của mình như Mỹ đã và đang làm.

Hai là, Trung Quốc càng ngày càng phải vận chuyển nhiên liệu từ các nước Trung Đông và Châu Phi qua biển Ấn Độ, eo biển Mallaca và Biển Đông. Sự vận chuyển nhiên liệu này hiện nay được an toàn là nhờ hải quân Mỹ bảo vệ sự di chuyển trên biển trong các khu vực này. Điều này làm cho Trung Quốc khó chịu vì vấn đề an ninh nhiên liệu đang phải dựa vào lòng hảo tâm của Mỹ. Không có nhiên liệu nhập thì Trung Quốc không có thể tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao như hiện nay, không có thể bành trướng ảnh hưởng, và không có thể tham chiến khi cần. Vì thế, việc phát triển hạm đội hàng không mẫu hạm là cần thiết để bảo vệ các đường nhập dầu và các nguồn dầu nhập. Trung Quốc đã tài trợ việc xây cất một cảng tại Gwadar ở Pakistan, gần vịnh Persian Gulf mà Trung Quốc có thể điều động một hạm đội hàng không mẫu hạm đến đó khi cần trong tương lai.

Theo nhiều nghiên cứu thì Hạm Đội Nam Hải là hạm đội hùng hậu nhất của Trung Quốc. Hạm Đội Nam Hải có ít nhất là 32 đội tàu ngầm, trong đó có những chiếc tàu ngầm tối tân nhất ; hai đội chiến thuyền đổ bộ ; các đội khu trục hạm ; các đội tàu đặt mìn và hơn một chục đội tàu tấn công cao tốc lướt trên mặt nước.

Ngô Vĩnh Long (Maine, Hoa Kỳ)

"Quyền của chúng ta thì chúng ta làm !"

Tiến Hồng

Theo bản tin của BBC, Việt Nam "thực thi quyền khai thác dầu" ngày 27-8-2008, trong buổi họp báo không được báo chí trong nước loan tải vì lý do nhạy cảm (!), thứ trưởng ngoại giao Vũ Dũng (1), khi được hỏi về phản ứng của Trung Quốc đối với các dự án của Việt Nam với tập đoàn BP và ExxonMobil, nói : "Tất cả các dự án Việt Nam đang tiến hành đều nằm trong vùng thềm lục địa tối thiểu 200 hải lý (2) của Việt Nam".

Ông nhấn mạnh : "Quyền của chúng ta thì chúng ta làm!"

Lần đầu tiên, một giới chức có thẩm quyền của Việt Nam "dám" đưa ra một lời tuyên bố mạnh mẽ như vậy. Vào tháng 6-2008, bộ ngoại giao đã không có phản ứng như thế khiến cho hãng dầu BP của Anh phải rút lại dự án hơn 2 tỉ USD ký kết với Việt Nam liên quan đến các lô dầu khí (blocks) cũng ở thềm lục địa tối thiểu gần Hoàng Sa và Vịnh Bắc bộ thuộc phần giới của Việt Nam. Tại sao lần này Việt Nam có vẻ mạnh mẽ hơn lần trước ?

Trước hết, có một điểm rất quan trọng cần lưu ý. Về cơ bản, đây không phải là xung đột về chủ quyền đối với cả quần đảo (Trường Sa hay Hoàng Sa) mà chỉ là vùng hải phận và thềm lục địa giữa bờ biển Việt Nam và quần đảo này. Đó là vùng được công ước quốc tế về luật biển 1982 xác định là vùng kinh tế đặc quyền bao gồm 200 hải lý từ thềm lục địa.

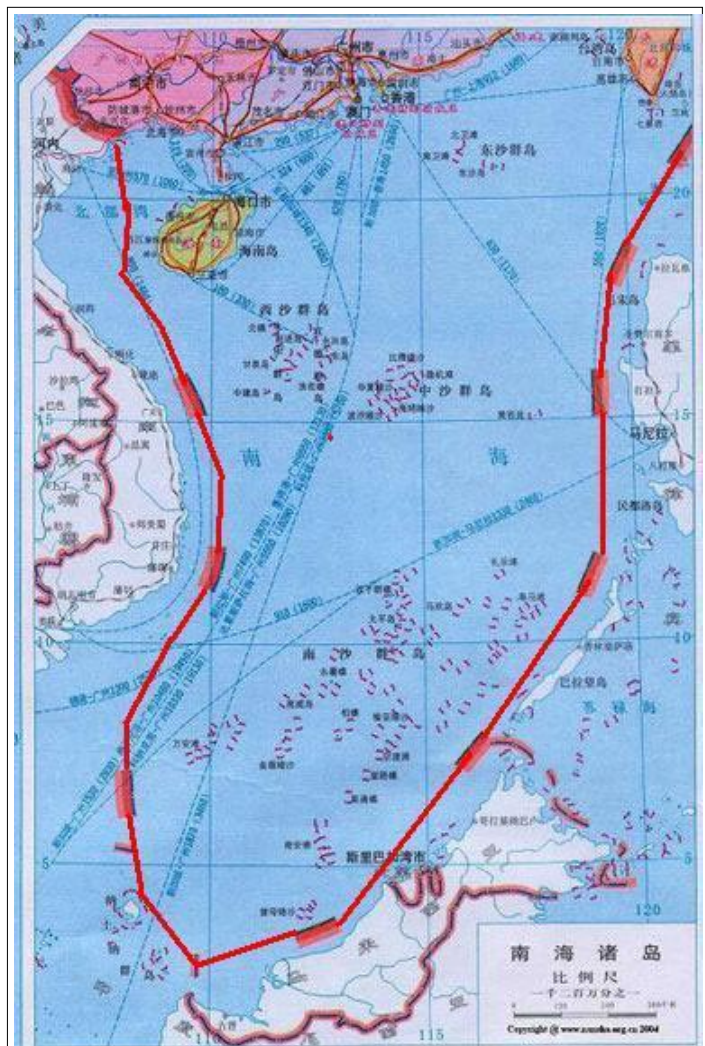
Giáo sư Ramses Amer, Khoa khoa học chính trị trường Đại học Umea của Thụy Điển, một người chuyên theo dõi về quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa cũng nhận xét (3) : "Vấn đề cơ bản ở đây là Việt Nam khai thác dầu khí ngoài khơi ở phía Đông, nơi xuất xứ phần lớn dầu thô của Việt Nam. Một phần của khu vực, mà Việt Nam nhận là nằm trong thềm lục địa và đặc khu kinh tế của Việt Nam, lại trùng với khu vực hải phận mà Trung Quốc nhận chủ quyền". Nhận chủ quyền như thế là hoàn toàn vô lý, như giáo sư Tạ Văn Tài đã phân tích trong bài phỏng vấn "Việt Nam có nên dựa vào Mỹ để đối phó với Trung Quốc" đăng trên RFA ngày 23-8-2008.

Ông Vũ Dũng đã phải mất hai ngày trước cuộc họp báo để "giải thích" với người đồng nhiệm Trung Quốc Vũ Đại Vỹ là vùng khai thác không thuộc vùng biển tranh chấp với Trung Quốc ! Và ông Nguyễn Tấn Dũng cũng sẽ phải tiếp tục "giải thích" trong chuyến đi Trung Quốc dự trù vào cuối năm nay.

Hãng dầu số 1 của Mỹ Exxon đã căn cứ vào điểm này để cho là vùng thăm dò khai thác dầu khí (thuộc thềm lục địa gần Hoàng Sa và Trường Sa) là thuộc chủ quyền của Việt Nam và do đó ký thoả hiệp khung về thăm dò và khai thác trữ lượng dầu khí nhân chuyến đi của thủ tướng Dũng cuối tháng 6-2008. Đây chắc chắn không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên với bản tuyên bố chung trong đó Mỹ ủng hộ chủ quyền và sự vẹn toàn lãnh thổ của Việt Nam. Việc ký kết kế ước chính thức còn phải chờ một thời gian và tùy thuộc vào các dự án hợp tác của Petro Vietnam sau nhiều năm hợp tác sơ khởi về kỹ thuật và lượng giá. Sự hăm dọa của Trung

Quốc về hậu quả kinh doanh chắc không làm cho Exxon Mobil lo ngại vì trị giá lớn lao của kế ước nhiều tỉ mỹ kim hơn hẳn 2 tỉ mỹ kim của hợp đồng dự tính với BP của Anh. Và lại, nhân cơ hội lá bùa Mỹ này, BP dự tính sẽ tiếp tục các dự án với Petro Vietnam vào cuối năm sau khi đã phải bỏ dở vào tháng 6-2007 trước áp lực của Trung Quốc.

Bà Nicole Thompson, phát ngôn viên của bộ Ngoại giao Mỹ khi trả lời RFA ngày 28-7-2008 khi biểu lộ sự phản đối bất cứ nỗ lực nào gây áp lực (có nghĩa là sẽ can thiệp để bảo vệ) cho các công ty Mỹ hoạt động trong khu vực thềm lục địa của Việt Nam đã gián tiếp tỏ cho Trung Quốc biết đã đứng về phía nào trong cuộc tranh chấp. Nó cũng đồng thời cho thấy Mỹ đặt nặng tầm quan trọng của việc khai thác dầu biển đông (được ước tính trữ lượng có thể lên tới 40 tỉ tấn) tuy không thuộc Mỹ nhưng có ảnh hưởng đối với nền kinh tế Mỹ trong hiện trạng giá năng lượng tăng cao. Đồng thời về mặt quân sự, đây cũng là biểu lộ ý muốn về sự gia tăng hiện



Trung Quốc ngỗ ngược chiếm trọn Biển Đông (Bản đồ "chín gạch")

diện để bảo vệ các đồng minh của Mỹ trong vùng nhằm làm đối trọng với chính sách quân sự "viễn phương phòng vệ" của Trung Quốc (4). Tháng 5-2008, bộ trưởng quốc phòng Mỹ đã phát biểu tại Singapour là Trung Quốc không nên bắt nạt các nước nhỏ trong vùng. Việc gia tăng hợp tác về quân sự với Campuchia, Lào và Việt Nam gần đây nằm trong chiều hướng đó.

Khi đại sứ Mỹ trong cuộc họp báo tại Hà Nội ngày 20-8-2008 tuyên bố là "Hoa Kỳ chắc chắn không muốn một ai can thiệp vào những doanh vụ của các công ty Mỹ đang thực hiện các hợp đồng thương mại", "chuyện muốn làm ăn với ai, làm ăn nơi nào là tùy thuộc vào quyết định của các công ty", những lời tuyên bố đó tuy không được báo giới trong nước loan tải vì nhạy cảm, đã thể hiện rõ ràng lập trường của Mỹ đã nêu và là "chỗ dựa" cho lời tuyên bố mạnh mẽ của ông Vũ Dũng ngày 26-8-2008.

Lịch sử đã chứng minh là chính sách bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc chỉ ngưng lại khi có một sức mạnh can thiệp. Chính sách ngoại giao đa phương cân bằng đã từng được đề cập tại bộ chính trị trong thập niên 1990 nhưng chỉ áp dụng một phần với ASEAN và bị bác bỏ vì giới lãnh đạo cộng sản đã đặt liên minh xã hội chủ nghĩa và lợi ích của đảng lên trên quyền lợi quốc gia. Hậu quả là bị Trung Quốc lấn át, coi thường để thực hiện những ý đồ về lãnh thổ (nhượng bộ tối đa trong các hiệp định biên giới 1999 và 2000, coi thường chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa, giết hại ngư dân vô tội...). Ngoài ra, trong mọi lãnh vực, từ kinh tế (cán cân ngoại thương quá chênh lệch, biên giới Việt Trung trở thành nơi thực hiện các dã tâm của Trung Quốc như than lậu xuất khẩu nhiều triệu tấn, những thủ đoạn gây hại cho môi sinh, tiền giả, lũng đoạn cơ cấu kinh tế và tiêu thụ...) đến an ninh quốc phòng, văn hóa... tất cả những thiệt hại mà Việt Nam gánh chịu khiến cho chúng ta có thể nói đến "diễn biến hoà bình Trung Quốc".

Giờ đây, giới lãnh đạo đảng cộng sản không còn con đường nào khác để bảo toàn quyền lợi quốc gia là dựa vào Mỹ. Nhưng nói như thế không phải là tự nhiên mọi việc sẽ diễn tiến thuận lợi.

Không kể các chiến dịch trên báo chí như tờ *Văn hối* xuất bản ở Hồng Kông nói đến phải dậy cho Việt Nam một bài học về đồng thuận, trên mạng lưới điện tử kể từ tháng 4-2008 và gần đây (tháng 7, 8 gần ngày khai mạc Thế vận hội Bắc Kinh 2008) trên mạng *sina.com* (có số người xem trên 3 triệu, rất gần với nhà cầm quyền) đã tung ra một loạt bài theo hướng Trung Quốc phải chiến tranh ngay với Việt Nam dù là chiến tranh hạn chế. Mặc dù luận điểm đưa ra đã bóp méo sự thật nhưng nói lên rõ rệt chính sách không di dịch của Trung Quốc như chúng ta đã biết.

Nhưng không chỉ có thế. Vào lúc ông Vũ Dũng đang thảo luận với người đồng nhiệm Trung Quốc, theo RFA ngày 26-8-2008, nhiều tàu quân sự vũ trang có trang bị hỏa tiễn giả dạng tàu đánh cá đã xuất hiện ở vùng vịnh Bắc bộ nơi trước kia công ty BP của Anh thăm dò và sau đó phải rút đi. Đây là một hành động có tính khiêu khích để làm áp lực. Cho đến khi ông Nguyễn Tấn Dũng sang Trung Quốc vào cuối năm nay, những hàng động khiêu khích như trên sẽ nhằm thử thách sự nhất trí trong nội bộ giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam trong

kế sách đối phó với Trung Quốc.

Hiện nay, Trung Quốc chưa thể tiên liệu hậu quả một hành động quân sự đối với Mỹ, với các quốc gia khác và nhất là phản ứng tâm lý và khả năng phản ứng quân sự của Việt Nam mặc dù biết khá rõ thực lực (5). Trung Quốc và Việt Nam hiện có đường dây nóng sau chuyến đi của ông Triết hồi tháng 6-2008. Trung Quốc cũng biết rõ nội tình của mình chưa chuẩn bị cho một phiêu lưu quân sự.

Tuy nhiên, giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam cần phải gây lại niềm tin đã mất nơi dân chúng bằng cách thực sự mưu tìm sự đoàn kết dân tộc trước hiểm họa ngoại xâm. Nếu muốn dựa vào Mỹ để không bị Trung Quốc chèn ép, thì không thể để có khoảng cách nhiều về định nghĩa tự do, dân chủ như đại sứ Michalaak đã nêu trong buổi họp báo ngày 20-6-2008, nghĩa là cứ nhắm mắt đàn áp những người đấu tranh cho tự do ngôn luận, cho dân chủ để đến chỗ có thể bị thượng viện Mỹ biểu quyết về vi phạm nhân quyền.

Và giới lãnh đạo cộng sản cũng cần nhớ rằng : nếu đặt quyền lợi của đảng lên trên quyền lợi của quốc gia thì sẽ không bao giờ có thể giải quyết được tất cả những khó khăn, khủng hoảng trong mọi lãnh vực kinh tế, xã hội hiện đang chông chênh và trước hết là ngoại xâm.

Tiến Hồng (Rennes, 30-8-2008)

Chú thích :

(1) Không phải ông Lê Dũng, phát ngôn viên thường được coi là "lưỡi gươm" của bộ Ngoại giao.

(2) Tương đương với 320 km ; 1 hải lý = 1,609 km.

(3) Theo BBC, 17-4-2008.

(4) Chính sách này do đô đốc Lưu Hòa Thanh khởi xướng, chủ trương lấy Hoàng Sa, Trường Sa làm tuyến đầu phía nam để từ đó kiểm soát Biển Đông. Việc thành lập căn cứ cho tàu ngầm nguyên tử Tam Sa ở phía nam Hải Nam là nằm trong chính sách này. Và trữ lượng lớn dầu ở ngoài khơi hai quần đảo (rất cần cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc) cũng nằm trong chính sách "không gian sinh tồn mới" do bộ trưởng quốc phòng Trì Hạo Điền chủ xướng.

(5) Trích từ *Thái Dương* ngày 4-8-2008 (chỉ nên coi là tài liệu có tính cách tuyên truyền) : Hải quân Việt Nam có 5,5 vạn quân với hơn 300 tàu chiến các loại ; Không quân Việt Nam có khoảng 3 vạn quân với hơn 480 máy chiến đấu các loại, bao gồm máy bay SU-27, SU-30. Quân đội Việt Nam đầu tư chi phí lớn xây dựng 11 căn cứ hải quân và 15 căn cứ không quân hướng ra Biển Đông. Đồng thời Việt Nam tăng cường xây dựng các công sự mang tính vĩnh cửu trên các đảo mà Việt Nam chiếm lĩnh ở Nam Sa. Việc làm có ý nghĩa chiến lược nhất là Việt Nam đã xây dựng hai sân bay ở đảo Nam Uy và đảo Trường Sa, khiến không quân Việt Nam có được sân bay quý giá tiến ra Nam Sa ; hàng loạt nhân viên, trang bị và vật tư đạn dược liên tục chở đến Nam Sa qua "hành lang trên không" này.

(6) Để chuẩn bị cho cuộc chiến với Trung Quốc, mấy năm gần đây Việt Nam đã đưa ra "3 con át chủ bài lớn", đó là tàu chiến mang tên lửa với uy lực lớn, máy bay chiến đấu tầm xa và tác chiến đặc công biển ; hòng hình thành ưu thế tiến công phi đối xứng "lấy nhỏ kiếm chế lớn". Quân đội Việt Nam còn lấy việc huấn luyện khoa mục người nhái tiến công các tòa nhà, phá hoại công trình ngầm làm trọng điểm tác chiến ở Nam Sa. Đặc công nước của Việt Nam còn tiến hành các hoạt động theo dõi, gây nhiễu đối với các tàu thăm dò của Trung Quốc ở Nam Sa.

Việt Nam bắt đầu chuẩn bị chiến tranh, Trung Quốc còn chờ đợi gì ?

Hoàng Sa - Trường Sa

Trên đây là tiêu đề của một bài viết được đăng lên diễn đàn Sina ngày 27-8-2008, ngay sau khi thứ trưởng bộ ngoại giao Việt Nam đã có một phát biểu cứng rắn hợp lý khẳng định chủ quyền hợp pháp đối với các dự án dầu khí hợp tác với nước ngoài. Mặc dù mạng Sina không phải là trang báo chính thức của chính phủ Trung Quốc, nhưng trang này vẫn phải thông qua kiểm duyệt và chính phủ Trung Quốc gián tiếp gửi thông điệp qua đây, vì thế các bài viết thường là của những người có khả năng và trình độ nhất định. Nói chung, tác giả bài này đã đọc rất kỹ những bài viết đăng trên Thông Luận về khả năng quân sự của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. Sina.com là một website thương mại bằng tiếng Hoa lớn nhất thế giới, trụ sở đặt tại Thượng Hải, do tập đoàn truyền thông online SINA Corporation (thành lập năm 1999) điều hành 4 trang web phụ, nhắm vào độc giả ở lục địa Trung Hoa, Hồng Kông, Đài Loan và cộng đồng Hoa kiều ở Bắc Mỹ. Nguyên văn tiếng Hán của bài viết này do Hoàng Sa Trường Sa (tức Hồ Guom, một người sinh sống tại Đức) dịch.

Hiện nay sau những thông tin về việc công ty dầu khí Exxon Mobil của Hoa Kỳ và Việt Nam ký hiệp định về thăm dò dầu khí được chuyển ra ngoài, khiến cho bộ ngoại giao Trung Quốc rất quan ngại, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam khẳng định "các hiệp định được kí đều nằm trong chủ quyền của Việt Nam". Về sau thậm chí có trang mạng của Việt Nam còn xuất hiện những luận điệu cứng rắn cái gọi là "không ngại một cuộc chiến tranh".

Những luận điệu cứng rắn của Việt Nam dựa vào những tiềm lực quân sự trọng yếu tại Nam Sa (tức Trường Sa), quân đội Việt Nam đã tăng cường điều chỉnh bố trí lực lượng, ý đồ là tiến thêm một bước khống chế 29 đảo và vùng biển phụ cận Trường Sa mà họ đã phi pháp chiếm đóng.

Chiếm đoạt và khống chế Trường Sa thành quyết tâm của quân đội Việt Nam

Địa thế của Việt Nam từ bán đảo Trung Nam khu vực Đông bộ trải về hai phía Nam, Bắc hình thành địa hình chật hẹp chữ "S". Sau một thời gian dài đến nay, quân đội Việt Nam đã vận dụng chiến lược "Bắc phòng Nam tấn" làm trọng điểm, dồn lực phát triển lực quân, tập trung quân lực phía Bắc Bộ, hải quân và không quân ở đây xây dựng tương đối lạc hậu.

Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 9 đề xuất "chiến lược phát triển biển"» ý đồ hướng về biển phát triển, trở thành một "cường quốc hải dương". Vì thế mà chiến lược quân sự của quân đội nhân dân Việt Nam cũng được điều chỉnh thành "lục địa phòng thủ hải quân tiến công" hướng về Nam Hải (tức Biển Đông), đặc biệt là đã tâm chuẩn bị tốt về quân sự nhằm chiếm đoạt và khống chế các đảo ở Trường Sa. Việt Nam đã đầu tư mạnh vào Hải quân và không quân, điều chỉnh các căn cứ theo chiều sâu kiến thiết trận tuyến địa Trường Sa, hình thành hệ thống kiến trúc trận địa Trường Sa ba đại trụ cột.

Hiện nay tổng binh lực của hải quân Việt Nam ước tính đạt tới 55 000 người, phân thành 4



bộ tư lệnh hải quân khu vực 1, 3, 4 và 5 :

- Bộ tư lệnh hải quân vùng 1 đặt tại Hải Phòng, quản lý lữ đoàn tàu chiến 170, lữ đoàn lục chiến 147.

- Bộ tư lệnh hải quân vùng 3 đặt tại Đà Nẵng, quản lý lữ đoàn tàu chiến 161.

- Bộ tư lệnh hải quân vùng 4 đặt tại Vũng Tàu, quản lý lữ đoàn tàu chiến 171, đoàn cảnh giới 103.

- Bộ tư lệnh quân khu vùng 5 đặt tại Rạch Giá, quản lý lữ đoàn tàu chiến 175, đoàn lục chiến 126.

Tổng cộng các loại tàu chiến khoảng hơn 300 chiếc, các tàu chiến chủ chiến bao gồm các tàu hộ vệ 7 chiếc, tàu

quét ngư lôi 5 chiếc, tàu đổ bộ 6 chiếc, các loại tàu phóng ngư lôi và tàu phóng tên lửa hơn 40 chiếc, tàu đổ bộ cỡ nhỏ hơn 30 chiếc, 2 chiếc tàu ngầm Mini.

Tổng binh lực của không quân Việt Nam khoảng 30 000 người, quản lý 4 hàng không sư, 13 đoàn phi hành (5 đoàn chiến đấu cơ, 3 đoàn vận tải cơ, 3 đoàn huấn luyện cơ, 2 đoàn tăng cường lực chiến cơ), có các loại máy bay Su-27, Su-30 và Mig-23, Mig-21 và nhiều loại khác, tổng số hơn 480 chiếc.

Bộ đội phòng không quản lý 17 binh đoàn tên lửa, 7 binh đoàn pháo cao xạ, 6 đoàn rada, có các thiết bị cảnh giới trên không và rada khoảng hơn 1000 bộ.

Lợi dụng các đảo chiếm được làm căn cứ tiền tuyến

Nhằm mục đích thay đổi bố trí trận địa trước đây là "Coi trọng phía Bắc, lớn ở phía Nam, gọn nhẹ ở giữa", quân đội Việt Nam đã đầu tư lớn xây dựng các căn cứ quân sự hướng về Biển Đông bao gồm :

- 11 căn cứ hải quân : Vạn Hóa, Cẩm Phả, Hồng Gai, Hà Tiên, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Rạch Giá, Cam Ranh, TP Hồ Chí Minh, Quy Nhơn.

- 15 căn cứ không quân bao gồm : Nội Bài, Yên Bái, Hòa Lạc, Kiến An, Thọ Xuân, Đà Nẵng, Phú Cát, Phan Rang, Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Tuy Hòa, Cam Ranh, Chu Lai... với đã tâm kết hợp vững chắc hải không quân.



Đồng thời quân đội Việt Nam gấp rút tiến hành xây dựng trận tuyến mạng nhện trên các đảo chiếm được, các đảo này đóng vai chực cho đến vài trăm quân, Năm 2004, 2005, hoàn thành việc xây cất sân bay trên hai đảo Nam Yết và Trường Sa lớn, nhờ vậy mà không quân Việt Nam có được chỗ hạ cất cánh tiên tiến tại Trường Sa. Một khối lượng lớn vũ khí và đạn dược được thông qua "hành lang trên không" không ngừng chuyển đến Trường Sa.

Đặc công trên nước quấy rối các tàu thăm dò Trung Quốc

Nhằm tăng cường khả năng tác chiến với "một quốc gia nào đó", quân đội Việt Nam mấy năm trở lại đây đã đề xuất cái gọi là "thò ba đại cánh tay sắt", tức là kết hợp uy lực lớn của các tàu phóng hỏa tiễn với lực lượng máy bay chiến đấu tầm xa, cùng lực lượng đặc công trên nước tác chiến. Ý đồ nhằm dùng nhỏ khắc chế lớn, dùng ưu thế bất đối xứng tấn công.

Dựa vào việc Việt Nam mua 4 tàu phóng ngư lôi cỡ lớn, có trang bị tên lửa tầm trung từ Nga, và dựa vào việc năm 2007 Việt Nam-Nga kí hiệp định cho phép Việt Nam sử dụng kĩ thuật của Nga xây dựng nhà máy đóng tàu chiến ở trong nước, chế tạo 10 tàu chiến cao tốc "tia chớp" trang bị tên lửa. Năm 2009, Nga sẽ còn bàn giao cho Việt Nam hai khu trục hạm trị giá 350 triệu đô la, với những trang thiết bị hiện đại nhất hiện nay, có thể tàng hình, tấn công từ xa... đã cho thấy quần đảo Trường Sa bị hải quân Việt Nam đặc biệt coi trọng, và dựa vào những hoàn cảnh phức tạp tại đây để lợi dụng "dùng nhỏ uy hiếp lớn".

Dựa vào việc Việt Nam trang bị các máy bay chiến đấu tầm xa tối tân (13 chiếc Su-27 và 4 chiếc Su-30), quân đội Việt Nam đang tập trung sức chiến đấu tại khu vực tranh chấp vùng biển Trường Sa : tiêu tốn 3,8 tỉ đô la Mỹ để mua 17 chiếc máy bay chiến đấu tiên tiến, toàn bộ được đặt ở căn cứ không quân Phan Rang, hình thành một đường bán kính vượt quá 1 500 km, phủ rộng toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa, tăng cường năng lực không - hải tác chiến. Theo tìm hiểu, trong vài năm nữa Việt Nam sẽ tiếp tục đầu tư mua thêm nhiều máy bay chiến đấu Su-27, Su-30 và nhiều loại chiến đấu cơ tối tân nữa.

Những binh chủng đặc biệt tác chiến trên biển đó là "truyền thống" của quân đội Việt Nam. Hiện nay tổng binh lực của lực lượng hải quân lực chiến của Việt Nam ước khoảng 27 000 người, quản lí lữ đoàn lực chiến 126 và 147, binh đoàn đặc công nước 861 và một số binh chủng đặc biệt khác.

"Tổng công ty khai thác hải sản Biển Đông" vốn thuộc công ty 128, 129 (nguyên là hai lực lượng vũ trang) cũng có những nhiệm vụ tác chiến đặc biệt.

Để tăng cường thực tế khống chế Trường Sa, Việt Nam

đã đưa vào huấn luyện cả người nhái bí mật, tấn công chiếm đóng tầng cao, đặt bộc phá dưới nước, chi viện Trường Sa khi tác chiến làm trọng điểm. Trong lúc hải quân Việt Nam



giám sát các tàu thăm dò của Trung Quốc, trong các hoạt động gây nhiễu có thể nhìn thấy ẩn hiện bộ đội đặc công Việt Nam trên mặt nước.

Do các đảo ở Trường Sa không thể cố định để phòng các tàu chiến, nhiệm vụ hải quân Việt Nam tuần tra trong vùng biển Trường Sa thông thường bao gồm hàng trăm các tàu đánh cá vũ

trang đảm nhiệm.

Nói hoảng khi cho rằng "vì thế vận hội" nên Trung Quốc "chịu nhện"

Trong lúc tích cực chuẩn bị chiến tranh thì Việt Nam vẫn sử dụng chiêu bài "hợp tung liên hoành", ý đồ mượn các thế lực bên ngoài để tiếp tục chiếm đóng các đảo Trường Sa.

Phương diện thứ nhất : về chính trị thì hợp tác liên minh với các nước ASEAN, để cao lập trường nhất trí của các nước đối với Trung Quốc, đặc biệt là tăng cường hợp tác với Phillipin và Malayxia, một mặt khác Việt Nam lại kêu gọi nước ngoài đầu tư vào hợp tác khai thác dầu khí, ý đồ lôi kéo Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ .. và một số nước khác vào Trường Sa, khiến cho vấn đề Trường Sa bị quốc tế hóa, đồng thời từng bước tăng cường hợp tác giao lưu quân sự với các nước Mỹ, Ấn, Nhật... để cao vị thế của Việt Nam là một nước lớn trong khu vực.

Như năm 2003, 2004, 2005 chiến hạm của Hoa Kỳ liên tục thăm viếng Việt Nam ; tháng 7 năm 2007 hai bên Việt - Ấn ký hiệp định quốc phòng song phương, xác lập từ nay về sau Ấn Độ ưu tiên bán cho Việt Nam các trang bị quân sự, trong đó có cả tên lửa đạn đạo "Bulamobs". Ấn Độ còn giúp Việt Nam nâng cấp các máy bay chiến đấu Mig-21 đã quá hạn đồng thời phụ trách huấn luyện các phi công Việt Nam lái chiến đấu cơ Su-30. Tháng 3 năm 2008, 2 tàu hộ vệ của Nhật Bản cũng đã viếng thăm thành phố Hồ Chí Minh và cùng hải quân Việt Nam tiếp hành liên hiệp diễn tập.

Lần này ở phương diện hai, Việt Nam đã cùng với công ty dầu khí quốc gia Mỹ Exxon tiếp ký hiệp định hợp tác dầu khí trong vùng biển tranh chấp Trường Sa. Khi phán đoán rằng Trung Quốc trong một thời gian dài sau thế vận hội Bắc Kinh sẽ không có hành động cứng rắn nào trong khu vực vùng biển Trường Sa, công nhiên xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc. Việc phán đoán sai lầm này không chỉ bất lợi với cục diện ổn định ở Trường Sa, đồng thời cũng tổn hại đến bản thân của nền an ninh và phát triển của Việt Nam trong thời gian dài sau này.



Hoàng Sa & Trường Sa dịch

Phải đương đầu với nước Nga

LTS.- Cuộc chiến ở Gruzia (Georgia) là hành động tiêu biểu sự trở lại chính sách bá quyền của Nga thời Staline đối với những quốc gia láng giềng nhỏ bé. Trong hai nhiệm kỳ tổng thống, và nay là thủ tướng nắm thực quyền, Putin không hề che giấu chủ trương gồm thầu trở lại những lãnh thổ chủ hầu thuộc Liên Bang Nga Xô Viết cũ ly khai, nay là những quốc gia độc lập theo chế độ dân chủ thân phương Tây. Dưới đây là bài nhận định của ông Zbigniew Brzezinski, cựu cố vấn an ninh quốc gia trong nhiệm kỳ tổng thống Carter, về biến cố ở Gruzia, đăng trên tuần báo *Time* số ra ngày 25-8-2008. Bài này đã được một thân hữu của Thông Luận chuyển ngữ và đưa lên mạng *Talawas* ngày 30-8-2008, sau đây là nguyên văn.

Phương Tây phải chứng tỏ cho Moskva biết rằng mọi mưu đồ tái lập quyền lực trên nước Gruzia hay trên phần đất còn lại của Liên Xô trước đây sẽ không được phương Tây tha thứ.

Chiến tranh lạnh chấm dứt lẽ ra phải đưa đến một thời kỳ mà các đại cường quốc không còn bức chế những nước láng giềng phải xử lý công việc nội bộ của họ ra sao. Việc Nga xâm lược Gruzia, vì thế, là một chuyện quá đỗi bi đát và có tiềm năng rất đáng quan ngại. Thế giới giờ đây đang canh chừng nước Nga : liệu họ sẽ tiếp tục sử dụng cường bách để đạt những mục đích đế quyền, hay họ sẽ chịu hoạt động trong khuôn khổ một thế giới đang hình thành với sự trọng thị hợp tác và đồng thuận ?

Mưu đồ tàn bạo của Moskva để chế ngự, khuất phục và thống thuộc một nước dân chủ, độc lập nhỏ xíu như thế làm ta nhớ lại thời đại Stalin. Cuộc tấn công Gruzia giống như việc Nga-Xô Viết dưới quyền Stalin xâm lấn Phần Lan năm 1939, trong cả hai trường hợp Moskva đã sử dụng võ lực một cách độc đoán, tàn bạo, và vô trách nhiệm để áp đặt sự thống trị lên một quốc gia dân chủ láng giềng yếu sức hơn. Giờ đây vấn đề là liệu cộng đồng quốc tế có thể chứng minh cho điện Kremlin biết rằng có những cái giá phải trả cho việc ngang nhiên sử dụng võ lực nhân danh những mục tiêu đế quốc đã lỗi thời.

Cuộc xung đột này đã âm ỷ nhiều năm qua. Nước Nga đã cố tình khơi động sự chia cắt lãnh thổ Gruzia. Moskva đã đẩy mạnh những hành động ly khai trong nhiều tỉnh thuộc Gruzia như Abkhazia, Ajaria, và dĩ nhiên Nam Ossetia. Nga đã đổ đầu cho chính quyền ly khai trong những vùng lãnh thổ đó, trang bị vũ khí cho quân đội của họ và cấp cả quốc tịch Nga cho những kẻ ly khai. Nga đã tăng cường những nỗ lực đó từ khi ở Gruzia xuất hiện một chính phủ dân chủ thân phương Tây. Sự căm phẫn của thủ tướng Vladimir Putin đối với Gruzia và tổng thống của nước này là Mikheil Saakashvili, từng được giáo dục ở Mỹ, dường như đã trở thành một nỗi ám ảnh cá nhân.

Cộng đồng quốc tế đã không hành động đủ để chống trả. Thời gian gần đây, một loạt biến cố đã xảy ra dọc những biên lộ ngưng bắn mong manh cắt ngang lãnh thổ Gruzia đã khiến cho bạo động leo thang, gồm cả việc Gruzia thất bại trong nỗ lực xóa bỏ "chính quyền" Nam Ossetia, một miền đất nhỏ có chừng 70 ngàn dân. Hành động hấp tấp này có lẽ là thiếu khôn ngoan, nhưng việc Nga dùng quân đội để đáp ứng hiển nhiên đã cho thấy là Moskva đã chờ đợi một hành vi như vậy để lấy cớ sử dụng võ lực. Những đoàn quân lớn của Nga đã mau lẹ tràn vào Nam Ossetia rồi cả Gruzia, cho xe tăng tiến vào Gori và dội bom Gori và thủ đô Tbilisi.

Không nên coi hành vi xâm lấn của Nga đối với Gruzia

là một biến cố đơn độc. Sự thật là Putin và cộng sự viên của ông ở Điện Kremlin không chấp nhận những thực tại hậu-Xô-viết. Putin đã tỏ ra thành thật khi cách đây ít lâu tuyên bố rằng theo ý ông, sự tan rã của Liên Xô là "một thảm họa địa-chính trị lớn nhất của thế kỷ (20)". Những quốc gia dân chủ độc lập như Gruzia và Ukraine, đối với chế độ Putin, không những là những dị biệt lịch sử mà còn biểu hiện một mối đe dọa trực tiếp.

Ukraine rất có thể là điểm nóng kế tiếp. Các nhà lãnh đạo nước Nga đã công khai đặt vấn đề cần hay không cần tôn trọng sự vẹn toàn lãnh thổ của Ukraine. Họ cũng nhận xét rằng Crimea, một thành phần của Ukraine, phải được sáp nhập trở lại vào nước Nga. Cũng như vậy, áp lực của Nga đối với Moldova đã gây nên sự phân chia lãnh thổ thực sự của nước cộng hòa Xô-viết nhỏ bé này. Moskva cũng tiếp tục cô lập kinh tế các láng giềng châu Á như Kazakhstan và Uzbekistan. Và những quốc gia miền Baltic như Lithuania, Latvia và Estonia cũng đã là đối tượng đe dọa nhiều mặt của Nga, kể cả những trừng phạt kinh tế và những vụ làm rối loạn hệ thống tin học của các nước này.

Tình thế thật là nguy hiểm. Trước sau gì thì nền độc lập của các nước hậu-Xô-viết cũng đang lâm nguy. Nước Nga dường như có ý niệm xác tín rằng phải có một thực thể siêu quốc gia gì đó do Kremlin cai quản để giám sát hầu như tất cả các lãnh thổ Xô-viết trước đây. Thái độ này phần nào phản ánh cái não trạng duy quốc gia mãnh liệt hiện nay đang thâm nhập giới lãnh đạo của nước Nga. Vladimir Putin, cựu tổng thống và nay là thủ tướng đang ngự trên cao trào quốc gia này. Ông đang khai thác nó về mặt chính trị và khuếch trương nó với công chúng nước Nga. Một số người lại còn bàn đến chuyện tái lập sự hiện diện của Nga tại Cuba như một hình thức trả đũa Mỹ đã ủng hộ nền độc lập của các nước hậu-Xô-viết.

Đối với phương Tây, đặc biệt là Mỹ, cuộc xung đột giữa Nga và Gruzia đặt ra nhiều thách đố về tinh thần cũng như về địa lý chiến lược. Chiều kích tinh thần thì đã mặc thị hiển nhiên : một quốc gia nhỏ bé mới giành được độc lập sau gần hai thế kỷ bị Nga thống trị xứng đáng được sự ủng hộ của quốc tế ; sự ủng hộ này cần đi xa hơn những lời tuyên bố thiện cảm giản đơn. Rồi lại còn những vấn đề địa lý chiến lược. Một Gruzia độc lập là thiết yếu cho sự vận chuyển dầu khí quốc tế. Hiện nay, một ống dẫn dầu thô chạy từ Baku thuộc Azerbaijan cạnh biển Caspian, qua Gruzia rồi tới bờ biển Địa Trung Hải của Thổ Nhĩ Kỳ. Sự kết nối này cho phép phương Tây tiếp cận với những nguồn năng lượng của miền Trung Á. Nếu sự tiếp cận này bị cắt đứt thì thế giới phương Tây sẽ

mất đi một cơ hội quan trọng để đa phương hóa những nguồn năng lượng của mình.

Phương Tây cần ủng hộ với cuộc xâm lược của Nga một cách rõ ràng và cương quyết. Điều này không có nghĩa là sử dụng vũ lực. Và chúng ta cũng không nên lâm vào một cuộc chiến tranh lạnh với Nga. Nhưng phương Tây, và đặc biệt là Hoa Kỳ, cần phải tiếp tục động viên cộng đồng quốc tế lên án cách ứng xử của Nga. Các ứng cử viên tổng thống Barack Obama và John McCain nên ủng hộ tổng thống Bush trong những nỗ lực phản kháng hành động của Nga, và đề xuất một lập trường lưỡng đảng về vấn đề này. Điều bất hạnh là một số người ủng hộ các ứng cử viên đang ra sức chỉ trích lẫn nhau một cách vô bổ về những lời tuyên bố công khai về cuộc khủng hoảng ở Gruzia. Biến cố này quá quan trọng để hành xử như vậy.

Hãy còn quá sớm để chỉ ra những biện pháp chính xác nào mà phương Tây cần áp dụng. Nhưng phải làm cho Nga hiểu rõ rằng họ đang có nguy cơ bị thế giới tẩy chay. Đó là một vấn đề mà giới doanh nghiệp cao cấp mới vô cùng quan tâm vì họ có thể ngày càng bị yếu thế vì áp lực tài chính toàn cầu. Những đầu nậu quyền thế có hàng trăm tỷ đô la gửi trong các trương mục ngân hàng phương Tây. Trong trường hợp một tình trạng căng thẳng kiểu Chiến tranh Lạnh rất có thể xảy ra, ở một giai đoạn nào đó vì phương Tây đóng băng các trương mục, thì họ sẽ mất mát rất nhiều.

Vào một thời điểm nào đó, phương Tây nên cứu xét giải pháp Thế vận hội. Nếu vấn đề ven toàn lãnh thổ của Gruzia chưa được giải quyết thỏa đáng (ví dụ bằng cách bố trí một lực lượng an ninh quốc tế thật sự độc lập thay thế cho quân đội Nga ở Nam Ossetia và Abkhazia), thì Hoa Kỳ nên dự trù rút lui không tham dự Thế vận hội mùa Đông năm 2014 tổ chức tại thành phố Sochi của Nga ngay cạnh biên giới Gruzia đã bị vi phạm. Việc này đã có tiền lệ. Tôi là thành phần của chính phủ Carter trong lúc giương cao ngọn đuốc Thế vận như một vũ khí biểu tượng năm 1980, rút lui khỏi Thế vận hội mùa Đông tại Moskva sau khi Nga tiến chiếm Afghanistan. Liên Xô khi ấy đã có kế hoạch tổ chức một cuộc trình diễn gọi nhớ đến Thế vận hội năm 1936 của Hitler tại Berlin. Sự tẩy chay của Hoa Kỳ đã đánh một cú vào chân thần của tổng thống Leonid Brezhnev và hệ thống cộng sản của ông, và đã không cho Moskva được hưởng một thắng lợi tầm cỡ toàn cầu.

Cuộc khủng hoảng Gruzia là một trải nghiệm thiết yếu đối với Nga. Nếu Putin giữ vững ý đồ chiếm đóng Gruzia như một chư hầu và truất phế vị tổng thống đã được tự do bầu lên - một điều mà ngoại trưởng của Putin đã rõ ràng đòi hỏi - thì sớm muộn gì Moskva cũng sẽ gây áp lực với Ukraine và các nước khác tuy độc lập nhưng yếu thế. Phương Tây phải đối phó một cách thận trọng nhưng với một tiêu điểm tinh thần và chiến lược. Mục tiêu của phương Tây phải là một nước Nga dân chủ, tham gia xây dựng một hệ thống toàn cầu trên căn bản tôn trọng chủ quyền quốc gia, pháp luật và dân chủ. Nhưng mục tiêu ấy chỉ có thể đạt được nếu thế giới nói rõ cho Moskva biết rằng một nước Nga cứ lớn tiếng chủ trương duy quốc gia sẽ không bao giờ thành công trong nỗ lực tạo dựng được một đế quốc mới trong thời đại hậu-đế quốc.

Zbigniew Brzezinski

Thời sự quốc tế

Nga xâm lăng Georgia

Lợi dụng lúc sự chú ý của thế giới tập trung về Thế Vận Hội Bắc Kinh, Nga đã tung quân xâm lược một cách thô bạo Georgia, một nước cộng hòa nhỏ bé với một quân lực không đáng kể, gồm 8 000 bộ binh, ba tàu chiến nhỏ, năm máy bay chiến đấu và khoảng mười xe tăng cũ.



Trong vòng vài ngày gần như toàn bộ khả năng chiến đấu của quân đội Georgia bị tiêu diệt; lực lượng Nga tiến sâu vào lãnh thổ Georgia, không quân Nga oanh tạc nhiều thành phố.

Lý do được Nga viện dẫn cho cuộc xâm lược này chỉ giản dị là vì Georgia đã mở một cuộc hành quân tấn công lực lượng ly khai tại Nam Ossetia. Ngay cả nếu cuộc tấn công này có thực thì nó cũng chỉ là một vấn đề nội bộ của Georgia vì Nam Ossetia chỉ là một phần của Georgia và lý do của Nga cũng không thể chấp nhận được.

Hơn nữa, ý đồ xâm lược của Nga đã quá rõ ràng. Không phải là một sự ngẫu nhiên mà trước đó Nga đã huy động cả một lộ quân, lộ quân 58, với hàng trăm chiến xa và máy bay chiến đấu tới sát biên giới Georgia. Cùng lộ liễu hơn nữa là cùng ngày Nga tiến quân vào Georgia - ngày 8-8-2008, đúng ngày khai mạc Thế Vận Hội - loạn quân ở Abkhazia, một tỉnh ly khai khác của Georgia, cũng đồng loạt tấn công quân đội Georgia. Tất cả đều nằm trong một chương trình được chuẩn bị với mục đích tách hai vùng Nam Ossetia và Abkhazia, mà Nga nhòm ngó từ lâu, ra khỏi Georgia.

Hoa Kỳ, Châu Âu và các nước dân chủ nói chung đã lên án cuộc xâm lược này. Trung Quốc và một vài nước Trung Á khác thì ngược lại đã lên tiếng ủng hộ sự can thiệp của Nga trên hai lãnh thổ ly khai này. Cuối cùng do sự dàn xếp của tổng thống Pháp, hành động với tư cách chủ tịch Liên Hiệp Châu Âu, Nga đã chấp nhận ngừng tiến công với điều kiện là quân đội và cảnh sát Georgia cũng phải rút khỏi Nam Ossetia và Abkhazia, dù hai vùng này thuộc Georgia.

Trong thế trúng chọi đá và không thể mong đợi sự bảo vệ của Hoa Kỳ và Châu Âu mà họ đã từng hy vọng, chính quyền Georgia đã phải chấp nhận thỏa hiệp này dù biết rõ là như thế trên thực tế họ đã chấp nhận mất hai vùng này. Hãy hình dung quân đội Trung Quốc tấn công Việt Nam và chỉ chấp nhận rút lui nếu Việt Nam cũng phải triệt thoái khỏi Cao Bằng và Lạng Sơn, rồi chúng ta sẽ hiểu phần nào trường hợp Georgia.

Mọi so sánh thường khập khiễng. Việt Nam không yếu như Georgia và có khả năng tự vệ thực sự, nhưng biên giới phía Bắc của chúng ta cũng khá phức tạp, và những gì đang xảy ra đáng để chúng ta suy nghĩ trong sự tìm kiếm một giải đáp cho bài toán Trung Quốc.

Ban biên tập báo Tổ Quốc (số 47, 15-8-2008)

Một cuộc chiến tranh lạnh mới bắt đầu ?

"Ngay cả nếu phải đương đầu với một cuộc chiến tranh lạnh mới, Nga cũng sẵn sàng". Đó là tuyên bố của tổng thống Nga Dmitri Medvedev, sau những áp lực của Hoa Kỳ và châu Âu lên án cuộc xâm lăng của Nga vào Georgia và đòi Nga rút quân khỏi nước này. Như để chứng minh cho quyết tâm của mình, vài ngày sau Nga tiến thêm một bước khiêu khích mới : nhìn nhận hai tỉnh ly khai của Georgia, Nam Ossetia và Abkhazia, như là hai quốc gia độc lập.

Cái gì đã xảy ra ?

Nam Ossetia là một tỉnh tự trị của Georgia từ 1920. Đây là một tỉnh nhỏ và hẻo lánh, ở giữa núi rừng, không có một tài nguyên thiên nhiên nào và cũng rất ít dân (70 000 người). Vấn đề là quá 2/3 dân số ở đây không phải là người Georgia mà thuộc một sắc tộc khác được xếp loại như là thuộc chủng tộc Iran. Năm 1991, khi Liên Bang Xô Viết tan vỡ và Georgia trở thành một nước độc lập thân phương Tây, chính quyền Georgia đã làm một sai lầm lớn là bãi bỏ qui chế tự trị của tỉnh này và lập tức chính quyền địa phương Nam Ossetia tuyên bố ly khai. Kế tiếp là một cuộc nội chiến, rồi một thỏa ước ngừng bắn. Tình trạng dây dưa kéo dài cho đến ngày 8-8-2008 khi quân Nga tràn vào lãnh thổ Georgia và trong một vài ngày hầu như đánh tan quân đội Georgia, chiếm toàn bộ Nam Ossetia và thêm cả một phần đất khác của Georgia.

Theo Nga thì chính quân đội Georgia đã tấn công trước (họ đưa ra thời điểm chính xác là quân Georgia bắt đầu tấn công vào Nam Ossetia vào lúc 23 giờ đêm 7-8-2008). Theo chính quyền Georgia thì trái lại, chính quân đội ly khai Nam Ossetia đã gây hấn từ mấy ngày trước đó. Tất cả các quan sát viên độc lập đều tin là sự thật thuộc về phía Georgia. Vả lại việc ngay sáng ngày 8-8-2008, Nga đã đem được cả một quân đoàn, Quân Đoàn 58, vào sâu trong lãnh thổ Georgia chứng tỏ rằng đây là một cuộc tấn công đã được chuẩn bị trước. Nga lấy cớ bảo vệ các công dân Nga tại Nam Ossetia để tấn công. Nhưng tại sao lại có những công dân Nga tại Nam Ossetia ? Đó là vì từ năm 2001 Nga đã cấp thông hành cho 90% dân cư tại đây trong dụng ý biến tỉnh này thành một lãnh thổ Nga. Dĩ nhiên những người nhận quốc tịch Nga được hưởng những trợ cấp hậu hĩnh. Trên thực tế Nga đã mua chuộc người dân Nam Ossetia. Sau cuộc xâm chiếm tháng 8 vừa qua, tất cả những ai không chịu nhận quốc tịch Nga bị đuổi khỏi Nam Ossetia.

Một tình trạng tương tự như Georgia cũng đã diễn ra tại tỉnh Abkhazia từ 1992 : ly khai, nội chiến, ngừng bắn. Sau cuộc tấn công của Nga vừa rồi tại Nam Ossetia, vì quân đội Georgia đã hoàn toàn sụp đổ, những người Georgia cũng phải rời tỉnh này, chỉ còn lại những người mang quốc tịch Nga. Đúng là Nga đã chỉ đánh một tỉnh mà chiếm được tới hai tỉnh. Abkhazia còn quan trọng hơn Nam Ossetia, diện tích gấp đôi và dân số gấp ba, hơn nữa lại còn có bờ biển mở ra Hắc Hải.

Dĩ nhiên là Hoa Kỳ và châu Âu phản đối mãnh liệt, nhất là vì Georgia là một nước dân chủ thân phương Tây. Nhưng họ làm gì được ? Không thể có vấn đề đem quân tấn công quân Nga và cũng không thể có những biện pháp "trừng phạt kinh tế". Điều tối đa mà Hoa Kỳ và châu Âu có thể làm được là không hợp tác với Nga nữa mà còn ngăn chặn bằng những biện pháp ngoại giao và kinh tế các mối quan hệ của Nga trên thế giới. Nói

cách khác, mở ra một cuộc chiến tranh lạnh mới. Như lời tổng thống Dmitri Medvedev, Nga sẵn sàng chấp nhận thử thách này.

Về lâu về dài thì Nga sẽ ít nhiều phải nhượng bộ vì không thể đương đầu với Hoa Kỳ và châu Âu. Lực lượng hai bên quá chênh lệch. Trung Quốc tuy là đồng minh của Nga trong cố gắng chống lại trào lưu dân chủ hóa nhưng chỉ là một đồng minh thầm lặng và về riêng điều này thôi, trên những điểm khác, quyền lợi của Trung Quốc ở phía Mỹ và châu Âu. Hơn thế nữa, nếu không có một người Mỹ hay châu Âu nào thân Nga thì trái lại hầu như toàn bộ những người dân chủ Nga đều hướng về các nền dân chủ phương Tây. Lực lượng dân chủ tại Nga còn yếu nhưng là một lực lượng đang gia tăng. Sau cùng, sự phồn vinh của Nga hiện nay cũng chỉ là tình cờ và tạm thời, do sự tăng vọt của giá dầu và giá vàng, hai tài nguyên chính của Nga. Một khi kinh tế thế giới đã phục hồi, Nga sẽ lại hiện nguyên hình của một nước chưa phát triển, tổ chức xã hội còn rất thiếu sót và hơn nữa bị tham nhũng đục khoét nặng.

Vả lại, chính sự phồn vinh nhất thời của Nga cũng chỉ rất tương đối : với 150 triệu dân, tổng sản lượng quốc gia (GDP) của Nga chỉ sấp xỉ bằng một nửa của Pháp với 60 triệu dân. Đã thế, lợi tức quốc gia của Nga lại còn được phân phối rất không đồng đều. Nga cũng là nước duy nhất trên thế giới mà tuổi thọ trung bình giảm đi thay vì tăng lên. Đa số người Nga nghiện rượu. Tóm lại, cuộc chiến tranh lạnh không cân xứng này nếu diễn ra cũng sẽ sớm kết thúc.

Nguyễn Sơn Bá (Paris)

MUA BÁO
Gia nhập HVNHD

ABONNEMENT
Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) :

Tên (Prénom) :

Địa chỉ (Adresse) :

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) :.....

Điện thoại (Tél.) :

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)
pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG
Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : **Vietnam Fraternité**
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) :

Chữ ký (Signature).....

Bài học từ chiến sự Russia-Georgia

Nguyễn Văn Hiệp

Chỉ hơn hai tuần lễ kể từ ngày quân đội Nga xâm phạm chủ quyền Georgia, và ngày 26-8-2008 vừa qua, Nga đã tuyên bố công nhận độc lập đối với hai tỉnh ly Abkhazia và South Ossetia.

Chưa có nước nào công nhận độc lập của Abkhazia và South Ossetia ngoài Nga. Các nước trong Liên Hiệp Quốc vẫn đều coi Abkhazia và South Ossetia là của Georgia. Liên hiệp châu Âu cùng ngày đã ra tuyên cáo lên án mạnh mẽ hành động công nhận độc lập này của lãnh đạo Nga. Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy - với tư cách là nước chủ tịch luân phiên Liên hiệp châu Âu - chủ trì cuộc họp ngày 1-9 với các nguyên thủ quốc gia trong khối Liên hiệp châu Âu nhằm thảo luận giải quyết vấn đề này. Chính quyền tổng thống George Bush lên án và khẳng định các tỉnh ly Abkhazia và South Ossetia là của Georgia.

Nhắc lại, diễn biến xung quanh cuộc chiến. Chiến sự giữa Nga và Georgia xảy ra vào ngày 8-8-2008, cũng là ngày khai mạc Thế Vận Hội, khi không lực và bộ binh Nga đã bất ngờ tấn công Georgia. Hành động này của Nga diễn ra ngay sau khi tổng thống Mikheil Saakashvili của Georgia ra lệnh hành quân tấn công các lực lượng quân sự ly khai ở Abkhazia và South Ossetia. Quân đội của Nga với lực lượng hùng hậu đã gần như triệt tiêu đối phương trong vòng vài ngày giao chiến, chiếm cứ dễ dàng hai vùng ly khai, và tiến sâu vào gần thủ đô Tbilisi của Georgia. Không quân Nga mở nhiều đợt oanh kích và làm chủ trên không. Theo những con số được ước tính thì mức tử vong lên đến 2.000 người, 100.000 cư dân phải sơ tán khỏi các vùng giao tranh. Hoa Kỳ và các cường quốc dân chủ lên án mạnh mẽ hành động xâm lăng này của Nga. Một ngày sau khi tổng thống Mỹ George Bush lên án với ngôn từ mạnh mẽ rằng Nga ngang nhiên xâm lăng một nước láng giềng có chủ quyền là "hành động không chấp nhận được trong thế kỷ 21", thỏa ước Sáu điểm đạt được giữa tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy - với tư cách là nước chủ tịch luân phiên Liên hiệp châu Âu - và tổng thống Nga Dmitry Medvedev vào ngày thứ Ba 12-8 dẫn đến lệnh ngưng bắn. Cùng ngày Nga tuyên bố kết thúc hoạt động quân sự ở Georgia.

Chiến sự diễn ra trong vòng 5 ngày và những diễn biến kể tiếp khiến cộng đồng thế giới có nhiều lý do để quan ngại.

Trước hết là sự quan ngại về một viễn ảnh bất ổn gây ra bởi thể chế toàn trị. Về nguy cơ đơn phương dùng võ lực giữa một nước độc tài với một nước độc lập có chủ quyền khác, trong lúc thế kỷ 21 hứa hẹn đối thoại để giải quyết những bất đồng, hứa hẹn hòa bình và hợp tác cho phát triển giữa các quốc gia. Nhìn lại, Liên Xô dưới sự lãnh đạo của tổng bí thư Gorbachev từ năm 1985 đã thúc đẩy chính sách mở cửa (được biết đến với danh từ glasnost) và tái thiết (perestroika) để tiến tới thay đổi hệ thống chính trị, xã hội, kinh tế cộng sản trung ương tập quyền bằng hệ thống chính trị, xã hội, dân chủ, kinh tế thị trường vào năm 1991. Nhưng trong những



năm gần đây, Nga dưới sự lãnh đạo của cựu tổng thống Putin, một cựu nhân viên an ninh KGB, nay đang giữ chức vụ thủ tướng trong nội các tổng thống Medvedev, đang thể hiện lại khuynh hướng độc tài toàn trị, dùng quyền lực và thủ đoạn để thu hẹp không gian sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Bên trong Nga đã không nường tay, đàn áp đẫm máu những thành phần phản kháng ở Chechnya. Đối với trường hợp Georgia, việc Nga dùng lý do bảo vệ công dân của mình - những người dân vùng Ossetia được Nga vội vã cấp quốc tịch Nga không lâu trước đó - để tiến quân đánh một nước dân chủ có chủ quyền như Georgia, sau đó đơn phương công nhận độc lập cho hai vùng này đang tạo một tiền lệ bất ổn. Trong lúc đó, Abkhazia và South Ossetia chỉ là vấn đề nội bộ của Georgia.

Chính sách bành trướng nhằm tạo những vệ tinh hậu thuẫn của Nga thể hiện quá rõ qua việc công nhận độc lập đối với Abkhazia và South Ossetia. Nó không khỏi làm những nước láng giềng Ukraine, Kazakhstan, Belarus lo ngại, vì có thể là tầm ngắm kế tiếp của chính quyền mang màu sắc đế quốc này của Nga. Hành động thôn tính Abkhazia và South Ossetia là bước đi đã có kế hoạch từ trước, nó càng lộ rõ hơn khi Nga dùng lý do độc lập của Kosovo từ Serbia để biện minh cho hành động của mình. Kosovo chỉ vừa được thế giới công nhận độc lập vào tháng 2-2008, sau gần mười năm vận động ngoại giao và được sự hậu thuẫn của quốc tế. Kosovo đã là một vấn đề được quốc tế hóa, đã trải qua nhiều cuộc thương thảo ngay cả ở tầm mức Liên Hiệp Quốc, trái lại trường hợp ở Georgia là một hành động đơn phương của Nga đơn thuần để xây dựng vệ tinh đồng minh nhằm bảo vệ quyền lợi của mình ở vùng Caucasus.

Việc Nga đối chiếu trường hợp Milosevic với Saakashvili càng không có sức thuyết phục, nó chỉ chứng tỏ một sự gượng ép vô lý. Nhà độc tài Milosevic của Serbia đã phạm tội ác diệt chủng ở Kosovo, đánh động lương tâm thế giới, dẫn đến sự can thiệp quân sự của quốc tế vào trường hợp Kosovo, diễn

hình là đợt oanh tạc của NATO vào năm 1999. Trong lúc đó Saakashvili là một tổng thống dân cử của Georgia, không hề có hành động diệt chủng ở Abkhazia và South Ossetia như Nga cáo buộc mà không hề đưa ra bằng chứng để viện cớ cho lý do xâm lăng của mình, trái lại sắc dân Georgia đã bị thanh lọc một cách quy mô ở hai vùng này.

Lãnh đạo Nga ý vào lợi thế tài nguyên năng lượng hiện có của mình để chọn sự đối đầu với các cường quốc dân chủ, nhằm làm sống dậy tinh thần dân tộc cực đoan. Khuynh hướng chủ nghĩa đế quốc này của lãnh đạo Nga chắc chắn phải xem một nền dân chủ thực sự đang nảy nở ngay sát nách mình như Georgia sẽ là một sự đe dọa.

Cần nhìn vào bối cảnh của nước Georgia để có thể nhìn nhận rõ hơn những thành quả đạt được của đất nước này chỉ từ một nền dân chủ non trẻ. Giữa Nga và Georgia đã có mối liên hệ lịch sử lâu dài. Georgia bị sát nhập vào Đế quốc Nga từ thế kỷ 19, được độc lập trong ba năm từ 1918-1921 theo sau Cách mạng tháng 10 Nga, nhưng sau đó bị sát nhập vào Liên bang Xô Viết. Georgia tách ra khỏi Liên Xô thành nước độc lập năm 1991 khi khối cộng sản quốc tế sụp đổ, trở thành một nước cộng hòa. Georgia là một nước nhỏ, có đường biên giới là rặng núi Caucasus giáp với Nga ở phía bắc, diện tích chỉ bằng khoảng 1/5 diện tích của Việt Nam, dân số trên 4 triệu.

Đất nước này đang thực hiện một thể chế dân chủ sống động sau khi tổng thống Mikheil Shaakashvili và đảng Phong trào Quốc gia của ông đắc cử vào năm 2004. Shaakashvili đã biến một nước bệ rạc như Georgia trở thành một nơi có môi trường hấp dẫn cho sinh hoạt kinh doanh trong một thời gian kỷ lục. Một dấu ấn của sự quyết đoán của chính phủ Shaakashvili trong nỗ lực bài trừ tham nhũng là đã sa thải toàn bộ hệ thống cảnh sát, khoảng 40 ngàn người ngay sau khi nhậm chức, mang lại niềm tin vào hệ thống công quyền cho dân chúng. Chính phủ Shaakashvili áp dụng nguyên tắc nhà nước nhẹ, nhường không gian cho sinh hoạt của xã hội dân sự, cho hoạt động kinh doanh. Những nét khái quát về Georgia cho thấy tuy là một nước nhỏ, hình thành trong những điều kiện khó khăn, nhưng nhờ quả quyết áp dụng thể chế dân chủ nên đã mang lại được nhiều phúc lợi cho xã hội. Tuy còn cần nhiều nỗ lực cải thiện, Georgia đã trở thành một điểm sáng của mô hình dân chủ cho những nước chung quanh vùng biển Đen và rặng núi Caucasus nói riêng, là một nguồn hứng mới cho con đường dân chủ trên thế giới.

Trường hợp Georgia ở sát nước Nga khổng lồ có thể liên hệ được đến trường hợp Việt Nam ở cạnh Trung Quốc. Có những nhận định cần được rút ra cho trường hợp Việt Nam qua biến cố Nga xâm lăng Georgia vừa qua. Trước hết là chiến tranh xâm lấn có thể bất ngờ nổ ra bất cứ lúc nào cho một nước nhỏ khi ở bên cạnh một nước lớn với thể chế chính trị toàn trị. Các quyết định chiến tranh đều có thể dễ dàng xuất phát từ lãnh tụ độc tài, không cần có sự đồng thuận của người dân. Một nước độc tài vẫn thường đem quân đánh một nước độc tài khác, dù có thể theo cùng chủ thuyết, trong khi đó trong lịch sử chưa có tiền lệ một nước dân chủ đánh một nước dân chủ khác. Như trường hợp Việt Nam, bị Trung Quốc đánh vào những năm 1979, 1985, 1988, Việt Nam không có ai bên

vực, phải dốc sức tự vệ làm hao tổn biết bao nhân, tài lực của đất nước. Nếu Việt Nam là một nước dân chủ thực sự, Trung Quốc có gây hấn thì súng nổ cũng không hơn quá 5 ngày như trường hợp Georgia. Các cường quốc dân chủ sẽ bên vực, dù có thể chỉ là qua kênh ngoại giao, nhưng trong thời đại toàn cầu hóa, áp lực ngoại giao cũng có những hiệu quả nhất định.

Một bài học lớn khác đó là bài toàn sắc tộc trong một cộng đồng dân tộc. Hai tỉnh Abkhazia và South Ossetia đang bị tách ra khỏi Georgia không phải là do lỗi của tổng thống Shaakashvili ra lệnh hành quân trấn áp các phần tử vũ trang ly khai, Nga có thể tạo mọi lý cớ để xâm lấn Georgia sau khi đã mua chuộc được các thành phần ly khai, nó có nguyên nhân từ bài toán sắc tộc chưa có lời giải thỏa đáng trong cộng đồng dân tộc Georgia. Phong trào ly khai của những sắc tộc thiểu số này đã xảy ra từ những năm đầu của thập niên 90, nhưng cho đến nay Georgia chưa có một chính sách hòa giải dân tộc trên bình diện quốc gia, chưa có những nỗ lực khuyến khích sự duy trì và phát triển những bản sắc riêng trên các khía cạnh văn hóa, ngôn ngữ của họ. Họ cảm thấy bị sống ngoài lề. Tâm trạng bị tha hương ngay trên đất tổ của mình khiến những mua chuộc từ Nga càng có sức cám dỗ lớn. Đây cũng là một kinh nghiệm cần rút ra cho trường hợp Việt Nam, vùng biên giới giáp ranh Trung Quốc cũng có những tình lý mà những sắc dân đã từng mang những quốc tịch khác nhau tùy những lúc mạnh yếu của Việt Nam và Trung Quốc trong quá khứ. Một Việt Nam dân chủ cần chú trọng đến những chính sách đa nguyên phù hợp với nguyện vọng của những cộng đồng sắc tộc thiểu số.

Một nhận định khác không kém quan trọng về các khuynh hướng ly khai cho mục tiêu độc lập của các cộng đồng sắc tộc thiểu số, như trường hợp Abkhazia và South Ossetia của Georgia. Abkhazia và South Ossetia là những tỉnh lý nhỏ bé, chưa bao giờ là những quốc gia. Đòi độc lập để làm gì? Đây là câu hỏi mà các thành phần lãnh đạo của những cộng đồng sắc dân này phải trả lời thấu đáo cho người dân của họ. Một quốc gia độc lập cần giải quyết những vấn đề tối thiểu về quốc phòng, kinh tế, tiền tệ, ngoại giao, những yêu cầu mà chỉ có những kết hợp dân tộc với một tầm vóc nhất định, với một bề dày lịch sử nhất định được tồn tại như một quốc gia mới thực hiện được, trong lúc đó vấn đề cốt yếu là tự do và hạnh phúc cho từng cá thể trong cộng đồng sắc tộc của mình. Độc lập mà không tự chủ được thì số phận của cộng đồng dân tộc đó sẽ rất điều linh.

Abkhazia và South Ossetia đang bị chèo kéo để sát nhập vào Nga, một nước đang có khuynh hướng quay trở lại mô hình Liên bang Xô Viết toàn trị đã từng bị bác bỏ. Và ngay cả những nỗ lực tìm kiếm sự tự trị, nhưng để sống cách biệt thay vì hòa nhập với xã hội văn minh bên ngoài - như có những thổ dân da đỏ ở Mỹ vẫn còn theo đuổi - cũng không là một giải pháp tốt cho sự thăng tiến của cộng đồng sắc tộc của mình. Ở Việt Nam có nhiều cộng đồng sắc tộc thiểu số trên Tây Nguyên và vùng biên giới phía bắc giáp ranh Trung Quốc vẫn chưa có cơ hội để hòa nhập trọn vẹn vào sinh hoạt chung của xã hội là một đe dọa lớn cho tương lai Việt Nam.

Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte, NC)

Ngoại giao Việt Nam trước những thử thách mới

Nguyễn Văn Huy

Ngành ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Sau một tháng làm chủ tịch luân phiên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, từ ngày 1-7-2008 đến 31-7-2008, vai trò quốc tế của Việt Nam đã được xác nhận.

Chủ tịch luân phiên trong định chế này không phải là một chức vụ có tầm quan trọng quyết định nhưng sự hiện diện của Việt Nam trong định chế quyền lực nhất thế giới này phải là niềm hãnh diện chung cho cả đất nước. Nhưng thực tế đã không hẳn như vậy, phần lớn dân chúng Việt Nam, kể cả những đảng viên cộng sản, đứng dung trước sự kiện này. Cuộc sống của mỗi người đang quá khó khăn nên người ta chỉ tập trung vào việc kiếm tiền. Hơn nữa, trong tháng bảy vừa qua, vì đúng vào dịp hè nên sinh hoạt chính trị, kinh tế và văn hóa quốc tế có phần lắng đọng, vai trò chủ tịch của Việt Nam cũng không có gì nổi bật. Ngoài việc điều hành các phiên họp liên quan đến cuộc tranh chấp giữa Thái Lan và Campuchia chung quanh một ngôi đền tại Preah Vihear và sự lên gân của Iran về nguyên tử, chức vụ chủ tịch luân phiên của Việt Nam đã khá nhàn rỗi.

Nếu được làm chủ tịch vào tháng 8-2008, vai trò của Việt Nam chắc chắn sẽ nổi bật hơn trong việc điều hành các phiên họp giải quyết tranh chấp giữa Georgia và Nga về hai lãnh thổ Nam Ossetia và Abkhazia. Tranh chấp này cần được theo dõi vì cũng sẽ tương tự như trường hợp Việt Nam với Trung Quốc nếu có tranh chấp tại nơi sinh trú của những sắc tộc trên miền Thượng du Bắc Việt Nam. Dư luận quốc tế nói chung và người Việt Nam nói riêng muốn biết thái độ của chính quyền cộng sản Việt Nam như thế nào trong cuộc tranh chấp này để có một nhận định về sự trưởng thành của ngành ngoại giao Việt Nam.

Lý do của sự chú ý này là sự ưu ái của thế giới dành cho Việt Nam. Sự tăng cường hải lực không quân của Trung Quốc trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á, trong khi không có một đe dọa nào đã làm dư luận thế giới lo ngại, đặc biệt là Việt Nam. Việt Nam và Trung Quốc có chung Vịnh Bắc Bộ và vùng Biển Đông, quyền lợi của hai nước đan xen trong thế cài răng lược, chỉ cần một bên phá lệ bất ổn liền xảy ra. Chính trong khu vực này vai trò của ngành ngoại giao rất là quan trọng: làm sao bảo vệ được quyền lợi của quốc gia mà không làm mất lòng các lân bang. Công tác này sẽ không dễ dàng vì hiện nay, do nhu cầu năng lượng, quốc gia nào cũng tìm mọi cách để chiếm hữu hoặc khống chế những khu vực có tiềm năng dự trữ cao, thí dụ như quần đảo Trường Sa.

Vấn đề của chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay là sự gấn bó, nếu không muốn nói là lệ thuộc, với Trung Quốc. Từ 1945 đến nay, chính quyền cộng sản Trung Quốc vừa là đồng minh vừa là người đỡ đầu của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Chính vì quan hệ gấn bó lịch sử này mà chính quyền cộng sản Việt Nam thường im lặng trước sự lấn áp của Trung Quốc về lãnh thổ và lãnh hải. Cứ tưởng rằng sau khi ký những hiệp ước thiết thời về biên giới trên đất liền (1999) và trên biển (2000), Trung Quốc sẽ không còn chèn ép Việt Nam nữa, nhưng thực tế đã không giản dị như vậy. Trung Quốc dùng dằng không muốn tiếp tục công tác cắm mốc dọc vùng biên giới phía Bắc nữa vì muốn sửa

đổi lại đường biên giới đã ký, nghĩa là muốn sát nhập thêm nhiều vùng sắc tộc mới vào lãnh thổ Trung Quốc. Trên Biển Đông, Việt Nam không được quyền cấp giấy phép cho bất cứ ai vào thăm dò hay khai thác tài nguyên thiên nhiên dưới lòng biển, ngay cả trong thềm lục địa của mình, mà không được sự đồng ý của Trung Quốc.

Sự chịu đựng nào cũng có mức giới hạn. Vì tự hào dân tộc và quyền lợi của đất nước, Đảng Cộng Sản Việt Nam không còn muối mặt để Trung Quốc muốn làm gì thì làm. Từ cuối tháng 8-2008 vừa qua, ngành ngoại giao Việt Nam đã tỏ ra tích cực khi mạnh dạn xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên những lô cấp cho các công ty Exxon Mobil và BP khai thác. Không những thế, còn xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bất chấp sự chống đối của Trung Quốc. Trên đất liền, chính quyền cộng sản Việt Nam cũng thúc hối phía Trung Quốc tiến hành công tác cắm mốc dự trừ chấm dứt vào cuối năm nay. Không ai biết Hà Nội sẽ phản ứng ra sao nếu Trung Quốc không tôn trọng những cam kết đã ký.

Mặc dù rất muốn giúp Việt Nam vươn lên, dư luận quốc tế vẫn còn dè dặt về sự gấn bó lịch sử trong các quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Chính quyền cộng sản Việt Nam cần phải chứng tỏ mạnh hơn nữa quyết tâm giã từ sự lệ thuộc vào Trung Quốc. Vì từ 1945 đến nay, sự hiện diện của Trung Quốc gần như thường trực trong mọi sinh hoạt của người Việt Nam, từ chính trị, quân sự đến kinh tế và văn hóa, từ cấp cao xuống cấp thấp. Các cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam vẫn thường có thói quen, nếu không muốn nói là quán tính, yết kiến Bắc Kinh khi vừa được tấn phong hay tham khảo Trung Quốc từ vấn đề nhỏ đến vấn đề lớn mà những người xấu miệng gọi là quan hệ chu hầu. Để phá tan hoài nghi về sự gấn bó này, vai trò của ngành ngoại giao trong những ngày sắp tới rất là quan trọng.

Nhìn lại đoạn đường đã qua

Từ một ban nhỏ vài người được thành lập vội vàng trong giai đoạn 1945-1946, ngành ngoại giao Việt Nam đã tiến những bước vững chắc vào sinh hoạt chính trị quốc tế.

Bộ ngoại giao Việt Nam có vai trò quản lý cấp nhà nước về đối ngoại gồm công tác ngoại giao, biên giới lãnh thổ quốc gia, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, ký kết và thực hiện hiệp ước quốc tế. Các cơ quan đại diện bộ ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài có vai trò quản lý cấp nhà nước các dịch vụ công và đại diện quyền sở hữu vốn trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước tại nước ngoài.

Trường thành dưới sự chỉ đạo của các nước cộng sản đàn anh, Trung Quốc, Liên Xô và Đông Âu, nhất là trong giai đoạn tiến chiếm miền Nam, ngành ngoại giao Việt Nam chỉ là tấm gương phản chiếu của cuộc chiến tranh lạnh giữa khối tư bản phương Tây thân Mỹ và khối cộng sản thân Liên Xô, nghĩa là không có hồn, không có dân tộc tính. Cho đến một ngày gần đây, trước năm 1992, toàn bộ chính sách cai trị của chính quyền cộng sản Việt Nam phản ánh một cách trung thành sự đối đầu giữa Đông và Tây; nói một cách giản dị bất cứ cái gì của khối

cộng sản đều tốt và bất cứ cái gì của khối tư bản đều xấu.

Khi thế giới cộng sản sụp đổ vào cuối thập niên 1980, những quốc gia cộng sản còn sót lại đổi mới, Trung Quốc và Việt Nam cũng vội vàng đổi mới để không bị đào thải. Lần này Việt Nam ngã hẳn vào vòng tay Trung Quốc, nhất cử nhất động đều rập theo khuôn mẫu Trung Quốc, nhưng chịu rất nhiều thiệt thòi và không dám lên tiếng phản đối. Ngành ngoại giao Việt Nam hoàn toàn vắng mặt trong giai đoạn lệ thuộc từ 1992 đến nay. Đã có nhiều người trong ban lãnh đạo cộng sản muốn thay đổi tình trạng này nhưng sự lệ thuộc vào Trung Quốc đã quá nặng để không ai dám làm gì.

Chỉ gần đây, từ sau khi hai hiệp ước về biên giới được ký kết năm 1999 và năm 2000, dư luận người Việt hải ngoại lên tiếng phản đối và được sự hưởng ứng của những người dân chủ trong nước, nội bộ đảng cộng sản chia thành hai nhóm: nhóm thứ nhất chủ trương tiếp tục dựa vào Trung Quốc nhưng không để bị lấn ép thêm, nhóm thứ hai chủ trương ngã hẳn về phương Tây để được bênh vực khi bị Trung Quốc chèn ép. Ngành ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn này đi hàng hai, vừa lên tiếng phản đối những hành động lấn áp của Trung Quốc trên Biển Đông, vừa vận động sự ủng hộ của thế giới phương Tây bằng cách tham gia các buổi hội thảo về hợp tác quân sự và trao đổi các phái đoàn quân sự.

Cuộc tranh đấu nội bộ để ngã về phương Tây đã rất khó khăn, có khi còn bị trừ dập bởi những người thân Trung Quốc. Những người chống khuynh hướng thân phương Tây, như các ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh, chỉ phản ứng theo quán tính của giai đoạn mở cửa hồi đầu thập niên 1990, với một lý luận giản dị là nếu ngã hẳn về phương Tây ("diễn biến hòa bình") thì đảng cộng sản sẽ mất vai trò lãnh đạo. Tất cả đều biết theo Trung Quốc chẳng có lợi gì nhưng ít ra đó là nơi có thể lánh nạn an toàn khi có biến. Nhưng viện dẫn này mất dần trọng lượng, mọi người đều thấy Trung Quốc là một tai họa cho Việt Nam: hàng hóa nội địa bị hàng hóa Trung Quốc đè bẹp, các công ty Trung Quốc chỉ nhằm khai thác tài nguyên của Việt Nam để mang về nước, đó là chưa kể những tệ nạn xã hội khác do người Trung Quốc mang vào. Hơn nữa, các cấp lãnh đạo cộng sản đều thấy chính nguồn vốn của các nước tư bản mới cứu nguy chế độ chứ không phải Trung Quốc, sự phát triển của Việt Nam hiện nay hoàn toàn do nguồn vốn của các nước tư bản mang lại.

Nhưng chỉ mới gần đây, cuối tháng 6-2008, khuynh hướng ngã về phương Tây bắt đầu lộ diện. Chuyển viếng thăm của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Hoa Kỳ có thể gọi là cột mốc của một chuyển động quan trọng trong tiến trình tách khỏi quỹ đạo Trung Quốc và tiến lại gần với thế giới phương Tây. Hoa Kỳ tuyên bố tôn trọng sự vẹn toàn lãnh thổ của Việt Nam và sẵn sàng bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ đó. Quan hệ Việt Mỹ đang chuyển sang một vận tốc mới.

Sự chuyển hướng này tuy có muộn màng nhưng rất đáng được tán thưởng. Sự an toàn và phồn vinh của Việt Nam chỉ có thể bên cạnh thế giới phương Tây chứ không bên cạnh Trung Quốc. Để phát huy chiến lược tiếp cận mới này, ngoại giao là một trong những dụng cụ chiến lược hiệu lực nhất để thực hiện.

Ngành ngoại giao Việt Nam trong những ngày sắp tới

Để thực hiện bước ngoặt lịch sử này, bộ ngoại giao Việt Nam bắt buộc phải thay đổi một số chính sách quan trọng.

Đầu tiên là phải loại bỏ những qui chiếu về cụm từ "cộng sản" trong các chính sách. Chẳng hạn như chính sách lớn "*củng cố*

và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, các đảng cánh tả và các nghiệp đoàn công nhân khuynh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới, tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền". Qui chiếu này không thích hợp với thế giới dân chủ phương Tây. Một cách khách quan, cho tới nay chưa có một chế độ cộng sản nào mang lại phồn vinh và ấm no cho dân tộc họ.

Thứ hai là cải tổ lại hệ thống tổ chức. Bộ ngoại giao không cần nhiều vụ, nhiều phòng có chức năng trùng lặp. Các cấp lãnh đạo chuyên môn chịu trách nhiệm với cấp trên, sự giám sát của đảng cộng sản trong tổ chức và sinh hoạt của bộ ngoại giao do đó không còn cần thiết. Bộ ngoại giao có thể tuyển những người không tốt nghiệp ngành ngoại giao vào các chức vụ không đòi hỏi kiến thức ngoại giao như tin học, kỹ thuật. Sự tuyển lựa nhân viên vào ngành ngoại giao phải qua thi tuyển chứ không cha truyền con nối hay gởi gắm, "phong bì".

Thứ ba là thay đổi toàn bộ nhân sự của thời mở cửa từ 1992 đến nay. Những người này được đào tạo trong sự thù ghét chủ nghĩa tư bản thời chiến tranh lạnh, coi thế giới dân chủ phương Tây là kẻ thù và Trung Quốc là người anh cả đáng tin cậy. Kiến thức ngoại giao của những người này không cao, kể cả những người có trình độ đại học, và đa số đều đến tuổi về hưu. Những cán bộ cao cấp trong ngành ngoại giao phải được đào tạo liên tục để cập nhật hóa những kiến thức mới trong bang giao quốc tế. Những tệ nạn "phong bì" để được thăng quan tiến chức phải bị bãi bỏ và nghiêm phạt nếu vi phạm. Đồng lương của nhân viên ngoại giao cần được nâng cấp ít nhất cũng bằng lương những đồng nghiệp nước ngoài khi phục vụ ngoài nước. Vai trò của nhân viên ngoại giao là làm vinh danh Việt Nam tại nước ngoài chứ không phải để mua bán và xuất nhập hàng hóa miễn thuế để kiếm tiền trả nợ sau khi mua chức. Quan trọng và cấp bách hơn hết là trẻ hóa đội ngũ cán bộ ngoại giao.

Thứ tư là thay đổi qui chế tuyển sinh và đào tạo của Học viện quan hệ quốc tế Hà Nội. Bất cứ công dân nào, sau khi có bằng tú tài, cũng đều có quyền ghi danh thi tuyển vào học viện này. Những qui chiếu về gia đình cách mạng, tệ nạn gởi gắm và phong bì phải bị chế tài nặng. Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phải bị loại bỏ vì không có chỗ đứng trong giai đoạn mới. Chương trình đào tạo đặt nặng vào bang giao quốc tế, hợp tác quân sự, ngoại ngữ và nhân cách nhà ngoại giao. Những người tốt nghiệp học viện này phải là những cán bộ có trình độ kiến thức và nghiệp vụ cao đủ khả năng đảm nhiệm những vai trò quốc tế mà các định chế quốc tế ủy nhiệm cho Việt Nam.

Thứ năm là lớn tiếng bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của quốc gia và công dân Việt Nam tại nước ngoài, nhất là giới lao động xuất khẩu. Nhân viên ngoại giao phải thường xuyên lấy những sáng kiến để cùng với những công ty dịch vụ tư nhân giới thiệu Việt Nam trước cộng đồng thế giới như khuyến khích các chương trình tham quan du lịch và văn hóa.

Trước những thử thách mới trong giai đoạn sắp tới, ngành ngoại giao Việt Nam phải sẵn sàng thích ứng và khai thác triệt để những cơ hội mới để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và danh dự của người Việt Nam tại nước ngoài. Địa bàn hoạt động của ngành ngoại giao là tại nước ngoài, do đó nhân viên ngoại giao phải chứng tỏ mình là những cán bộ gương mẫu, những người biết đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi đảng phái và cá nhân. Quan trọng hơn hết là để người nước ngoài, qua nhà ngoại giao, quý mến đất nước Việt Nam.

Nguyễn Văn Huy

Khi việc nghiên cứu và dạy Văn bị nhảm nhí hóa

Trần Mạnh Hào

Lời tòa soạn : Nhà thơ Trần Mạnh Hào vừa sao lục lại ba bài viết cũ để minh họa cho những luận điểm phê phán về tình trạng "nhảm nhí hóa" việc dạy Văn trong nhà trường Việt Nam hiện tại. Ba bài viết ngắn này từng phổ biến trên tạp san *Thế Giới Mới* trong khoảng thời gian Tháng 11 và Tháng 12-2004. Thông Luận biên tập lại thành một bài và thêm tựa đề chung. Xin giới thiệu cùng bạn đọc. (Phạm Đình)

Tiến Sĩ Chu Văn Sơn lâu nay được nhà nước Việt Nam cho giảng dạy môn Văn Trung học trên Đài truyền hình Việt Nam, giảng viên văn học dạy ở các đại học, chuyên luyện thi học sinh giỏi văn và dạy trong các lò luyện thi đại học ở Hà Nội và khắp cả nước. Ông còn là ủy viên Hội đồng Lý luận phê bình văn học của Hội Nhà Văn Việt Nam. Chính ông tiến sĩ con cưng của chế độ này đã dạy cho em học sinh Nguyễn Trung Ngân để em viết trong "bài văn điểm 10", rằng "Đáy thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử là thơ diên cuồng, uất hận.

1. Có thật Nguyễn Du tả liễu chỉ để tả liễu ?

Báo *Văn Nghệ* số 47 ra ngày 20-11-2004 có in bài : "Thêm một công trình nghiên cứu có chất lượng về Thơ Mới" của Văn Giá, nhằm ca ngợi hết lời cuốn *Ba đỉnh cao Thơ Mới* của Chu Văn Sơn (viết về Xuân Diệu, Nguyễn Bình, Hàn Mặc Tử), Nxb. Giáo Dục 2003, với sự đề cao mà nếu dành cho Hoài Thanh e còn hơi quá : "Công trình này tự nó đã có một dáng dấp của một lý thuyết nghiên cứu riêng"... "Người viết đã như gọi được hồn vía của mỗi nhà thơ hiện lên trang giấy"... "Chu Văn Sơn đã có một ngôn ngữ phê bình riêng... mang ấn tín, quyền uy của Chu Văn Sơn"... "Công trình này mang tính chuyên môn cao"... "Công trình này là một minh chứng thuyết phục cho tính chuyên nghiệp của nghiên cứu phê bình văn học"... "Với một tinh thần lao động như thế, chữ nghĩa của tác giả đã làm nên tư tưởng, làm nên dấu ấn riêng, đường nét riêng trên con đường định hình một phong cách nghiên cứu phê bình văn học Chu Văn Sơn"...

Chu Văn Sơn cho toàn bộ thơ Hàn Mặc Tử là thơ diên, với một hình thức diên, là hình thức cái tốt cùng ; rồi thơ Hàn Mặc Tử là thơ diên nên khác với thơ trữ tình, thơ diên Hàn Mặc Tử lại cũng khác với Thơ Mới... Toàn là chuyện động trời mà tác giả *Ba đỉnh cao Thơ Mới* làm giật thót tim người đọc. Hoặc giả chuyện Chu Văn Sơn giải thiêng thơ tình Xuân Diệu khi tuyên bố "nàng thơ" trong thơ tình Xuân Diệu là "hai mang", vừa mọc râu vừa nảy nở nhũ hoa, nghĩa là nửa trai nửa gái...

Chúng tôi muốn trao đổi với ông về lối tả liễu của Nguyễn Du mà theo ông, chỉ nhằm tả liễu ; còn cách tả liễu của Xuân Diệu mới là cách tả liễu hay ho, vượt lên cách tả liễu của tác giả *Truyện Kiều*. Ấy là khi Chu Văn Sơn bình giảng bài thơ "Đáy mùa thu tới" của Xuân Diệu từ trang 98 đến trang 124 (sách đã dẫn), với việc so sánh lối tả liễu của Xuân Diệu mới hơn, hay hơn lối tả liễu của Nguyễn Du, như sau :

"...Còn Xuân Diệu ? Ấy là dáng liễu. Khi rặng liễu bắt đầu mang dáng đứng chịu tang, thi sĩ biết rằng mùa thu đã hiện diện ở xứ sở này :

"Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng"...

*Chúng ta biết, Thơ Mới bắt đầu mới trong cảm xúc... Nét dễ thấy ở đây là một lối liên tưởng mới. Chính lối liên tưởng này đã tạo ra một vẻ đẹp mới cho đối tượng cũ. Ai cũng biết liễu là hình ảnh quá quen thuộc trong thơ cổ điển. Trong *Truyện Kiều* thật nhiều những dáng liễu đẹp :*

"Lơ thơ tơ liễu buông mành"

"Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha"

"... Trong thơ Nguyễn Du, liễu có phần nghiêng về vẻ đẹp khách quan, liễu chủ yếu hiện lên bằng vẻ đẹp của bản thân liễu. Nhà thơ mới Xuân Diệu không chịu làm thế. Ông đã "áp đặt" vào liễu một vẻ đẹp chủ quan, liễu mang trong nó vẻ đẹp người. Từng dòng lá liễu rủ xuống mang trong nó những dòng tóc đang buông xuống và trăm nghìn giọt lệ đang tuôn xuống. Tâm trạng liễu là tâm trạng người. Cảm nhận liễu, người ta cứ thấy phảng phất trong liễu bóng dáng những giai nhân đài các, kiêu sa mà âu sầu buồn bã. Trước Xuân Diệu, xem ra, chưa có một dáng liễu nào giống thế"... "Cảm xúc thẩm mỹ mới về mùa thu của Xuân Diệu, rõ ràng đã gắn liền với một khía cạnh thi pháp mới, đó là một trường liên tưởng tân kỳ : vẻ đẹp tạo vật thiên nhiên được quy chiếu về vẻ đẹp của những giai nhân..."

Qua trích đoạn trên, ta thấy Chu Văn Sơn đã bộc lộ một số cái sai.

Cái sai thứ nhất là khi Chu Văn Sơn bảo trước Xuân Diệu chưa hề có lối mượn thiên nhiên để tả người, chưa có "thi pháp" : "Vẻ đẹp tạo vật thiên nhiên được quy chiếu về vẻ đẹp của những giai nhân", mà chính Xuân Diệu mới là người "phát minh" ra lối dùng thiên nhiên để tả người, cụ thể là để tả giai nhân. Thưa rằng, tất cả cảnh vật, thiên nhiên trong thi ca phương Đông từ Kinh Thi, Ly Tao, qua thơ của các thời Hán, Tấn, Tùy, Đường, Tống, Minh, Thanh... bên Trung Quốc và ca dao, thơ Lý Trần qua Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Huy Tự, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà... của ta đều dùng lối mượn cảnh tả tình, mượn cảnh tả tâm trạng, tả người, dùng non tả nước, dùng âm tả dương, dùng vật tả tâm... và ngược lại. Ví như Nguyễn Trãi mượn cỏ, mượn hoa để nói về người, về thời thế, về vua và về dân : "Hoa thì hay héo cỏ thường tươi"... Điều này đã được Nguyễn Du

khái quát thành nguyên lý :

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".*

Cái sai thứ hai của Chu Văn Sơn là dám bảo Nguyễn Du tả liễu cốt để tả liễu ; mặc dù mào đầu, ông còn giảm "tông" kết luận này bằng từ "có phần" rồi tiến đến "chủ yếu" ; rằng "Trong thơ Nguyễn Du, liễu có phần nghiêng về vẻ đẹp khách quan, Liễu Chủ Yếu Hiện Lên Bằng Vẻ Đẹp Của Bản Thân Liễu". "Chủ yếu" có nghĩa là gần trăm phần trăm lối tả liễu

của Nguyễn Du cốt chỉ nhằm tả liễu, tả vẻ đẹp bên ngoài liễu (khách quan). Chu Văn Sơn khẳng định dứt khoát : «Xuân Diệu không chịu làm thế", tức không chịu tả liễu đơn giản như Nguyễn Du. Vậy ta cần xem, theo Chu Văn Sơn, Xuân Diệu tả liễu kiểu gì ? Chu Văn Sơn tấn phong Xuân Diệu lên thành nhà "liễu học" với ba phong cách nhân hóa liễu như sau:

- "áp đặt" vào liễu một vẻ đẹp chủ quan ;
- liễu mang trong nó vẻ đẹp con người ;
- dáng liễu là dáng người.

Ý của Chu Văn Sơn trên đã khẳng định Xuân Diệu không tả liễu như Nguyễn Du. Vậy thì những gì Xuân Diệu phong cho "liễu" tức là Nguyễn Du không có. Và do đó, theo Chu Văn Sơn, ta thấy Nguyễn Du có ba cái thiếu khi tả liễu như sau:

- Nguyễn Du không "áp đặt" vào liễu một vẻ đẹp chủ quan, tức vẻ đẹp của chủ thể sáng tạo ;
- Nguyễn Du không cho "liễu mang trong nó vẻ đẹp người";
- Nguyễn Du không biết tả "dáng liễu là dáng người".

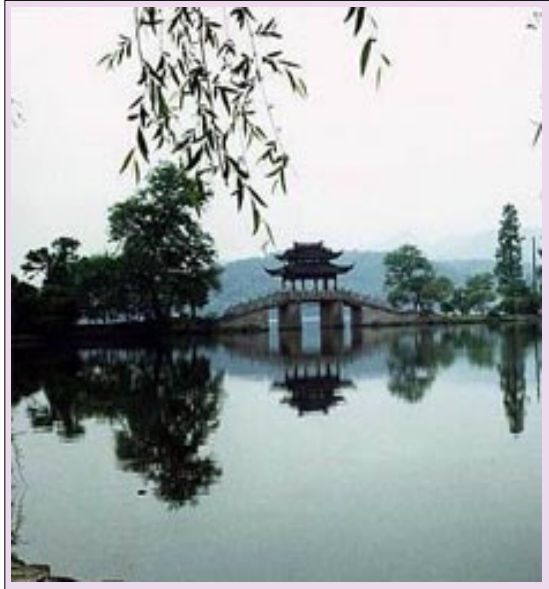
Ở chỗ này, Chu Văn Sơn hoặc chưa đọc *Truyện Kiều*, hoặc có đọc mà đọc qua quýt, đọc mà không hiểu nên đã nói rất liễu, đã đổ tiếng oan cho Nguyễn Du trong sự tả liễu kém hơn nhiều hậu bối Xuân Diệu. Nếu Xuân Diệu còn sống, đọc tới đoạn này của Chu Văn Sơn, chắc thi hào họ Ngô sẽ giật thót mình mà than rằng : "Không dám đâu ! Đừng nói thế e tôi tổn thọ, rằng về cái khoản tả liễu, Diệu tôi đây giỏi lắm chỉ hàng quan cửu phẩm, sao sánh được với lối tả liễu "ma ma Phật Phật, ảo ảo chân chân" của bậc cửu trùng Tố Như !". Nói rồi, chắc Xuân Diệu nhất định chạy đến trước bàn thờ thấp hương vái Nguyễn Tiên Điền, xin tha cho kẻ hậu sinh chưa đọc *Truyện Kiều* mà dám lộng ngôn đến thế !".

Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* đã trên dưới 25 lần nói đến liễu hoặc tả liễu. Phép tả liễu của Nguyễn Du quả là biến hóa khôn lường. Đại thi hào vừa dùng liễu để tả liễu và để không tả liễu. Tả liễu, Nguyễn Du tả hồn mình, tả dáng giai nhân, tả tình nhân vật. Tả liễu, Nguyễn Du còn tả cả trời đất trong đó, tả cái hữu hạn thuật tha trong cái khôn cùng, lại tả cái khôn cùng mượn hữu hạn liễu mà lơ lửng, mà du dương. Tả liễu, đồng thời Nguyễn Du còn như muốn tả hồn của hậu sinh lúc đọc đến dáng liễu-Tiên Điền đang buông thả hết rung cảm lên từng câu Kiều tha thuật... Xin mở ra phép tả liễu của

Nguyễn Du : "Tả liễu : ở chỗ không có liễu vẫn có liễu ; ở chỗ thấy liễu mà không còn là liễu nữa", như sau :

*"Bóng tà như giục cơn buồn
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo
Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Đoạn thơ trên tả nỗi buồn chia xa, lưu luyến của Kim Kiều sau phút ban đầu gặp gỡ, khi cả hai cùng bị "tiếng sét ái tình". Trong thơ phương Đông nói chung và thơ cổ Việt Nam nói



riêng, liễu là một ước lệ dùng để chỉ vẻ đẹp kiều diễm của giai nhân : "liễu yếu đào tơ", "phận bồ liễu"... Nhà thơ nói đến liễu tức là nói đến người con gái đẹp và ngược lại. Liễu là liễu mà không phải là liễu mới là liễu, chính là phép tả liễu kỳ ảo của Nguyễn Du.

Ví như bốn câu thơ trên, nhìn về ngoài chỉ câu thứ tư : "Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha" là có liễu thực : có rặng liễu rủ bên cầu, có cả bóng liễu do nắng xiên khoai hoàng hôn in dài trên mặt đất, và cả bóng liễu in lơ lửng dưới lòng suối trong veo. Nhưng cái hồn của liễu, cái vẻ đẹp buồn lê thê của cuộc chia xa Kim-Kiều đã đổ bóng dài xuống ba câu thơ trên.

Câu thơ : "Bóng tà như giục cơn buồn" đã bị "liễu hóa" khiến cả cái "bóng tà" - vệt hoàng hôn đỏ sọng xoài lên cuộc chia tay cũng du đưa, lơ lửng, chấp chờn, chờn vờn, níu kéo, vờn xa, vầy vầy bịn rịn không muốn dứt, không muốn lìa. "Bóng tà" này cũng chính là một bóng liễu được phóng đại, cùng tham dự vào cuộc run rẩy của xúc cảm chia lìa buổi ban đầu tình yêu "sét đánh" kia.

Ở câu thơ tiếp, về ngoài chỉ là tả người thư sinh lên ngựa và kẻ hồng quần ngơ ngẩn ngó theo. Nhưng cả nhịp đi của câu bát này cũng là nhịp dưng đình, chấp chờn, níu kéo, dây dưa, rung rung, phập phồng muốn loãng ra, tan ra của liễu khi bị cơn gió tình yêu làm xao động.

Câu thơ thứ ba : "Dưới cầu nước chảy trong veo" thực ra không thấy liễu mà chính là Nguyễn Du đang tả liễu đấy ! Vì rằng cái bóng liễu in dưới suối kia mới đẹp, mới lung linh, mới run rẩy vì cuộc chia tay hơn là cây liễu thật trên bờ đang bị gió tình yêu xô đẩy. Cả dòng suối mềm lung linh chuyển động cũng chính là một thứ liễu âm âm đã chìm xuống tan thành nước, để không còn phân biệt được đâu là liễu đâu là nước nữa. Cũng như cái tình của Kim-Kiều đã nhập lại cùng nhau mà hóa thân thành liễu, thành nước, thành gió, thành bóng chiều, giữ lấy cuộc chia tay của mỗi tình đầu văn học, mỗi tình thi ca vĩnh cửu, để chúng ta hôm nay được tham dự vào buổi chiều tơ liễu xưa còn rung động ngàn sau.

Câu thứ 4, ta thấy liễu thực nhưng mà không phải đâu, chính là bóng dáng Thúy Kiều đấy, chính là tình yêu của nàng hóa thành liễu ; và vì vậy, từ nay, liễu của tình đầu này đã bị Kiều hóa, Kim Trọng hóa, cũng chính là hồn Nguyễn Du hóa thân vào tất cả mà thành !

Xem ra, phép tả liễu của Nguyễn Du cao thủ hơn lối tả

liều của Xuân Diệu nhiều. Hai câu mở đầu của Xuân Diệu trong bài "Đây mùa thu tới" mà Chu Văn Sơn cho là hay hơn, cao sâu hơn, mới mẻ hơn lối tả liễu của Nguyễn Du, thực ra là cách viết rất Tây, cách nhân cách hóa kiểu Tây :

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng

hầu như đã phơi hết liễu lên mặt giấy. Hình ảnh liễu ủ rũ đứng chịu tang mùa thu, rồi bóng liễu từng giọt đổ như lệ tuôn là hình ảnh rất cổ trong thơ Tây-Tàu xưa, Xuân Diệu mượn lại mà mở đầu cái giọng hỗn hển, vô vấp, cuồng nhiệt của mình mà thôi. Đằng sau cây liễu ủ rũ như người đàn bà đứng chịu tang, đằng sau muôn giọt liễu khóc này, ta không còn thấy một thứ "liều" nào nữa. Nhưng Nguyễn Du, ông tổ của ngành "Thi pháp-Liễu" Việt Nam thì biết tả liễu ở cả những chỗ không có liễu ; lại biết tả người ở chỗ chỉ có liễu, theo một quy trình biến ảo kiểu : sau liễu là người, sau người lại thấy liễu ; cứ tưởng là tả nước, tả hoàng hôn, tả người lên ngựa, người ngó theo mà thực ra Nguyễn Du toàn tả liễu mà thôi. Lúc người đọc tưởng ông tả liễu thì rồi cuộc, lại hiện ra người, hiện ra hồn vía nhân vật, hồn vía tác giả và lạ thay, hiện ra cả hồn vía của người đang đọc Kiều nữa. Không chừng người đọc "bị»" hóa thành liễu lúc nào không hay ?

Chúng tôi muốn dẫn ra hàng chục trường hợp tả liễu kỳ ảo của thiên tài Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, để thấy mỗi lúc liễu của ông mỗi khác ; nhưng vì khuôn khổ bài báo có hạn, hèn một dịp khác lại được bàn về liễu Nguyễn Du với ông Chu Văn Sơn và ông Văn Giá. Xin hai ông cùng chúng tôi đọc lên, gọi lên một thứ Liễu vốn là người, người thật trăm phần trăm mà vẫn cứ là bóng liễu đổ dài tha thướt theo nỗi niềm cảm động, nhớ thương, tiếc nuối, đôn đau của Thúy Kiều còn lưu mãi trong hồn chúng ta :

Khi về hỏi liễu Chương Đài

Cành xuân đã bẻ cho người chuyển tay

Thương thay cho nàng Liễu thị của Hàn Hoàn bị kẻ khác cướp mất, để nỗi đau buồn xưa còn hóa liễu Kim Kiều, rủ nhớ thương xuống câu lục bát Nguyễn Du. Hi vọng việc lấy mất tài tả liễu tuyệt vời của Nguyễn Du để trao cho Xuân Diệu của ông Chu Văn Sơn sẽ không giống việc nàng Liễu thị của Toàn Đường thi thoại bị người Phiến cướp đi, để lại Chương Đài một dáng liễu xanh xanh trong nỗi nhớ thương khôn tả của Thủy-Kiều-Liễu...

2. Thơ Diên Hàn Mặc Tử - thi học của cái tốt cùng, hay là cái tốt cùng của sự tùy tiện ?

Chúng tôi muốn bàn với hai ông Chu Văn Sơn và Văn Giá về linh hồn phần viết về Hàn Mặc Tử của Chu Văn Sơn từ trang 226 đến trang 245 trong cuốn sách đã dẫn với tiêu đề "Thơ Diên Hàn Mặc Tử - thi học của cái tốt cùng".

Trước hết, chúng tôi muốn bàn về khái niệm : "Thơ Diên Hàn Mặc Tử" do Chu Văn Sơn phát minh ra trên cơ sở nhận xét của Chế Lan Viên về "trường thơ Loạn Quy Nhơn" trong lời tựa cho tập *Điều tàn* như sau : "Cái gì của nó cũng tốt cùng". Nghe nói Hàn Mặc Tử có ý định đặt tên cho tập thơ *Đau thương* là Thơ diên, nhưng rồi thì hào bỏ ý định đó. Có lẽ vì điều này mà Chu Văn Sơn lầm tưởng rằng Đau thương là Thơ diên nên ông đã "«diên hóa" toàn bộ thơ Hàn Mặc Tử chẳng ? Đồng

thời, Chu Văn Sơn còn ngây thơ tách câu văn "Cái gì của nó cũng tốt cùng" của Chế Lan Viên ra khỏi văn cảnh, ngữ cảnh của nó là bài tựa của chính Chế Lan Viên cho tập *Điều tàn*, để lấy từ "Cái Tốt Cùng" này ra làm "mỹ học của cái tốt cùng", "thi học của cái tốt cùng". Chao ôi, "Cái Tốt Cùng Sống", tận cùng sống là gì nếu không phải là "Chết". Như vậy, theo công thức của Chu Văn Sơn : Thơ diên Hàn Mặc Tử = Thi học của cái tốt cùng, theo phép tam đoạn luận, ta có đẳng thức Tốt Cùng Sống = Chết = Thơ Diên... ư ? Có bao nhiêu sự vật (bao gồm sự vật vật chất và sự vật tinh thần), thì cũng có bấy nhiêu cái tốt cùng, có thể kể ra Vô Tận Cái Tốt Cùng như tốt cùng tốt, tốt cùng xấu, tốt cùng thiện, tốt cùng ác, tốt cùng chim, tốt cùng khỉ, tốt cùng tùy tiện, tốt cùng lằng nhằng...

Thành ra theo Chu Văn Sơn, ta có thể có hàng tỉ tỉ chủng loại Thi Học ư ? Cho nên, khái niệm Thi Học Của Cái Tốt Cùng = Thơ Diên... là một khái niệm tùy tiện, lằng nhằng chẳng hề có cơ sở khoa học gì cả. Xin hãy nghe Chu Văn Sơn lập thuyết, lập luận : "Chinh phục cái tốt cùng, tất nhiên, cần phải có thơ ca của một hình thức tốt cùng. Hình thức ấy liệu có thể là gì khác hơn Thơ diên ?". Như vậy, theo Chu Văn Sơn, Thơ diên không hề là một nội dung, mà nó chỉ là Một Hình Thức, tức là Thơ Diên = Một Hình Thức Tốt Cùng. Ở trang 231, Chu Văn Sơn lại viết gần như ngược lại rằng thơ diên không còn thuần túy là một hình thức như kết luận ban đầu của ông nữa, mà nó có nội dung đấy, như sau : "Và đây là cái gốc của Thơ diên. Đúng thế, nếu Đau Thương Là Nội Dung Sáng Tạo, thì Diên Là Hình Thức của sáng tạo ấy" (Phần chữ in hoa trong bài đều do TMH nhấn mạnh).

Qua kết luận này của Chu Văn Sơn, ta có một đẳng thức sau : Thơ Diên = Nội Dung Đau Thương + Hình Thức Diên. Kết hợp đẳng thức 1 với đẳng thức 2 trên đây, ta có một đẳng thức khá trọn vẹn của Chu Văn Sơn như sau : Thơ Diên = Một Hình Thức Tốt Cùng = Nội Dung Đau Thương + Hình Thức Diên.

Đến mức này, "lý luận" của Chu Văn Sơn đang đẩy "hệ thống diên" của ông vào chốn tắc tị. Xin hỏi : thế nào là Một Hình Thức Tốt Cùng ? Chẳng lẽ, Cái Tốt Cùng mà Chu Văn Sơn nâng lên thành "Thi học", thành "Nguyên tắc mỹ học đặc thù của Thơ diên" (trang 227) lại chỉ là một hình thức mà không có nội dung ư ? Hóa ra, theo Chu Văn Sơn, lại có một thứ "Thi Học", một thứ "Mĩ Học" chỉ thuần có hình thức mà không có nội dung ư ? Nhưng rồi, sao Một Hình Thức Tốt Cùng lại chính là Hình Thức Diên ! Hóa ra, rút gọn lại, ta thấy Chu Văn Sơn lại đồng nghĩa Cái Tốt Cùng chính là Diên. Nhưng quả tình lằng nhằng, lung tung beng, làm sao trong Một Hình Thức Tốt Cùng lại chứa nổi cái Nội Dung Đau Thương + Hình Thức Diên đây ? Ôi chao, thuật ngữ kinh dị của Chu Văn Sơn phát minh ra mới lảm cẩm làm sao : Hình Thức Diên ? Thế nào là "hình thức diên", rồi "một hình thức tốt cùng" thì xin ông Chu Văn Sơn lý giải cho rõ, kéo chúng tôi người trần mắt thịt không có cách gì nhận thức nổi !

Bây giờ, xin quý độc giả hãy nghe Chu Văn Sơn giải thích từ Diên ở trang 227 : "Cái tên có phần giật gân của Thơ diên, ngay từ đầu đã có sức mê hoặc giới nghiên cứu. Người ta nghĩ ngay đến việc nhận diện bản chất của Diên và bản chất Thơ diên. Không ít người đã yên trí với cách nghĩ giản đơn : diên

chỉ là một trạng thái bệnh lý, đồng nghĩa với chứng loạn thần kinh, mà không thấy rằng còn có Điên Như Một Trạng Thái Sáng Tạo".

Chao ôi, Điên Như Một Trạng Thái Sáng Tạo là một định đề hết sức phi khoa học của Chu Văn Sơn. Không một trạng thái sáng tạo nào có thể được gọi là sáng tạo nếu nó được sáng tạo trong cơn điên. Bởi vì mọi sự sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật đều ra đời trong sự kết hợp giữa cảm xúc và lý trí. Điên dù trong trường hợp nào, trạng thái nào cũng đều là sự loạn trí, mất hết lý trí, mất hết nhận thức. Không còn nhận thức, không còn lý trí, không còn bộ óc thì làm sao người nghệ sĩ có thể sáng tạo ? Cái Đẹp của sáng tạo nghệ thuật bao giờ cũng là một cái đẹp của khát vọng Chân Thiện Mỹ trong thế giới con người. Khi một kẻ nào đó, một trạng thái nào đó bị coi là điên, tức là mất khả năng nhận thức, mất khả năng Nhận Chân ; thiếu cái Chân, nghệ thuật cũng đồng thời không đạt tới cái Thiện. Trong trạng thái Điên nơi kết luận của Chu Văn Sơn, nghệ thuật nói chung và thi ca nói riêng đã khước từ khả năng Chân Thiện thì làm sao nó có thể đạt được tới cái Mỹ là Cái Đẹp đích thực thi ca ?

Trong khi định nghĩa : "Điên Như Một Trạng Thái Sáng Tạo" Chu Văn Sơn đã cố tình lờ đi ngữ nghĩa của từ Điên. Xin xem định nghĩa của *Đại từ điển Tiếng Việt* của Bộ GD&ĐT do NXB Văn hóa Thông tin in năm 1999, trang 633 như sau : "Điên : Ở tình trạng rối loạn thần kinh, không tự chủ được bản thân, phát khùng, rồ dại...". Bào Thơ Hàn Mặc Tử là thơ điên, thơ khùng, thơ rồ dại, thơ mất trí là một sự vu khống trắng trợn, phủ nhận sạch trơn thiên tài thi ca Hàn Mặc Tử của Chu Văn Sơn vậy. Người đọc thơ, hơn nữa là một người nghiên cứu văn học chuyên nghiệp như Chu Văn Sơn, sao lại không biết một nguyên tắc đơn giản là muốn kết luận một điều gì cần phải căn cứ trên văn bản, chứ không căn cứ những lời đồn thổi hay tuyên bố ngoài văn bản dù là của ngay chính tác giả. Trong một số tuyên bố của Hàn Mặc Tử hay Chế Lan Viên thời "trường thơ Loạn" Quy Nhơn, có thể các thi sĩ này nghiêng về phần "mê", phần "vô thức", phần "loạn", hoặc toan đặt tên tập thơ mình là "Thơ điên"... cho hợp với phong trào giả điên của thời thế đang tiếp thu cái phần cực đoan của "tượng trưng", "đa đa", "dã thú", "siêu thực"... Nên nhớ rằng những người điên thực sự không bao giờ nhận mình điên. Chỉ những người tỉnh táo mới thậm xưng nói mình điên, như một sự làm dáng nghệ thuật, hoặc chứng tỏ ta đây đã thoát khỏi trường thơ truyền thống...

Thơ Hàn Mặc Tử phần lớn vẫn là sự tiếp thu nghệ thuật trữ tình truyền thống ông cha xưa kết hợp với chất lãng mạn và một chút tượng trưng. Ngay cả những bài thơ mang tựa đề rất điên như "Anh điên" dưới đây của Hàn Mặc Tử cũng vẫn dựa trên thể ngũ ngôn truyền thống với một hiện thực trữ tình, chẳng hề là một thứ "Thơ điên-Thơ khùng" mất hết lý trí như Chu Văn Sơn vu khống :

*Anh nằm ngoài sự thực
Em ngồi trong chiêm bao
Cách nhau xa biết mấy
Anh nuốt phút từng chữ
Anh cắn vỡ lời thơ
Hơi thở đứt làm tư !*

Xin dẫn thêm một bài thơ khác được Hàn Mặc Tử đặt tên là "Em điên" thì vẫn cứ là thứ thơ truyền thống kết hợp tí chút lãng mạn, một vẻ đẹp nền nã, mê đắm kiểu "Gái quê"», chẳng hề có sự mất trí, sự rồ dại khùng điên nào như Chu Văn Sơn vu vạ :

*Em xé toang hơi gió
Em bóp nát tơ trắng
Em túm muôn trời lại
Em cắn vỡ hương ngàn
Em cười thì sao rụng
Em khóc thì đá bay
Em nhớ chàng quá trí
Mà chàng vẫn không hay !...*

Chính vì sự đọc không kỹ, chưa biết cách đọc thơ Hàn hay vì một nguyên nhân nào đó mà việc Chu Văn Sơn xóa sổ Hàn Mặc Tử bằng cách vu cáo thơ ông là Thơ điên, thơ khùng, thơ mất trí, thơ rồ dại lại được Văn Giá ca ngợi hết lời trên báo *Văn Nghệ* là một việc không sao hiểu nổi. Chỉ trong phần viết về Hàn Mặc Tử, Chu Văn Sơn tung ra bao nhiêu điều tùy tiện, lăng nhăng núp dưới bóng khoa học. Chẳng hạn như việc Chu Văn Sơn tách Thơ Hàn Mặc Tử ra khỏi lãnh địa Thơ Trữ Tình, vì nó là Thơ Điên, như sau : "Trong thơ trữ tình, việc chủ thể phân thân, hóa thân vào các đối tượng hết sức khác nhau để cất lên những tiếng nói trữ tình phong phú khác lạ không còn là điều xa lạ nữa. Ở Thơ điên, tình hình có khác hơn...". Hóa ra, theo Chu Văn Sơn, vì Thơ Hàn Mặc Tử là Thơ Điên nên nó không phải là thơ trữ tình !

Ở phần đầu, Chu Văn Sơn cho rằng Thơ Điên từ trong Thơ Mới (1932-1945) mà ra nhưng rất khác Thơ Mới. Nhưng đến đoạn cuối, ông quên mình đã nói điều này, để đến nỗi viết ngược lại rằng Thơ Điên và Thơ Mới là hai loại khác nhau : "Nếu Thơ Mới là hành trình đi mãi vào địa hạt cái tôi, thì Thơ Điên mang cái tham vọng muốn tới chỗ sơn cùng thủy tận của cái tôi đó. Nếu Thơ Mới là nỗi cô đơn của con người, thì Thơ Điên là trạng thái chót cùng hoàn toàn quá tải của cô đơn...". Hóa ra Thơ điên Hàn Mặc Tử không nằm trong lãnh địa của Thơ Mới ư ?

Chu Văn Sơn còn đưa cái thứ thơ mất lý trí, thơ rồ dại, phi nhân (vì con người không còn trí não thì không còn là người hoàn chỉnh nữa) do ông "phát minh" ra rồi gán cho Hàn Mặc Tử, dặng ca ngợi hết lời cái thuật ngữ "thơ điên" là đã vượt lên trên cả siêu thực, tượng trưng, hiện đại như sau : "Xem ra, Siêu thực, Tượng trưng, Hiện đại...đều là những cái ô chật chội đối với thể hình ngoại chuẩn của Thơ điên"».

Để kết luận, Chu Văn Sơn khái quát rất tùy tiện như sau : "Thơ Điên - chỉ có thể là chính nó - Tiếng thơ của những cái tốt cùng". Với định nghĩa về Thơ Điên thoáng tới mức vô bờ bến như thế này, ta có thể theo Chu Văn Sơn mà kết luận Thơ Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Huy Cận, Lưu Trọng Lư... thấy đều là thơ Điên Cả. Vì sao vậy ? Vì thơ của các thi sĩ kia đều là Thơ Của Cái Tốt Cùng. Này nhé : Xuân Diệu là tốt cùng yêu, Nguyễn Bính là tốt cùng nông thôn, Chế Lan Viên là tốt cùng ma, Lưu Trọng Lư là tốt cùng ngơ ngác, Huy Cận là tốt cùng vũ trụ... Ngay cả với định nghĩa Thơ Điên Là Tiếng Thơ Của Cái Tốt Cùng của Chu Văn Sơn thì những đại thi hào dân tộc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân

Hương cũng sẽ bị Chu Văn Sơn xếp vào rọ Thơ Diên mất thôi ; vì Thơ Nguyễn Trãi là thơ của tột cùng buồn đau, thơ Nguyễn Du là thơ của cái tột cùng hay, tột cùng kêu thương, thơ Hồ Xuân Hương là cái tột cùng bản ngã, tột cùng cái tôi...

Và học theo phương pháp luận về "mỹ học của cái tột cùng", "thi học của cái tột cùng là thơ diên", một thứ thơ dùng "hình thức diên" mà diễn đạt các khái niệm u u ở nơi bài viết trên của Chu Văn Sơn và bài ca ngợi của Văn Giá, cho phép chúng tôi được bắt chước hai ông mà thua lời cuối rằng : những điều các ông «phát minh» ra trên đây quả thực là Cái Tột Cùng Tùy Tiện vậy...

3. Có thật con người cá nhân của Nguyễn Bính chỉ toàn là cặn bã ?

Chu Văn Sơn đang là giảng viên khoa văn đại học sư phạm Hà Nội, lại thường xuyên lên Đài Truyền Việt Nam bình giảng văn thơ cho cả nước học tập, thường xuyên được các số giáo dục mời đi bồi dưỡng các đội tuyển học sinh giỏi văn lớp 12, nên việc ông dùng những kiến thức không chuẩn, những quan niệm sai lầm, những nhận định có tính chất mạ lỵ, xúc phạm tới các tác giả lớn để giảng trong nhà trường là một việc làm rất nguy hiểm; ví như việc tác giả để hẳn một chuyên luận bảo thơ Hàn Mặc Tử là thơ diên khùng, là thứ thơ mất trí, vô nghĩa, nhằm nhí ; lại nói xấu Nguyễn Du bảo ông tả liễu thua xa Xuân Diệu, tả liễu chỉ cốt để tả liễu, mặc dù trong *Truyện Kiều* đại thi hào đã 25 lần tả liễu và toàn là tuyệt chiêu của nghệ thuật thi ca. Tiến Sĩ Chu Văn Sơn còn ra sức nói xấu, hạ bệ thơ tình Xuân Diệu như bảo "nàng thơ" của nhà thơ tình số một Việt Nam là nửa trai, nửa gái, rằng "em", với "nàng" trong thơ tình Xuân Diệu phần lớn là đám đực rựa râu ria xồm xoàm ; rằng chính con người Xuân Diệu có cấu tạo sinh lý nửa đực, nửa cái...

Đã đến lúc công luận cần lên tiếng để tiến sĩ Chu Văn Sơn không được dùng các diễn đàn hết sức quan trọng và nhạy cảm như để hạ bệ, bôi nhọ trắng trợn các thần tượng văn học nước nhà.

Chúng tôi xin mời quý độc giả, xem Chu Văn Sơn gọi hồn Nguyễn Bính hiện lên trang giấy bằng cách bảo sau khi viết kiệt tinh hoa cho thơ, cuộc đời riêng (tức con người cá nhân đời thường) của nhà thơ Nguyễn Bính chỉ còn toàn là cặn bã. Trước hết, xin quý độc giả xem quan niệm về con người của Chu Văn Sơn đúng hay sai : "Nghiên cứu tiểu sử nhiều nhà văn, lắm lúc thấy nghi ngờ cái tín điều đã thành mặc nhiên trong truyền thống : văn là người. Thực ra, chẳng phải nhọc lòng hoài nghi. Nó vẫn mặc nhiên là tín điều. Có chăng, cần phải hiểu thế nào về người thôi. Sự đồng nhất giản đơn con người sinh hoạt với con người văn chương thì rất dễ gây thất vọng, hẫng hụt. Bởi văn là sự lên tiếng của con người tâm linh, con người khát vọng. Khát vọng chân chính của một con người chính là biểu hiện tập trung cho bản chất của người ấy. Và do đó, tấm vóc khát vọng cũng quyết định phần lớn tấm vóc của cá nhân. Tôi chưa biết anh là ai, nhưng hãy bộp bộp khát vọng của mình, tôi sẽ biết anh là ai"...

Quan niệm về con người của Chu Văn Sơn trên đây là hoàn toàn duy tâm và không đúng. Đánh giá con người đúng hay sai, xấu hay tốt, đẹp hay không đẹp người ta đánh giá trên

tư tưởng, tình cảm, lời nói và hành vi người ấy, chứ sao lại chỉ căn cứ trên khát vọng, trên ước mơ của người ấy như Chu Văn Sơn bảo "«khát vọng" là "bản chất" của con người, rằng : "...Hãy bộp bộp khát vọng của mình, tôi sẽ biết anh là ai" (!) Ví dụ như khi có một tên chuyên môn giết người cướp của mang bộ dạng thiện lương, ăn mặc rất trí thức lịch lãm đến gặp Chu Văn Sơn, rồi bộp bộp khát vọng của mình như sau : tôi luôn ước mơ sống trong giàu sang phú quý và khát vọng cả thế gian ai cũng vợ đẹp con khôn, ăn sung mặc sướng, tôi muốn thế giới hòa bình, xã hội phồn vinh...

Ồi chao, toàn là khát vọng chân chính cả thôi ! Nếu chỉ căn cứ vào khát vọng này để đánh giá, chứ không căn cứ vào hành vi (thực chất anh này là tên giết người cướp của) thì e tất cả bọn đao phủ trên thế gian này đối với Chu Văn Sơn đều có thể là người tốt cả ư ? Khát vọng của Hitler, Mao Trạch Đông, Stalin, Pôn-pốt, Kim Nhật Thành... há chẳng tốt đẹp lắm sao ? Bao nhiêu kẻ có ước mơ khát vọng vương đạo nhưng hành vi thì bá đạo. Bao nhiêu kẻ lấy mục đích tốt đẹp (khát vọng bình đẳng, tự do, bác ái) làm môn bài, làm bình phong để che lấp hành vi xấu xa, độc ác, ví như dương ngọn cờ chính nghĩa của Cách Mạng tư sản Pháp đi cướp nước người ta đó sao ?

Mang quan niệm sai trái về con người như trên, rồi áp đặt vào đánh giá con người nhà văn, Chu Văn Sơn đã đi từ sai lầm này đến sai lầm khác : "Cho nên "văn là người" là con người ấy, tức con người bên trong, con người bề sâu, con người khát vọng". Đánh giá "con người nhà văn" sao chỉ căn cứ vào khát vọng của anh ta ? Sao lại tách con người thật, con người đời sống, con người thân phận mang tư tưởng, tình cảm, mang bi kịch cá nhân của nhà văn ra khỏi bản chất bên trong làm nên nghệ thuật của anh ta ? Việc Chu Văn Sơn tách "khát vọng bên trong" ra khỏi đời sống bên ngoài của nhà văn là tách cá ra khỏi nước, tách nội dung ra khỏi hình thức, tách hồn ra khỏi xác, cũng giống như việc cắt đứt sợi dây điều khiển buộc con diều vào mặt đất. Bằng quan niệm duy tâm này, Chu Văn Sơn mượn lời Nguyễn Khải để cặn bã hoá con người nhà văn nói chung và con người Nguyễn Bính nói riêng : "Nhà văn Nguyễn Khải có lần nói: đối với anh nghệ sĩ, phần tốt đẹp cao quý nhất của tâm hồn đã trút vào văn chương hết rồi. Còn những gì thể hiện trong sinh hoạt đời thường, đời khi chỉ là phần cặn bã của hắn mà thôi. Người ta đã kể ra chả ít chuyện nhếch nhác, bê tha, lôm loam của Nguyễn Bính trong sinh hoạt giao du. Con người đời thường lắm chỗ sao mà trái cựa trái khoáy với con người văn chương đến thế. Nhưng bức chân dung tinh thần đích thực là thuộc về cái tôi bề sâu của nghệ sĩ. Cái tôi ấy tự họa trong văn chương ngay cả khi nó không hề tự giác. Nguyễn Bính đã trút vào thi ca tất cả những khát vọng sâu kín và cao quý nhất của mình. Cho nên Chả Vì Cái ư Không Đồng Nhất Này mà trong nghiên cứu nghệ thuật mới cần phân biệt Con Người Thi Sĩ (Ngoài Đời) và Cái Tôi Thi Sĩ (Trong Văn)... (Phần chữ in hoa trong bài do TMH nhấn mạnh).

Ngay cả khi nói đùa, nói cốt để nhún mình, diễu mình, chọc mình...đi nữa thì câu nói Chu Văn Sơn dẫn ra được cho là của Nguyễn Khải (nói ở đâu, trong hoàn cảnh nào, ngữ cảnh nào ?) cũng không thật đúng. Dù tác giả có đưa từ "đôi khi"

đi kèm, để nói rằng không phải là phổ biến, thì ý tưởng bảo nhà văn sau khi sáng tạo, tinh hoa phát tiết hết ra ngoài nên bản thân "hần" chỉ còn là cặn bã là một cách bôi nhọ nhà văn, bôi nhọ người nghệ sĩ. Xin xem *Đại từ điển Tiếng Việt* của Bộ GD&ĐT (NXB Văn hóa Thông tin 1999) trang 271, định nghĩa từ "cặn bã" như sau: "Cái vô dụng, xấu xa, thấp hèn, đáng bỏ đi, ví như phần cặn và bã sau khi đã chắt lọc, lấy hết tinh chất: trừ bỏ cặn bã, văn chương cặn bã, phần tử cặn bã trong xã hội". Vượt qua mức độ "đôi khi chỉ là phần cặn bã của hần" - nhà văn, Chu Văn Sơn áp dụng ngay vào trường hợp Nguyễn Bính, và không hề nói tay, đã cặn bã hóa cuộc đời tư của nhà thơ này bằng từ: "Cái Bã Bên Ngoài": "Nguyễn Bính đã trút vào thi ca tất cả những khát vọng sâu kín và cao quý nhất của mình. Cho nên, chỉ vì Cái Bã Bên Ngoài mà nghi ngờ Cái Hồn Bên Trong". Trong đời thực, hoàn toàn không có cứ liệu nào chứng minh cuộc đời riêng của Nguyễn Bính toàn là cặn bã như Chu Văn Sơn vu vạ.

Ở chính chỗ này, Chu Văn Sơn đã "pha" cuộc đời nhà thơ Nguyễn Bính ra làm hai phần hỗn và xác, như người ta "pha" thốt thịt heo: xương ra xương, thịt ra thịt, huyết ra huyết. Nghiên cứu tác giả tác phẩm mà "nghiên cứu" theo phương pháp mổ bò thể này, thì tiêu vong hết mọi đối tượng tiếp cận mà thôi. Sau khi "pha" Nguyễn Bính ra làm hai phần hoàn toàn riêng biệt và đối lập hẳn nhau: Con Người Thi Sĩ Đời Thường chính là Cặn Bã và Cái Hồn Bên Trong - Cái Tôi Thi Sĩ Trong Văn toàn là tinh hoa cao quý. Hóa ra, cơ sở của văn thơ tinh hoa cao quý kia lại chính là Cặn Bã ư? Làm sao một con người có cuộc đời cá nhân, cuộc đời thân phận vô dụng, xấu xa, thấp hèn, đáng khinh, đáng bỏ đi, thái hoại đi như thế lại sinh ra vàng mười thơ ca toàn là thiêng liêng quý giá được? Tục ngữ Việt Nam có câu "Người làm sao chiêm bao làm vậy"; làm sao một kẻ có cuộc đời cặn bã như Nguyễn Bính (theo Chu Văn Sơn) lại có thể sinh ra ngọc ngà châu báu thi ca? Không phải bất cứ nhà văn nào cũng phải sống đúng như tiêu chí Chân Thiện Mỹ mà tác phẩm ông ta luôn phải hướng tới; hoặc hoàn hảo, tuyệt đối như Khát Vọng Cái Đẹp của tác phẩm đặt ra; nhưng chỉ ít cuộc đời của mỗi người viết cũng phải là vật bảo hiểm cho điều anh viết ra. Một kẻ bán nước, làm tay sai cho giặc không thể viết ra những dòng thơ yêu nước làm cảm động hồn người. Một kẻ sống ác thì làm sao viết ra điều thiện làm xúc động lòng người đây? Nhà văn thu nạp đời sống vào trong mình như quặng, để rồi dùng tài năng nghệ thuật luyện từ quặng ra thành vàng, thành kim cương văn học. Lẽ nào kim cương ấy, vàng ấy lại quay ra phản quặng, đối lập với quặng? Nếu đời sống sinh hoạt của nhà văn chỉ toàn cặn bã, tức là bản thể anh không phải là quặng nữa rồi. Làm sao anh có thể luyện cặn bã ra vàng mười thơ văn đây?

Đối lập hoàn toàn giữa con người nhà văn với tác phẩm của ông ta, rồi còn Cặn Bã Hóa đời sống thường nhật của nhà văn không chỉ trong trường hợp riêng Nguyễn Bính, như Chu Văn Sơn đã làm trên đây là một hành vi tiêu diệt chính văn học vậy. Thế mà lạ thay, Văn Giá lại mượn báo Văn Nghệ mà khen Chu Văn Sơn đến mức tốt vời như thế, thì quả là không còn trời đất gì nữa rồi.

Trần Mạnh Hảo

Hoa Kỳ và Nhật Bản chống hối lộ

Ngày 25-8-2008, bốn cựu quan chức Nhật của công ty Tư Vấn Quốc Tế Thái Bình Dương (PCI) bị tòa án Nhật truy tố về tội hối lộ quan chức Việt Nam. Đây là lần đầu tiên công tố viện Nhật Bản đem xử một vụ hối lộ liên quan tới quan chức nước ngoài kể từ khi tu chính bộ luật hình sự năm 1998, theo đó các vụ hối lộ như vậy bị coi là bất hợp pháp.

Các bị cáo, trong đó có cựu phó chủ tịch Masayoshi Taga, 62 tuổi, bị buộc tội hối lộ một quan chức Việt Nam tại Sài Gòn trong những năm 2003 và 2006 trong một dự án nhận nguồn vốn viện trợ phát triển (ODA) của chính phủ Nhật. Các bị cáo đã hối lộ tổng cộng 820 000 USD (90 triệu Yen) để cám ơn việc công ty PCI được trúng thầu với tổng trị giá là 3.1 tỷ yen (khoảng 300 triệu USD). Người nhận hối lộ phía Việt Nam là ông Huỳnh Ngọc Sỹ, phó giám đốc sở giao thông công chính Sài Gòn, kiêm giám đốc ban quản lý PMU Đông Tây.

Dư luận Nhật Bản đã rất kinh ngạc khi thứ trưởng ngoại giao Hồ Xuân Sơn, ngày 17-8-2008, đề nghị giới truyền thông Nhật và Việt Nam không nên đưa tin về vụ này khi chưa có kết luận cuối cùng. Cũng nên biết, công ty PCI đã tư vấn thiết kế công trình xây dựng đường hầm Thủ Thiêm do nhà thầu Obayashi Co thi công. Đường hầm này đã để lộ có nhiều vết nứt nguy hiểm.

Bên kia bờ Thái Bình Dương, ngày 6-9-2008, sở tư pháp Philadelphia, Hoa Kỳ, cho hay bốn công dân Mỹ vừa bị bắt trong một vụ hối lộ quan chức Việt Nam. Bốn người này đã hối lộ 150 000 USD cho đối tác Việt Nam để được cấp hợp đồng cung cấp thiết bị và công nghệ, trong đó có nhiều thiết bị quốc phòng thuộc loại "nhạy cảm" như thiết bị chống bom đạn và phụ tùng trực thăng. Trong số bốn người này, ba người là công dân Mỹ gốc Việt và là anh em, các ông Nguyễn Quốc Nam, 52 tuổi, sinh sống tại Houston, Nguyễn Kim Anh, 39 tuổi, sinh sống tại Philadelphia, và Nguyễn Quốc An, 32 tuổi, sinh sống tại Philadelphia. người còn lại là Joseph T. Lukas, 59 tuổi, sinh sống tại Smithville, New Jersey. Tất cả đều bị bắt ngày 4-9-2008.

Cũng nên biết, ông Nguyễn Quốc Nam là sáng lập viên và chủ tịch công ty Nexus Technologies Inc., có văn phòng tại Nam Philadelphia và Việt Nam. Trong thời gian từ 1999 đến tháng 5-2008, công ty Nexus đã hợp tác với các công ty lớn của cầm quyền cộng sản Việt Nam như Tổng Công Ty Dầu Khí, Tổng Công Ty Hàng Không và Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam. Công ty Nexus xuất khẩu sang Việt Nam các trang thiết bị và công nghệ đo đạc dưới nước, chống bom, phụ tùng máy bay trực thăng, thiết bị dò hóa chất, phụ tùng vệ tinh và hệ thống dò tìm hàng không. Theo luật pháp Mỹ, muốn xuất khẩu trang thiết bị liên quan đến quốc phòng cần phải có những giấy phép đặc biệt, nhất là với Việt Nam.

Công ty Nexus có thể bị phạt tiền tới 10 triệu USD, ông Nguyễn Quốc Nam có thể bị án tù cao nhất là 25 năm và 650 000 USD tiền phạt. Những tông phạm chịu những án phạt thập hơn.

Nguyễn Văn Huy

Tìm hiểu chu kỳ nông lịch Jrai

Lê Quang Lâm

"... khi các cư dân núi rừng cùng chọn mốc thời gian giữa tháng nông nhàn để tổ chức những lễ hội truyền thống của dân tộc mình chắc chắn mọi hình thức văn hóa sẽ có đất để sinh sôi triển nở..."

Hàng năm vào khoảng tháng giêng, tháng hai âm lịch, người Kinh sống trên Tây Nguyên thường kháo với nhau làng này làng nọ người Jrai "ăn tết" khi đêm đêm họ nghe vọng đến từ xa tiếng cồng chiêng ngân vang trầm hùng. Sự ngộ nhận này có lý do của nó vì vào khoảng thời gian này người Jrai thường tổ chức lễ hội bỏ mả (*pothi*) lễ cảm ơn cha mẹ (*bóni kơ am- ama*) của những cặp vợ chồng mới ra riêng, lễ cúng các thần linh cùng với nhiều nghi lễ khác trong sinh hoạt xã hội và gia đình. Khoảng thời gian này người Tây Nguyên gọi là *blan ning nông*, tạm dịch là tháng nông nhàn.

Thun (năm)

Theo chu kỳ của hai mùa nắng, mưa và cây trồng trên cao nguyên, giống như người Kinh tính theo âm lịch, người Jrai cũng có một khoảng thời gian dài tương đương với một năm theo lịch người Kinh. Chu kỳ này được gọi là *thun*.

Thun của người Jrai khác với năm của người Kinh ở điểm người Jrai tính thời gian bắt đầu một thun từ những cơn mưa đầu mùa tương ứng vào tháng Tư âm lịch và kết thúc vào cuối tháng nông nhàn để chuẩn bị đón mùa mưa mới. Điểm khác biệt thứ hai là thời gian một năm của người Kinh bao gồm mười hai tháng với những ngày được tính rất đúng với chu kỳ mặt trăng, thun của người Jrai nói riêng và của cư dân bản địa Tây Nguyên nói chung bao gồm : mùa nắng (*bóyan phang*), mùa mưa (*bóyan hólím*).

Thun có bao nhiêu ngày chưa được minh xác rõ ràng, một tháng có bao nhiêu ngày cũng không được xác định cụ thể ngoài hình ảnh con trăng để chỉ một mốc thời gian nào đó trong tháng : *blan *ang* (trăng thượng tuần, trăng non) *blan đơng* (trăng một nửa), *blan abih* (trăng hạ tuần) *blan rơmi* (trăng tròn).

Bóyan phang, mùa nắng, được chia cắt thành nhiều khoảng thời gian không đồng đều khác nhau bởi những sinh hoạt gia đình, xã hội và tín ngưỡng. Nếu so sánh với âm lịch của người Kinh, *bóyan phang* rơi vào những tháng chạp, tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng tư và tháng năm. Nổi cộm nhất trong thời kỳ này là *blan ningnông* trải dài tương ứng với bốn tháng đầu.

Bóyan hólím là mùa mưa kéo dài tương ứng với sáu tháng theo âm lịch từ tháng sáu đến tháng mười một. Nếu như *bóyan phang* mang theo mình những lễ hội hoành tráng sôi nổi thì *bóyan hólím* là một chuỗi dài những công việc nương rẫy bận rộn : dọn rẫy, phát đốt rẫy, gieo tía lúa, làm cỏ lúa, bắt cá,

cắt măng, săn bắn, đan dệt, thu hái bắp, tuốt lúa...

Nói cách khác, chu kỳ một thun của người Jrai là một tập hợp của những công việc nương rẫy cùng với những sinh hoạt tín ngưỡng và xã hội. *Thun* bắt đầu khi những cơn mưa đầu mùa hào phóng tưới tắm vạn vật đang héo khô vì sáu tháng nóng nắng và kết thúc của một thun khi con người đã thu gặt mùa màng, đã làm tròn bổn phận với gia đình, với cộng đồng và thần linh cùng hồn ma những người đã chết. Thun kết thúc ngay sau ngày lễ cúng *yang Yă Pôm* trước ngày gieo tía. Dịp cúng thần này thường được tổ chức trong nhà rông do những người đàn ông dày dạn kinh nghiệm trong làng cử hành, nghi thức cúng thần này là nghi thức cuối cùng trong một chuỗi nhiều nghi thức khác trước khi vào vụ mới. Khi nghi thức đã làm xong một người giàu kinh nghiệm hiểu biết về thời tiết và mùa màng lấy giống ra rẫy gieo tía trước, từ sau ngày ấy những gia đình trong làng mới bắt đầu gieo tía trên phần đất của mình, công việc phải được hoàn tất trước khi chòm sao *tóho* (chòm sao Đại Hùng tinh) rơi vào đường chân trời phía Tây.

Người Jrai không dùng thun để nói về tuổi của một người hay một mốc thời gian nào đó. Thun không có số thứ tự như lịch của những dân tộc khác. Khi muốn nói đến tuổi, thường chỉ dùng cho những em bé không quá năm tuổi, người mẹ hoặc cha sẽ dùng hình ảnh thiên nhiên như một mốc thời gian



để nhớ. Ví dụ : con tôi sinh vào mùa bẻ bắp cách đây ba lần bẻ bắp. Hoặc con tôi sinh vào lúc hoa cây vòng nở rộ tính đến nay đã bốn lần hoa nở. Hoặc con tôi sinh vào dịp làng ăn trâu cúng thần nhà rông... Một điều đáng ghi chú là sự ước định về đơn vị thời gian của người Jrai rất tương đối giống như những đơn vị đo lường của họ. Ngày nay danh từ thun đã được hiểu theo cách tính lịch vì thế hệ trẻ được đi học nhiều cùng

với công việc làm ăn, ngày tháng phải thích nghi với các cộng đồng chung quanh và sinh hoạt chung của xã hội, qua đó thun có thêm nghĩa mới là một năm, *blan* có thêm nghĩa khác là một tháng. Người Jrai còn biết dùng trăng sao để nói về những mốc thời gian khác nhau. Chòm sao *tóho* là hình ảnh quen thuộc nhất với cư dân miền núi, nhìn sao *tóho* người ta biết khi nào thuận lợi để gieo tía trồng trọt. Sao *tóho* còn được người Jrai dựa vào hình dáng đẹp tạo nên ống điếu hút thuốc (*tăng tóho*) hay hình dáng của chiếc bẫy dâm bằng tre vót nhọn rất nguy hiểm. Để nói đến thời gian chòm sao này lặn mất vào hướng Tây vào tháng 5 và chòm sao *póm dăm dra* (Chòm sao Tiểu Hùng Tinh) lặn vào tháng tư người Jrai có câu : *blan pã póm dăm dra, blan rơma póm tóho*.

Tóm lại, chu kỳ thun tương ứng với một năm âm lịch nhưng mốc thời gian khởi điểm, những ngày đầu của thun và thời

điểm kết thúc không trùng với mốc thời gian chuyển tiếp của một năm âm lịch và người Jrai không có những lễ hội truyền thống cụ thể để tiễn đưa thun cũ đón chào thun mới như cộng đồng người Kinh ăn mừng tết dân tộc truyền thống của mình. Sự quan trọng và mốc thời gian chuyển tiếp để người Jrai hân hoan mừng vui ở một mốc điểm khác. *Thun* có thể nói là bộ áo bên ngoài, là thân xác của một chu kỳ thiên nhiên bao trùm linh hồn của nó là những lễ hội dân gian, là những nghi thức của tín ngưỡng đa thần cùng với những quan niệm về vũ trụ, về con người về thần linh qua đó khoảng thời gian giữa *blan ning nông* được coi như mốc thời gian chuyển tiếp quan trọng từ một chu kỳ cũ sang một chu kỳ mới.

Blan ning nông

Với giống lúa rẫy truyền thống trồng trên đất cao từ ngày gieo trồng đến ngày thu hoạch kéo dài sáu tháng, người Jrai và các cộng đồng cư dân bản địa khác trên Tây Nguyên thường hoàn tất công việc đồng áng vào khoảng cuối tháng 11 âm lịch. Tháng nông nhàn, *blan ning nông*, được bắt đầu từ đó và kéo dài bằng khoảng thời gian bốn tháng của âm lịch, nói cách khác *blan ning nông* tương ứng với tháng 12, tháng giêng, tháng hai và tháng ba âm lịch. Tháng nông nhàn được nói đến nhiều bởi những lễ hội người ta thường tổ chức trong thời gian này : *blan ning nông thông pothi* (tháng tham dự lễ hội bỏ mả), *blan ning nông thông toai* (tháng đi thăm anh em bạn bè). Trong bài viết này tôi dùng từ "tháng" để nói đến những mốc thời gian được người Jrai gọi là *blan* vì từ *blan* có nghĩa là mặt trăng hay chu kỳ của mặt trăng nhưng điều đáng lưu ý là số ngày trong *blan* không phải là 29 hay 30 ngày



như một tháng của người Kinh.

Thời gian kéo dài của *blan ning nông* được chia cắt làm hai phần rất rõ nét bởi những sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Jrai. Trong thời gian đầu của tháng nông nhàn sau mùa tuốt lúa nhà nhà đều tổ chức ăn mừng lúa mới (*ep *Ong*). Trong dịp này người ta cử hành nghi thức hạ cầu thang nhà lúa xuống để từ ngày ấy gia đình mới có thể lên nhà lúa lấy lúa về ăn hàng ngày. Dù có lúa nhiều hay ít gia đình nào cũng tổ chức ăn mừng lúa mới, họ thường thông báo và mời bà con anh em bạn bè đến chia vui và cùng tạ ơn đất trời thần linh. Những gia đình khác chọn cho mình một ngày riêng để không trùng hợp nhau.

Sau những ngày ăn uống thăm chơi hết nhà nọ đến nhà kia, những nghi thức cảm ơn ghi nhớ công lao của cha mẹ bằng cách giết heo cho cha mẹ ăn được tiếp nối (*taih bōbui am- ama*). Và rồi những ghè rượu cần sủi tăm hấp dẫn được cài lá cấm cần hút được trang trọng bày ra làm chứng cho những liên kết tình cảm anh em khi mọi người quây quần quanh

nó trong dịp tháng nông nhàn, chứng kiến bạn bè kết nghĩa, chứng kiến cho tình liên kết cha con bú vú cho mẹ nuôi, v.v. để rồi vào khoảng tháng giêng âm lịch nhà nhà nô nao khi nghe nói sẽ có những gia đình nào đó làm lễ bỏ mả cho người thân của mình.

Lễ bỏ mả không chỉ dừng lại ở niềm vui của người sống hoàn thành nhiệm vụ với thân nhân của mình, không chỉ vui sướng khi biết trong thế giới bên kia linh hồn người chết đã đi qua những giai đoạn sống tiếp nối sau sự sống của con người bằng xương bằng thịt để hoà vào với cội nguồn từ đó con người được tạo dựng nên, nhưng lễ bỏ mả còn là một lễ hội cộng đồng hoành tráng quy tụ mọi người lại với nhau không phân biệt ranh giới làng, họ chuyện trò thăm hỏi gặp mặt nhau sau những ngày tháng bận bịu vì nương rẫy. Lễ bỏ mả mang theo nó thông điệp chu kỳ chuyển dịch thời tiết của thiên nhiên, vạn vật đang chuyển mình hồi sinh, con người bên kia thế giới các hồn ma cũng đang tái sinh nơi xứ sở tổ tiên, người sống múa nhảy trong cảm xúc thần thiêng hòa điệu cùng thiên nhiên và vũ trụ.

Phần thứ hai của *blan ning nông* lấp đầy bởi những nghi thức cúng thần linh để chuẩn bị cho một thun mới, một chu kỳ mới với những công việc đồng áng bận rộn. Thời gian này kéo dài tương ứng bằng thời gian hai tháng của âm lịch, từ tháng hai đến tháng Ba. Nếu thời gian phần đầu của tháng nông nhàn dùng để tổ chức những lễ hội có tính gia đình và những giao lưu vui chơi cộng đồng thì phần thứ hai của tháng nông nhàn được chiếm lĩnh bởi những nghi thức cúng thần : *pokra ia* (cúng thần giọt nước của làng, *yang ia*) , *ngã yang rông* (cúng thần nhà rông của làng), *ngã yang oi (kOm Tha)*, *kOm bōl* (cúng đuổi những thần dịch bệnh : *yang Hgr*), *kOm yă Pôm* (cúng cho bà *Pôm* tượng trưng cho thần mùa màng, *yang Hri*). Trong tất cả những lần hiến tế trâu, bò cho thần linh, người Jrai có ít nhất ba ngày để vui chơi với tâm tình tạ ơn hay cầu xin tùy theo mục đích giết trâu. Ngày đầu

là hơi mut (ngày vọng), ngày thứ hai là *hroi pōah* (ngày chính lễ), ngày thứ ba là *hroi *Ong akO* (ngày kết lễ). Từ *hroi mut* đến ngày *pōah*, mọi người hồ hởi vui mừng cùng nhau nhảy múa theo nhịp chiêng rộn rã rải đều âm thanh của nó suốt đêm, những công việc liên quan đến con người được hoàn tất trong ngày vọng để rồi trước khi mặt trời mọc, âm điệu của công chiêng chuyển sang nhẹ nhàng thanh thoát hơn với một bộ ba bài được tấu lên mời gọi thần linh giáng xuống chứng kiến con trâu tế hiến bị giết chết. Suốt đêm vọng đó mọi người ca hát nhảy múa vui chơi hồ hởi, ngược lại sau nghi thức cúng thần linh và giết trâu chỉ là những bữa ăn đầy ắp thịt cùng với những lời mời mọc nhau uống cạn những mức rượu cần.

Qua những sinh hoạt văn hóa truyền thống và công việc đồng áng trên cùng với chu kỳ mùa màng, người ta có thể nói ngay thời gian giữa của *blan ning nông* tương ứng vào đầu tháng hai âm lịch, là mốc điểm quan trọng để cộng đồng người Jrai chính thức bước sang một chu kỳ mới của thiên nhiên. Thời gian thật sự rảnh rang nhàn rỗi đã qua đi với những lễ

hội gia đình, bước sang phần hai của tháng nông nhàn như bước sang một chu kỳ mới của vũ trụ. Phần thời gian còn lại của *blan ning nông* là những nghi thức tín ngưỡng khởi đầu cho một chu kỳ canh tác mới. Bước qua khoảng thời gian thứ hai, những cuộc hội hè vui chơi bị bỏ quên lại phía sau để nhà nhà lo soạn sửa dụng cụ cho vụ mùa mới, họ lên nương phát rẫy dọn cành đốt cháy và chờ mưa để gieo tía.

Theo cách nói của người Jrai, người ta còn nghe nói tới *blan pã rơmi* (tháng tư trăng tròn) *blan ning nông* (tháng nông nhàn), *blan rơma* (tháng 5) *blan păn* (tháng 8) ngoài ra không nghe nói đến những tháng còn lại. Thời gian sau này khi tiếp cận với người Kinh và bắt đầu làm lúa nước người Jrai có những câu nói : *tem blan pã hmăo hla*, *tem blan rơma hmăo boh*

(cấy lúa vào tháng tư chỉ có toàn lá, cấy vào tháng năm mới có nhiều hạt). Tháng Tư và tháng năm nói trên được tính theo tháng âm lịch của người Kinh.

Trong văn chương truyền khẩu của người Jrai, người ta thường nghe nói tới *blan pã rã rơmi*. Những cuộc ước hẹn quan trọng như cưới hỏi, đánh nhau để phân thắng bại, những lần thần linh hẹn ước với con người đều được chờ đến thời gian này để tiến hành. Nghiên cứu kỹ người ta sẽ thấy cụm từ trên có hai nghĩa, nghĩa thứ nhất (nghĩa đen) là "tháng tư trăng rằm". Nghĩa thứ hai (nghĩa bóng) là "ngày lành tháng tốt". Nếu như khi bắt đầu gieo tía là tháng một tương đương với tháng tư âm lịch thì *blan pã rơmi* trùng với tháng tám âm lịch đúng vào tiết Trung thu của người Kinh.

Ngày nay đời sống đời thường và sinh hoạt tín ngưỡng trong lòng các cộng đồng cư dân bản địa trên Tây Nguyên đã có nhiều thay đổi cả cái tốt lẫn cái không tốt. Ngày tháng năm của dương lịch được nhiều người biết đến, mô hình sinh hoạt xã hội và gia đình truyền thống theo hình thức sơ khai đang rạn vỡ để người dân Tây Nguyên chuyển mình hòa nhập với những cộng đồng chung quanh và với thế giới. Sự nứt rạn những truyền thống này đã phần nào xóa bỏ, hay đúng hơn bóp nghẹt những sinh hoạt văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc đặc thù của từng cộng đồng : sinh hoạt trong nhà rông không còn nữa, những nghi thức cúng tế cộng đồng cũng mất dần. Thế hệ trẻ tách rời sinh hoạt cũ một cách vội vã và khắp khiêng, tinh thần hướng ngoại càng ngày càng leo cao để rơi vào một tình trạng mất phương hướng chói vôi.

Ngày nay những hội lễ bỏ mả (*pothi*) cùng những lần cúng thần linh chung cả làng đã dần dần biến mất không biết nguyên nhân tại sao : phải chăng do hòa nhập với đời sống hiện đại hay do sự đối chọi khác biệt với giáo lý các tôn giáo mà cư dân bản địa càng ngày càng theo rất đông ? Hoặc phải chăng do sự khác biệt về tín ngưỡng tôn giáo trong một làng mà trước kia mọi người chỉ có một thần linh chung ? Những nghi thức lễ cộng đồng chỉ còn là những kỷ niệm của quá khứ kéo theo nó là tất cả những hình thái văn hóa truyền thống. Nhìn thẳng vào thực tế ngày nay, người Jrai và các cộng đồng

khác không còn một lễ hội nào cả, ngoài một vài nơi cố níu kéo gìn giữ nếu không kể những lễ hội được tổ chức một cách vội vã nhiều thiếu sót để quay phim trình diễn, qua đó người ta không tìm thấy sự hiện diện của "linh hồn văn hóa" thật sự Tây Nguyên.

Trong sinh hoạt văn hóa ngày trước, những dịp lễ hội này không chỉ dừng lại ở việc cúng kiếng thần linh nhưng là dịp để mọi người có thể gặp mặt nhau, thăm hỏi chúc tụng nhau. Vào những dịp cuối năm theo âm lịch, mọi sinh hoạt xã hội của người Kinh đều tăng tốc, các hàng quán đầy ngập người mua sắm, vào chợ chen chân không lọt, mọi người đều xôn xao nói về ngày tết, bàn về ngày tết, viết về ngày tết... Những sinh hoạt trong những ngày cuối năm đã cuốn hút những cư

dân bản địa trên Tây Nguyên, thấy mọi người xôn xao mua sắm họ cũng làm theo tuy rằng không biết làm để làm gì: rõ ràng người Kinh lo sắm sửa để đón mừng năm mới theo âm lịch, mừng tết dân tộc, tết cổ truyền và nếu viết hết ra là tết cổ truyền của dân tộc Kinh với văn hóa riêng của họ. Những người con của núi rừng cũng mua một vài hộp bánh mứt, nhưng khi hỏi mua để làm gì thì không ai trả lời được ngoài một câu : ăn cho vui. Họ đang đói khát lễ hội truyền thống.

Người Tây Nguyên quên mất là thời gian đón mừng một chu kỳ mới của riêng mình có đó cùng với mọi hình thức văn hoá được phô bày rất hoành tráng tuyệt mỹ. Những truyền thống nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ có

đó. Những nghi thức lễ hội tạ ơn tổ tiên Đất Trời có đó. Những lễ hội tưởng nhớ đến người đã chết có đó và những dịp họp mặt gặp gỡ bà con xóm giềng cũng có đó nhưng trước kia chúng xuất hiện rải rác trải đều trong tháng nông nhàn mà mọi người quên lãng mốc điểm quan trọng là đúng giữa *blan ning nông* vào đúng đầu tháng Hai âm lịch đất trời và con người giao hòa để bước sang một chu kỳ mới. Nếu một ngày nào đó khi các cư dân núi rừng cùng chọn mốc thời gian giữa tháng nông nhàn để tổ chức những lễ hội truyền thống của dân tộc mình chắc chắn mọi hình thức văn hoá sẽ có đất để sinh sôi triển nở và con cháu họ có cơ hội để nghe, để nhìn ông bà cha mẹ nói về tổ tiên nòi giống của họ.

Vấn đề này đang thách thức những người yêu mến các nền văn hóa đa dạng của các cộng đồng cùng chung sống trong nước Việt Nam, vấn đề này cũng thách thức những người con ưu tú của núi rừng Tây Nguyên nếu muốn phát huy và bảo tồn vốn văn hoá riêng lẻ đặc thù của họ. Vấn đề này cũng là sự thách thức cho các tôn giáo đang có mặt trong cộng đồng người Tây Nguyên tìm ra một sự hội nhập hài hòa nhuần nhuyễn để những lễ hội lớn nhỏ, trong gia đình cũng như cộng đồng được tồn tại. Người Tây Nguyên không chỉ cần cơm để ăn nhưng họ cũng cần có lễ hội truyền thống để sống hạnh phúc.

Lê Quang Lâm (Paris)



Sống với "đất dừ"

Oanh Đạt

Đạo này cứ đến 11 giờ đêm, tôi lại mở radio nghe đọc truyện dài kỳ "Đất dừ" của Aimado. Không rõ tác giả viết vào thời kỳ nào mà cảnh sống của con người giống chỗ tôi đang tá túc đến thế. Khác chăng là không có những đồn điền cây cao cao mà thôi. Còn thì đủ thứ chuyện giống như trong sách miêu tả.

Vâng ! tôi đang ở thủ đô Hà Nội. Mong bạn đọc thông cảm cho phép tôi không được tiết lộ địa chỉ cụ thể nơi ở vì những lí do hết sức nhạy cảm. Nào là công an, an ninh. Nào là bọn bảo kê đầu gối... Những thế lực này luôn hành xử bằng bạo lực không ghê tay với bất kỳ ai mở lời trái ý hoặc tỏ ra mình là người đứng đắn.

Hai dãy nhà trọ "cấp 6", mỗi phòng rộng trên dưới chừng 10 m², xây bít bùng cao khoảng 3 m, chỉ chừa một cửa ra vào đủ lọt người. Mái lợp bằng phê brô xi măng và lát trần là những tấm cốt ép mốc ả. Trên đây là thế giới của họ hàng nhà chuột mà đêm nào tôi cũng phải nghe chúng chạy rượt đuổi âm âm và tiếng cắn nhau chí chóc. Một buồng vệ sinh kiêm phòng tắm dùng chung cho tất cả mọi người. Đặc điểm chung của hai dãy nhà trọ này là : nắng thì như lò nung, mưa thì trong như ngoài. Hai tấm ván nằm khó tìm được nơi kê khô ráo. Được cái giá cả phải chăng, chỉ 300.000 đ một phòng cộng thêm 20.000 đ tiền nước. Riêng tiền điện hơi đắt, trên 2.000 đ/1Kw. Đầu dãy nhà là hai quán bán cà phê giải khát. Đêm đến mới chạng ra hai biển hộp lập lòe đèn xanh đỏ. Cư dân chính phần đông là nhân viên của hai quán đó. Các cô gái trên dưới hai mươi tuổi ăn mặc như những người mẫu biểu diễn thời trang. Chiều lại khoe những cặp đùi săn chắc, tròn lẳn và cố ý để lộ bộ ngực chực tấn công rung rinh đầy gợi cảm.

Phía cuối dãy là tôi và một vài người nữa có thu nhập thấp và không thường xuyên thuê. Đã sang thế kỷ hai mốt, ngày nào cũng được nghe các vị lãnh đạo và đài báo khoe khoang về sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước. Đường như chuyện ấy không ảnh hưởng gì tới nơi tôi ở. Thu nhập của tôi trên dưới 3.000.000 đ/tháng. Dù đã tính toán chi li, chi tiêu rất tần tiện, vậy mà cuối tháng nào tôi cũng phải "vắt chân lên cổ, chặt đầu cá và đầu tôm". Nói chi đến người có thu nhập trên dưới 1.000.000 đ/tháng thì cuộc sống của họ vất vả biết nhường nào. Nhưng thôi, cứ "trường thiên tiểu thuyết" mãi chuyện này không khéo lại mang tiếng nói xấu chế độ. Dẫu sao chúng ta cũng là công dân được sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa vô cùng ưu việt. Muốn ăn cướp đánh đĩ gì gì cũng được. Miễn là đừng thể hiện lòng yêu nước và tinh thần xây dựng tiến bộ xã hội mà chước họa vào thân.

Hồi đầu mới thuê trọ, tôi cứ như người trên trời rơi xuống. Hàng ngày phải chứng kiến các cô gái xinh tươi môn mơn

như con cháu mình phải làm nghề "bán thân đổi mấy đồng xu, một ngày xé túi cao su mấy lần" mà không khỏi động lòng trắc ẩn. Sau này, "đầu hôm chạm vai, sớm mai chạm mặt" cũng quen dần. Ngay cả khi nhìn thấy bơm tiêm của cô nào đó nghiệm chích vút ngổn ngang trong buồng vệ sinh tôi cũng không rung mình ngạc nhiên nữa. Không biết tự bao giờ, người dân Việt Nam quen ứng xử "sống chung với đủ mọi thứ" ! Dẫu đây là điều xấu xa tệ hại nhất. Và tôi cũng không ngoại lệ. Có khách tới, các cô gái í ới hồn nhiên gọi nhau đi làm vui vẻ như ngày xưa chúng tôi rủ nhau tham gia sinh hoạt đoàn vậy. Giá một nhát "tàu nhanh" các cô "chặt" 100.000 đ cộng với 30.000 đ tiền phòng vị chi là 130.000 đ. Còn giá qua đêm thì phải thỏa thuận vì không có giá sàn. Khách có thể gặp chủ và thoải mái chọn bông hoa nào mình thích hái.

Kinh tế đất nước đang lâm vào tình trạng khủng hoảng lạm phát. Giá cả sinh hoạt tăng vùn vụt. Nhưng các cô gái làm nghề này vẫn kiên trì cầm giá ổn định. Cũng nhờ thế mà đời sống "xã hội tươi mát" ngày đêm vẫn rậm rịch quan khách dập diu. Trên thế giới này có đâu sung sướng vô tư bằng Việt Nam cơ chứ. Vừa rồi tôi có nghe một đài nước ngoài đưa tin Việt Nam đã xuất khẩu nghề này sang Nhật. Một nam công dân đất nước mặt trời mọc đã chế riều chàng trai con Lạc cháu Hồng làm cùng công ty rằng "con gái Việt Nam sang Nhật hầu hết làm điếm". Mới nghe, công dân nước Việt định đem món võ tử truyền Bình Định dạy cho võ sĩ Samurai một bài học. Song anh ta đã kịp trấn tĩnh, chuyển màu mặt từ đỏ sang tái và cúi gầm xuống. Vì thực tế mà võ sĩ Samurai nêu lên là không thể chối cãi. Thói quen ứng xử "sống chung với nỗi nhục" đã được công dân Việt Nam này áp dụng rất nhuần nhuyễn.

Cô gái bên cạnh phòng tôi tên là TH. Đã học xong lớp 12. Cô tâm sự với một bà cụ ở trông cháu cho con rằng : Gia đình cô ở một tỉnh phía Bắc. Đất đai nhà cô bị nhà nước thu hồi để làm khu công nghiệp hay sân gôn gì đấy. Ra khu tái định cư, số tiền được đền bù không đủ để làm lại nhà cửa. Bố mẹ cô đành phải cầm bìa đất mới cấp cho ngân hàng và nợ... ngày càng chồng chất. Không biết làm sao để sống, cô liền tập con thần lẩn tự cắn đuôi mình. Lúc đầu còn e ngại nhưng sau đó quen dần và trở thành khôn ngoan trong cách khai thác "vốn tự có". Nhờ có nhan sắc và vóc người khoẻ khoắn nên thu nhập của cô khá cao. Mỗi tháng trừ tiền ăn uống và nạp một nửa cho chủ vẫn còn để ra gần chục triệu gửi về giúp bố mẹ. Gia đình cô nay đã thoát nợ và cuộc sống đang ngày càng được cải thiện. Cô giấu nghề không cho bố mẹ biết. Nên hai cụ ở nhà cứ hồn nhiên khoe sự tài giỏi của con gái mình và không quên cảm ơn Đảng, chính phủ có đường lối lãnh đạo sáng suốt, đã tạo cho con gái các cụ phát huy tài năng trong công việc và có thu nhập cao.

Nghe được chuyện, một hôm tôi lấy hết can đảm lần la hỏi TH.

- Nghe nói hoàn cảnh nhà TH khó khăn lắm phải không?
- Vâng ! Nhưng nói ra để làm gì.
- TH có thể chia sẻ với chú được không ?
- Làm được gì hả chú ? Cháu sẽ tự giải quyết lấy.

Câu chuyện đứng đắn phải stop vì thái độ trả lời dứt khoát

ấy. Tôi chuyển sang giọng bông lơn trên đùa :

- Thu nhập cao thế là phải đóng thuế cho nhà nước đấy.

TH cong cớn môi, tròng mắt :

- Đùng hòng, của cháu chứ có phải của Đảng và nhà nước đâu. Mà cháu cũng đã nạp tiền cho chủ để làm luật với công an chính quyền rồi đấy, không ít đâu chú ạ. Có thể họ mới cho chúng cháu yên ổn làm ăn.

... Cách đây không lâu, một người bạn làm công tác văn hóa rủ tôi đi tắm biển. Mải mê đùa với sóng, tôi không biết anh bạn trở về phòng từ lúc nào. Khi tôi lên phòng thì đã thấy anh bạn ở cùng một cô bé chừng 14, 15 tuổi. Bạn tôi háy mắt :

- Hay lắm ! Cậu làm một nhát cho biết đời.
Tôi sững người gườm gườm nhìn bạn. Sợ cô bé mất hứng nên tôi liền thay đổi thái độ. Miệng khen cô bé xinh nhưng ruột tôi như đang bị ai vò. Chao ôi ! Một nụ hoa chưa hé, một trái ngọt đang xanh éo thế này mà đã bị sóng gió cuộc đời vùi dập. Tôi thở dài hỏi cô bé.

- Cháu còn bé thế mà đã đi làm nghề này để làm gì ?

- Cháu lấy tiền mua sách giáo khoa !

Trời đất ơi ! Câu trả lời hồn nhiên của cô bé gái như một mũi dao nhọn sắc chích vào tim tôi. Biết là "Đừng nghe ca ve kể chuyện đừng nghe con nghiện trình bày", nhưng trong trạng huống này thì tôi phải tin 100% câu trả lời của cô bé là sự thật. Tôi mở ví lấy ra năm chục ngàn đưa cho cô bé và nói như một kẻ mất hồn :

- Cháu cầm lấy mà mua sách, về đi, đừng làm cái nghề này nữa.

Tay tôi run bắn, mặt tái nhợt người như muốn ngã khụy. Cô bé nhón tay cầm tiền, nhỏ nhẹ cảm ơn rồi rón rén bước ra ngoài. Không khí trong phòng tôi lúc ấy ngọt ngọt như mất bão.

Nỗi niềm cuộc tắm biển chưa nguôi ngoai thì mới đây tôi lại gặp một trường hợp đặc biệt khác. Thấy các cô gái nơi tôi ở khua tay ra hiệu cho một đồng nghiệp rồi cười như nắc nẻ. Hỏi ra mới biết cô ca ve này bị cầm điếu. Không dẫn lòng được, tôi khuyên các cô gái đừng trên cô ấy nữa. Tôi gặp bà chủ đề nghị :

- Tôi sẽ cho cô ấy năm chục ngàn. Bà cho cô ấy đến phòng tôi. Tôi muốn hỏi chuyện cô ấy chứ không làm gì cả.

- Bác muốn làm gì cũng được. Tùy bác. Nhưng giá cứ phải một trăm ngàn.

Lòng trắc ẩn từ bi của tôi bị xúc phạm song không làm gì được với thái độ lạnh tanh của bà chủ đã sống quen với "nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Tôi đồng ý giá một trăm ngàn. Bà chủ dẫn cô gái tới. Cô liếc mắt nhìn tôi nở nụ cười tình tứ. Tôi ra hiệu bảo cô gái cứ để cửa thế nhưng cô cương quyết đóng lại. Tôi rót nước mời cô và châm lửa hút thuốc. Biết hỏi chuyện cô gái vừa

cầm vừa điếu bằng cách nào bây giờ ? Tôi ngồi như tượng rít thuốc. Khói thuốc mù mịt cả gian phòng làm cho cô gái khuyết tật phải giơ tay ra hiệu không chịu nổi. Để lấy lòng cô gái. Tôi đem máy ảnh ra chụp cho cô ấy mấy kiểu. Cô ấy xem ảnh mình và tỏ ra vui lắm. Tôi ra hiệu hỏi cô ấy có biết chữ không ? Cô ấy gật đầu. Tôi mừng rỡ lấy ra một tờ

giấy và hai cái bút. Tôi màu đen còn cô ấy màu xanh. Cuộc đối thoại bằng chữ nghĩa bắt đầu :

- Tên em là gì ?

- Thị Thủy

- Quê em ở đâu ?

- Cười....

- Em có chồng chưa ?

... Một dòng chữ loằng ngoằng không hiểu nổi.

- Em làm nghề này lâu chưa ?

... Lại thêm một dòng chữ loằng ngoằng nữa.

Hóa ra cô ấy chỉ viết thạo hai chữ tên mình mà thôi. Tôi chán nản buông bút nghệt mặt trước trang giấy. Cô gái cầm cũng thả bút cầm lấy điện thoại di động của tôi tỉ mỉ lau chùi. Không ngờ cô ta lại thao tác sử dụng điện thoại thành thạo đến thế. Cả cái Samsung và cái Nokia cô ta đều mở máy và tìm tới mục trò chơi rất

nhANH. Thấy cô ta vui, tôi cứ để cho cô ấy nằm nghịch máy điện thoại cho tới khi bà chủ gõ cửa gọi cô ấy về. Nhân chuyện đùa như thật này, tôi đã được bà chủ cho phép chụp chơi mấy kiểu ảnh của các cô nhân viên khác. Giá một trăm ngàn cũng không đắt lắm nhỉ !

Sáng hôm sau, tôi đi ăn sáng về thì thấy cô bé cầm ngổ trước dãy nhà, hai mắt rung rung. Một người quen nhanh nhẩu nói với tôi :

- Bác ơi ! Cô ấy hồi đêm đi khách bị đánh.

- Ai đánh ?

- Khách đánh.

Tôi đến gần cô gái cầm ra hiệu hỏi thăm. Cô chia cánh tay trái còn in dấu móng một bàn tay làm tróc da thịt. Mới nhìn tôi ngỡ là bị răng cắn nhưng không phải. Tôi hỏi cô trong người có bị đánh không ? Cô gật đầu bảo có. Tôi ra hiệu bảo cô ấy đến phòng vén áo cho tôi xem vết thương nhưng cô ấy bẽn lẽn không đồng ý. Tôi tìm gặp bà chủ để phản ánh vụ việc này. Bà chủ nghe xong cũng không nén nổi giận :

- Em không biết chuyện này chứ không thì thẳng cha khách đó no đòn với em.

Câu nói của bà chủ cũng làm cho tôi giảm bớt một phần sôi sục. Cùng lúc một ý nghĩ không hay ho lắm xuất hiện trong đầu tôi. "Ta sống nơi đất dữ, sôi sục để làm gì, đau khổ thành cơm bữa, thôi chấp nhận cho quen đi".

Một cô gái bị tật nguyền cũng phải đi làm nghề "khai thác vốn tự có" để tồn tại thì còn nói chuyện gì nữa ! Hỡi chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt của chúng ta ơi !

Hà Nội, những ngày mùa thu u ám, 25-8-2008

Văn Đạt

Chuyện đùa

Vợ tôi và hấn đang làm một việc hết sức vô lý. Họ bàn nhau xem tôi nghĩ gì nhưng lại không hỏi tôi dù tôi ở ngay đó. Hấn là bạn tôi từ ngày còn nhỏ. Đang học dở dang trung học thì hấn bỏ đi làm thợ máy. Cũng nhờ là thợ máy mà vợ chồng hấn được vượt biên không tốn tiền. Sang đây hấn làm nhân viên bảo trì cho một khách sạn. Hấn là thằng bạn thân nhất của tôi. Đối với vợ tôi, hấn như một người trong gia đình. Hôm nay vợ chồng hấn tới ăn barbecue với chúng tôi, nhân tiện hấn giúp chúng tôi sửa cái máy bơm nước của hồ bơi. Cái máy này chạy ì ạch từ mấy tuần nay ; tôi nghĩ là mình thừa sức sửa nó, dù sao tôi cũng tốt nghiệp đại học. Tôi đã tháo nó ra và kết quả là nó ngừng chạy luôn vì tôi ráp lại không đúng.

Tôi nghe hấn hỏi : "không biết nó nghĩ gì mà làm như thế này ?". Vợ tôi vừa mới buột miệng "để hỏi anh ấy xem" thì hấn đã hoảng hốt la lên : "Trời đất ơi, bà để tôi yên, khổ thân tôi, để tôi làm cho xong đi".

Phải nói thẳng là tôi rất bất mãn với cách làm việc này. Cứ làm như mình là cha mẹ dân, đoán ý dân mà không thêm cho dân có tiếng nói. Đáng lẽ tôi phải cực lực phản đối nhưng tôi hoàn toàn cô lập bởi vì là thành phần còn lại của quần chúng. Vợ hấn, thay vì bênh vực tôi, lại cũng vào hùa với chính sách độc tài đảng trị này và cũng cười dòn một cách khoái chí. Thấy mình vô dụng tôi tuyên bố tẩy chay công trình sửa máy bơm và đi nướng thịt. Đến lượt cả vợ hấn lẫn bà xã tôi đồng thanh : "thôi anh để chúng tôi làm, anh mà nướng thì thịt thành than hết !". Thế là tôi hoàn toàn bị loại ra ngoài cuộc. Tôi đi chuẩn bị bia và nước uống cho bữa ăn.

Kể ra ít nhất trong dịp này bị xua đuổi cũng là một may mắn cho tôi. Tôi đang cần được yên ổn để suy nghĩ về một việc trọng đại : chuẩn bị thành lập "Mặt Trận Dân Chủ Thống Nhất Lên Án Cộng Sản Việt Nam Bán Nước", gọi tắt là Mặt Trận Thống Nhất. Mặt trận sẽ là một kết hợp của một số đông đảo nhiều hội đoàn, tổ chức, chính đảng và nhân sĩ, và chắc chắn sẽ gây được tiếng vang lớn. Tiếng vang sẽ rất cần thiết để lôi kéo sự chú ý của chính giới Mỹ vào giữa lúc mà hợp tác Việt Mỹ đang tăng cường và ảnh hưởng của Mỹ đang lên. Chúng tôi đã soạn thảo xong các văn kiện cơ bản : tuyên ngôn cương lĩnh, lời kêu gọi. Mặt trận sẽ không sợ bị đổ vỡ vì những mâu thuẫn nội bộ, vì tất cả các tổ chức và hội đoàn thành viên trên thực tế đều không còn nữa để mà cãi cọ với nhau. Còn các nhân sĩ thì cũng sẽ rất hài lòng vì họ không phải làm gì cả mà tên tuổi họ lại một lần nữa được nhắc đến một cách trang trọng như là thành viên chủ tịch đoàn. Khó khăn duy nhất là ban điều hợp. Chúng tôi đã tìm ra giải pháp ổn thỏa và hoàn toàn khả thi là tất cả những ai muốn đều là thành viên ban điều hợp. Chỉ còn một câu hỏi chưa được thảo luận vì khá tế nhị : ai sẽ là chủ tịch ban điều hợp ? Khách quan mà nói, tôi là người phù hợp nhất với vai trò này ; tôi có bằng cấp và địa vị khá, tôi cũng tương đối có tên tuổi vì đã viết một số bài báo và đã phát biểu trong nhiều hội thảo. Tôi cũng không thuộc một tổ chức nào và trong cương vị chủ tịch sẽ không làm mặt trận mang tiếng

MỤC LỤC

01. Thượng Viện Mỹ sắp biểu quyết một dự luật nhân quyền...	<i>Thăng Luận</i>
02. Chính sách một con sẽ dẫn Trung Quốc về đâu ?	<i>Nguyễn Minh</i>
04. Thế Vận Bắc Kinh, để làm gì ?	<i>Nguyễn Gia Kiểng</i>
07. Chiến lược hải quân và ý đồ của Trung Quốc trên Biển Đông	<i>Ngô Vinh Long</i>
10. "Quyền của chúng ta thì chúng ta làm !"	<i>Tiền Hồng</i>
12. Việt Nam chuẩn bị chiến tranh, Trung Quốc còn chờ đợi gì	<i>Hoàng Sa - Trương Sa</i>
14. Phải đương đầu với nước Nga	<i>Zbigniew Brzezinski</i>
15. Nga xâm lăng Georgia	<i>Ban biên tập báo Tổ Quốc</i>
16. Một cuộc chiến tranh lạnh mới bắt đầu ?	<i>Nguyễn Sơn Bá</i>
17. Bài học từ chiến sự Russia - Georgia	<i>Nguyễn Văn Hiệp</i>
19. Ngoại giao Việt Nam trước những thử thách mới	<i>Nguyễn Văn Huy</i>
21. Khi việc nghiên cứu và dạy Văn bị nhầm nhí hóa	<i>Trần Mạnh Hào</i>
26. Nhật Bản và Hoa Kỳ chống hối lộ	<i>Nguyễn Văn Huy</i>
27. Tìm hiểu nông lịch Frai	<i>Lê Quang Lâm</i>
30. Sống nơi "đất dữ"	<i>Văn Đạt</i>
32. Chuyện đùa	<i>Đáy</i>

là bị một tổ chức nào đó khống chế. Hơn nữa tinh thần của mặt trận là kêu gọi các thành viên gạt bỏ mọi dị đồng chính kiến, điều này tôi có thể làm được một cách dễ dàng vì tôi không có chính kiến. Tất cả vấn đề là phải có người đề nghị tôi vào chức vụ chủ tịch.

Tôi chợt nhìn ra một giải pháp : hấn. Tôi sẽ đem hấn vào mặt trận, hấn sẽ gia nhập ban điều hợp và đề cử tôi. Chắc chắn là thành công bởi vì tuy ai cũng muốn chức vụ chủ tịch nhưng mọi người đều khiêm tốn nhường nhau, mọi người đều chờ đợi được người khác đề cử. Rất có thể sẽ chỉ có một mình tôi được đề cử.

Tôi khoan khoái đã tìm ra giải pháp. Hấn cũng vừa sửa xong cái máy bơm, rửa tay xong và tới ngồi bên cạnh tôi uống bia một cách đắc thắng. Hấn hỏi tôi này giờ làm gì. Tôi trình bày với hấn dự án mặt trận và những triển vọng của nó. Tôi đưa cho hấn xem các tài liệu dự thảo và danh sách các tổ chức và nhân sĩ sáng lập.

Đọc xong hấn cười :

- Không được, lộ quá ! Chuyện nhỏ xíu như sửa cái máy bơm này cũng cần biết rõ nhau để phân công xem ai làm được gì, ai phải đi chỗ khác chơi. Danh sách thành viên sáng lập của mày gồm toàn các vị không biết ai là ai. Con nít cũng biết là chuyện đùa. Vui đấy, nhưng hơi lộ liễu. Chuyện đùa phải có vẻ thực một chút mới vui.